



A TOTAL LOGISTICS PROVIDER

TRANSIMEX-SAIGON
NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ LOGISTICS TỔNG THỂ
A Total Logistics Provider **2010**

ANNUAL REPORT



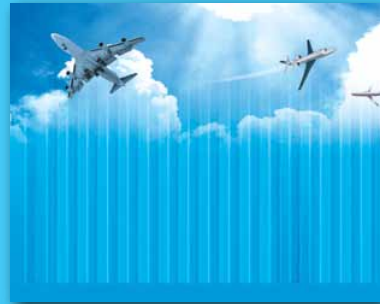
01

02

03

04

05



MỤC LỤC / CONTENTS

I. TỔNG QUAN 04		I. OVERVIEW 64	
THÔNG điệp CỦA CHỦ TỊCH HĐQT	06	CHAIRMAN'S MESSAGE	64
GIỚI THIỆU CHUNG	08	GENERAL INFORMATION	08
TẦM NHÌN - MỤC TIÊU	10	VISION - OBJECTIVES	66
CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN	10	DEVELOPMENT STRATEGIES	66
II. GIỚI THIỆU CÔNG TY 12		II. COMPANY PROFILE 68	
QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN	14	COMPANY'S HISTORY AND DEVELOPMENT PROCESS	68
NHỮNG THÀNH TÍCH CÔNG TY ĐẠT ĐƯỢC	15	OBTAINED CERTIFICATES	69
NHỮNG MỐC LỊCH SỬ ĐÁNG NHỚ CỦA TRANSIMEX-SAIGON	16	MILESTONES OF TRANSIMEX-SAIGON	70
NHỮNG SỰ KIỆN NỔI BẬT NĂM 2010	17	OUTSTANDING EVENTS IN 2010	71
GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	18	MEMBER OF BOM	18
GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT	19	BOARD OF SUPERVIORS	19
GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH	19	GENERAL DIRECTOR	19
NHÂN SỰ CỦA TRANSIMEX-SAIGON	20	TRANSIMEX-SAIGON'S STAFFS	72
III. BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO 22		III. REPORT FROM BOARD OF MANAGEMENT 74	
BÁO CÁO CỦA HĐQT	24	BOARD OF MANAGEMENT'S ANNUAL REPORT	74
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	28	BROAD OF DIRECTOR'S REPORT	78
BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT	34	INSPECTION COMMITTEE'S REPORT	82
IV. BÁO CÁO QUẢN TRỊ 36		IV. GOVERNANCE REPORT 84	
SƠ ĐỒ TỔ CHỨC	38	ORGANIZATION STRUCTURE	38
THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG	40	SHAREHOLDER INFORMATION	84
CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN DOANH	41	ACTIVITIES OF THE SUBSIDIARIES AND THE JOINT VENTURE COMPANIES	85
V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH 44		V. FINANCIAL STATEMENTS 88	
BÁO CÁO KIỂM TOÁN (1/1/2010 - 31/3/2010)	46	AUDITOR'S REPORT (1/1/2010 - 31/3/2010)	88
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (1/1/2010 - 31/3/2010)	47	CONSOLIDATED BALANCE SHEET (1/1/2010 - 31/3/2010)	89
BÁO CÁO KẾT QUẢ HĐKD (1/1/2010 - 31/3/2010)	51	CONSOLIDATED INCOME STATEMENT (1/1/2010 - 31/3/2010)	93
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (1/1/2010 - 31/3/2010)	52	CONSOLIDATED CASH FLOW STATEMENT (1/1/2010 - 31/3/2010)	94
PHỤ LỤC BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG	54	APPENDIX (1/1/2010 - 31/3/2010)	96
CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU (1/1/2010 - 31/3/2010)			
BÁO CÁO KIỂM TOÁN (2010 - 2011)	55	AUDITOR'S REPORT (2010 - 2011)	97
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (2010 - 2011)	56	CONSOLIDATED BALANCE SHEET (2010 - 2011)	98
BÁO CÁO KẾT QUẢ HĐKD (2010 - 2011)	60	CONSOLIDATED INCOME STATEMENT (2010 - 2011)	102
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (2010 - 2011)	61	CONSOLIDATED CASH FLOW STATEMENT (2010 - 2011)	103
PHỤ LỤC BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG	63	APPENDIX (2010 - 2011)	105
CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU (2010 - 2011)			

01

TỔNG QUAN

- * THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT
- * THÔNG TIN CHUNG
- * TẦM NHÌN - MỤC TIÊU
- * CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN



VẬN CHUYỂN *an toàn*
Safety in TRANSPORT





Ông. **BÙI TUẤN NGỌC**
Chủ tịch HĐQT - Công ty Cổ phần Kho vận Giao nhận
Ngoại thương TP.HCM (**Transimex-Saigon**)

Thông điệp của chủ tịch HĐQT

Kính thưa Quý khách hàng, đối tác và Quý vị cổ đông!

Thay mặt Công ty Cổ phần Kho vận Giao nhận Ngoại thương TP. Hồ Chí Minh (Transimex-Saigon), tôi xin gửi lời chào trân trọng đến tất cả Quý vị.

Kính thưa Quý vị !

Năm 2010 đã đi qua với nhiều diễn biến khác với dự báo. Nền kinh tế Việt nam đạt tăng trưởng xấp xỉ 6,8 %, kim ngạch xuất nhập khẩu cả nước đạt ở mức khá (157 tỷ USD), trong đó tổng kim ngạch xuất khẩu đạt ở mức 72,2 tỷ USD (tăng 25,5 % so với năm 2009), tuy nhiên, lạm phát lại ở mức hai con số, diễn biến tình hình thị trường tiền tệ mà nổi bật là lãi suất ngân hàng tăng cao, biến động tỷ giá USD rất đáng lo ngại và có ảnh hưởng nghiêm trọng đến các doanh nghiệp, trong đó có các doanh nghiệp kinh doanh, đầu tư trong lĩnh vực dịch vụ Hàng hải và Logistics.

Theo thống kê chưa đầy đủ, ngành dịch vụ Logistics của cả nước nói chung trong năm 2010 tăng trưởng khoảng 10%, mặc dù vậy, trong bối cảnh thị trường dịch vụ vận tải hàng hải hồi phục chậm, cạnh tranh ngày càng khốc liệt giữa các doanh nghiệp để có thể tồn tại, sự tăng trưởng này vẫn còn tiềm ẩn nhiều rủi ro, chưa bền vững. Trước tình hình đó, Công ty Transimex-Saigon đã cố gắng đạt được kết quả tương đối khá trong đó tổng doanh thu năm 2010 tăng 13,3%, lợi nhuận trước thuế tăng 4,8% so với kế hoạch. Kết quả này có thể chưa đạt được sự kỳ vọng của Hội đồng quản trị cũng như quý vị Cổ đông, nhưng đây là một sự cố gắng vượt bậc của Hội đồng quản trị, Ban điều hành cũng như toàn thể Cán bộ Nhân viên Công ty.



Với truyền thống tốt đẹp đã được nhiều thế hệ đi trước dày công xây dựng và phát triển gần 30 năm qua, với nỗ lực phấn đấu của toàn thể cán bộ nhân viên Công ty, chúng tôi sẽ quyết tâm hoàn thành kế hoạch đã đề ra của năm 2011, phấn đấu đưa công ty Transimex-Saigon đến năm 2015 sẽ trở thành một trong những tập đoàn cung cấp dịch vụ tổng thể Logistics hàng đầu của cả nước.



Trong năm 2010, nhằm tạo ưu thế trong cạnh tranh và nâng cao chất lượng dịch vụ phục vụ khách hàng trong và ngoài nước, được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Công ty đã triển khai dự án đầu tư nâng cấp, quy hoạch Trung tâm kho cảng ICD Transimex. Dự án đã hoàn thành vào đầu năm 2011 với chất lượng tốt và hiện Công ty đã khẩn trương đưa vào khai thác, phát huy tối đa hiệu quả của các công trình đã đầu tư. Cùng với đầu tư về tăng cường cơ sở vật chất, Hội đồng quản trị cùng với Ban điều hành cũng hết sức chú trọng đến công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, phát triển hệ thống đại lý trên toàn cầu nhằm mở rộng dịch vụ, điển hình là Công ty đã thành lập Công ty liên doanh Transimex - Cambodia tại Vương quốc Campuchia vào đầu năm 2011. Cùng với dự án đầu tư nâng cấp Trung tâm kho cảng ICD Transimex, phát triển đội xe vận tải, nhằm mở rộng và đa dạng hóa chuỗi dịch vụ, Công ty đã đầu tư vào Cảng Container Hải An - Tp. Hải Phòng, trở thành một trong những cổ đông lớn của Cảng. Cảng Container Hải An đã bắt đầu khai thác dịch vụ từ tháng 3/2011 và bước đầu đạt được kết quả tốt. Ngoài ra, kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty Liên doanh Nippon Express (Vietnam) cũng đạt rất cao với doanh thu tăng gấp đôi và lợi nhuận tăng gần 50% so với năm 2009.

Bước sang năm 2011, diễn biến chung của nền kinh tế vẫn còn nhiều khó khăn, tình hình thị trường dịch vụ Logistics, dịch vụ Hàng hải vẫn hồi phục chậm, nhưng với quyết tâm khai thác có hiệu quả cao nhất những cơ sở vật chất đã đầu tư, Công ty Transimex-Saigon đã lập kế hoạch kinh doanh tăng trưởng về doanh thu là 12% và lợi nhuận là 24% so với thực hiện năm 2010. Công ty sẽ tiếp tục đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ Logistics tại Khu Công Nghệ Cao TP. HCM, cuối tháng 5/2011, Công ty đã được cấp giấy phép đầu tư và sẽ triển khai xây dựng kho hàng hóa, kho ngoại quan 10.000 m² phục vụ các nhà đầu tư tại giai đoạn 1 - Khu CNC. Cùng

với mục tiêu đa dạng hóa chuỗi dịch vụ của mình, Hội đồng quản trị quyết định sẽ tiếp tục đầu tư vào các Công ty cùng ngành nghề, trong đó sẽ tiếp tục tăng cường đầu tư vào Cảng Container Hải An và sẽ lựa chọn hợp tác và đầu tư vào những Công ty có ngành nghề bổ trợ cho hoạt động dịch vụ của Công ty Transimex-Saigon, đặc biệt là lĩnh vực vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng.

Với truyền thống tốt đẹp đã được nhiều thế hệ đi trước dày công xây dựng và phát triển gần 30 năm qua, với nỗ lực phấn đấu của toàn thể cán bộ nhân viên Công ty, chúng tôi sẽ quyết tâm hoàn thành kế hoạch đã đề ra của năm 2011, phấn đấu đưa công ty Transimex-Saigon đến năm 2015 sẽ trở thành một trong những tập đoàn cung cấp dịch vụ tổng thể Logistics hàng đầu của cả nước.

Nhân dịp này, thay mặt Hội đồng quản trị, Ban điều hành và toàn thể cán bộ nhân viên Công ty, xin gửi lời cảm ơn chân thành đến các Quý vị Cổ đông, cảm ơn Quý khách hàng, đối tác đã đặt niềm tin và hợp tác với Transimex-Saigon; cảm ơn các cơ quan, tổ chức, cá nhân đã giúp đỡ Công ty chúng tôi trong suốt thời gian qua và ước mong sẽ tiếp tục nhận được sự ủng hộ của quý vị trong thời gian tới. Đồng thời, cho phép tôi thay mặt Ban Lãnh đạo Công ty, xin chân thành cảm ơn toàn thể CB - CNV đã cống hiến hết sức mình vào sự phát triển của Công ty.

Kính chúc Quý vị sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt.

Kính chào trân trọng.

Bùi Tuấn Ngọc
Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị

THÔNG TIN CHUNG

Tên tiếng Việt : CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN GIAO NHẬN NGOẠI THƯƠNG TP. HCM
Tên tiếng Anh : TRANSFORWARDING WAREHOUSING CORPORATION HOCHIMINH CITY
Tên giao dịch : TRANSIMEX-SAIGON
Mã chứng khoán : TMS
Trụ sở chính : Lầu 9-10, TMS | BUILDING, 172 Hai Bà Trưng, Phường Đakao, Quận I, TP. Hồ Chí Minh.
Tel : + 84-8-2220 2888 (16 lines)
Fax : + 84-8-2220 2889
Email : info@transimexsaigon.com
Website : www.transimexsaigon.com
Vốn điều lệ : 165.152.140.000 đồng
(Một trăm sáu mươi lăm tỷ, một trăm năm mươi hai triệu, một trăm bốn mươi ngàn đồng).
Số lượng cổ phiếu đã phát hành : 16.515.214 CP
Ngân hàng : Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam, chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Số tài khoản : VNĐ 007.100.0006146 - USD 007.137.0082671.
Giấy đăng ký kinh doanh số : 0301874259 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư TP. Hồ Chí Minh
cấp ngày 24/12/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 19.

GENERAL INFORMATION

COMPANY'S VIETNAMESE NAME : CONG TY CO PHAN KHO VAN GIAO NHAN NGOAI THUONG HO CHI MINH CITY.
COMPANY'S ENGLISH NAME : TRANSFORWARDING WAREHOUSING CORPORATION - HOCHIMINH CITY.
TRANSACTION NAME : TRANSIMEX-SAIGON
Securities code : TMS
Address of head office : 9 - 10th Floor, TMS|BUILDING, 172 Hai Ba Trung Street, Dakao Ward, District I, HCMC.
Tel : +84-8-2220 2228
Fax : +84-8-3827 5559
Email : info@transimexsaigon.com
Website : www.transimexsaigon.com
Charter capital : VND 165,152,140,000
(one hundred sixty - five billion, one hundred fifty - two million one hundred forty VND only).
Quantity of share issued : 16,515,214 Common shares
Account at : Vietcombank-Ho Chi Minh City Branch
Account No. : VND 007.100.0006146; USD 007.137.0082671.
Certificate of Business Registration No. : 0301874259, Registered for revision on the 19th, issued on Dec 24th 2010 by HCMC
Department of Planning and Investment.





TRANSPORTATION - FREIGHT FORWARDING - LOGISTICS

Nhà cung cấp dịch vụ logistics tổng thể.



MULTIMODAL TRANSPORT - MULTIMODAL SCOPES

Hướng tới 1 tập đoàn đa ngành, phát triển bền vững.



SERVICES

Cung ứng chuỗi dịch vụ chuyên nghiệp, chất lượng hàng đầu.



Mục tiêu

Lấy mục tiêu chất lượng, an toàn và hiệu quả làm phương châm hàng đầu của Công ty đối với khách hàng. Hợp lực với các đối tác khai thác tối đa các nguồn lực, tạo ra nhiều dịch vụ ngày càng cao, khác biệt và vượt trội làm lợi thế trong cạnh tranh. Mức độ tăng trưởng và hiệu quả kinh doanh của Công ty luôn ổn định, tăng từ 15% - 20% mỗi năm, tăng thị phần, tăng khách hàng, nâng cao thu nhập người lao động.

Tầm nhìn

Phần đầu trở thành doanh nghiệp có đủ năng lực cung cấp chuỗi dịch vụ Logistics đúng nghĩa, tập trung mọi nguồn lực để đầu tư phát triển các mảng quan trọng của dịch vụ Logistics như vận tải, kho bãi, dịch vụ Cảng ICD, khai thuê Hải quan, vận chuyển, lắp đặt hàng siêu trường, siêu trọng,...

Trở thành tập đoàn kinh tế vững mạnh.

Quốc tế hóa về vốn, đối tác và địa bàn đầu tư.

Chiến lược phát triển

Ngắn hạn

Đưa phần mềm ứng dụng hệ thống ERP vào vận hành.

Nâng cấp 180m cầu cảng hiện hữu thành 2.400 DWT và xây dựng mới 80m cầu cảng 2.400 DWT để đáp ứng tải trọng của tàu chở container 2.400 Tấn cập cảng ICD.

Tiến hành đầu tư xây dựng Kho Ngoại Quan (giai đoạn I) - Trung Tâm Logistics tại Khu Công Nghệ cao TP. HCM, trở thành nhà cung cấp dịch vụ Logistics chủ yếu tại Khu Công Nghệ cao TP. HCM.

Xây dựng thương hiệu Transimex-Saigon ngày càng phát triển và đủ sức cạnh tranh trong và ngoài nước. Phần đầu tăng tốc phát triển về quy mô hoạt động cũng như vốn điều lệ, bảo đảm năng lực cạnh tranh theo lộ trình hội nhập kinh tế Quốc tế của Việt Nam.

Không ngừng nghiên cứu phát triển các dịch vụ hiện có và mới để đảm bảo sự tăng trưởng ổn định và lâu dài.



Dài hạn (2011 - 2015)

Tiếp tục đầu tư dài hạn vào lĩnh vực hoạt động Logistics của Công ty và mở rộng thêm các dịch vụ cao cấp khác với những bước đi vững chắc, linh hoạt, kết hợp chuyên sâu và đa dạng hóa, nhằm đảm bảo sự phát triển ổn định về doanh thu, lợi nhuận trong điều kiện khó khăn của thị trường hiện nay.

Áp dụng mô hình quản lý và kiểm soát hiện đại trong công tác Marketing, quản trị nguồn nhân lực, quản trị tài chính, đồng thời tuyển thêm nhân lực bên ngoài nhằm duy trì các chỉ số phát triển của Công ty.

Nâng cao quy mô và phạm vi hoạt động của Công ty cùng tốc độ phát triển của trong và ngoài nước hiện nay để xứng tầm là một trong những doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu của Việt Nam.

Đầu tư mở rộng hệ thống Cảng đường thủy nội địa, Logistics và mạng lưới dịch vụ kho bãi, vận chuyển giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu tại các KCN, KCX và các vùng kinh tế trọng điểm.

Hợp tác liên doanh, liên kết với các đối tác phát triển ngành nghề thương mại, dịch vụ tại các trung tâm kinh tế trong và ngoài nước.

Gia tăng hoạt động đầu tư tài chính, bất động sản.

Giữ vững thị trường và khách hàng truyền thống là Nhật Bản, Châu Âu, Châu Á. Tiếp tục mở rộng thêm thị trường ở một số nước khác như: Nga, Mỹ và Châu Úc.

Phát triển về ưu thế công nghệ, quản lý, xây dựng hệ thống vệ tinh, mạng lưới các chi nhánh, cung cấp các sản phẩm dịch vụ cho các dự án, công trình có nhu cầu về kỹ thuật và qui mô lớn.

Xây dựng và kinh doanh văn phòng cho thuê, căn hộ cao cấp.

Tăng ngân sách đào tạo đội ngũ CB - CNV để nâng cao trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, quản lý.

Đảm bảo nguồn vốn và hiệu quả cho các dự án đầu tư cũng như các hoạt động kinh doanh của các Công ty mẹ và Công ty con.

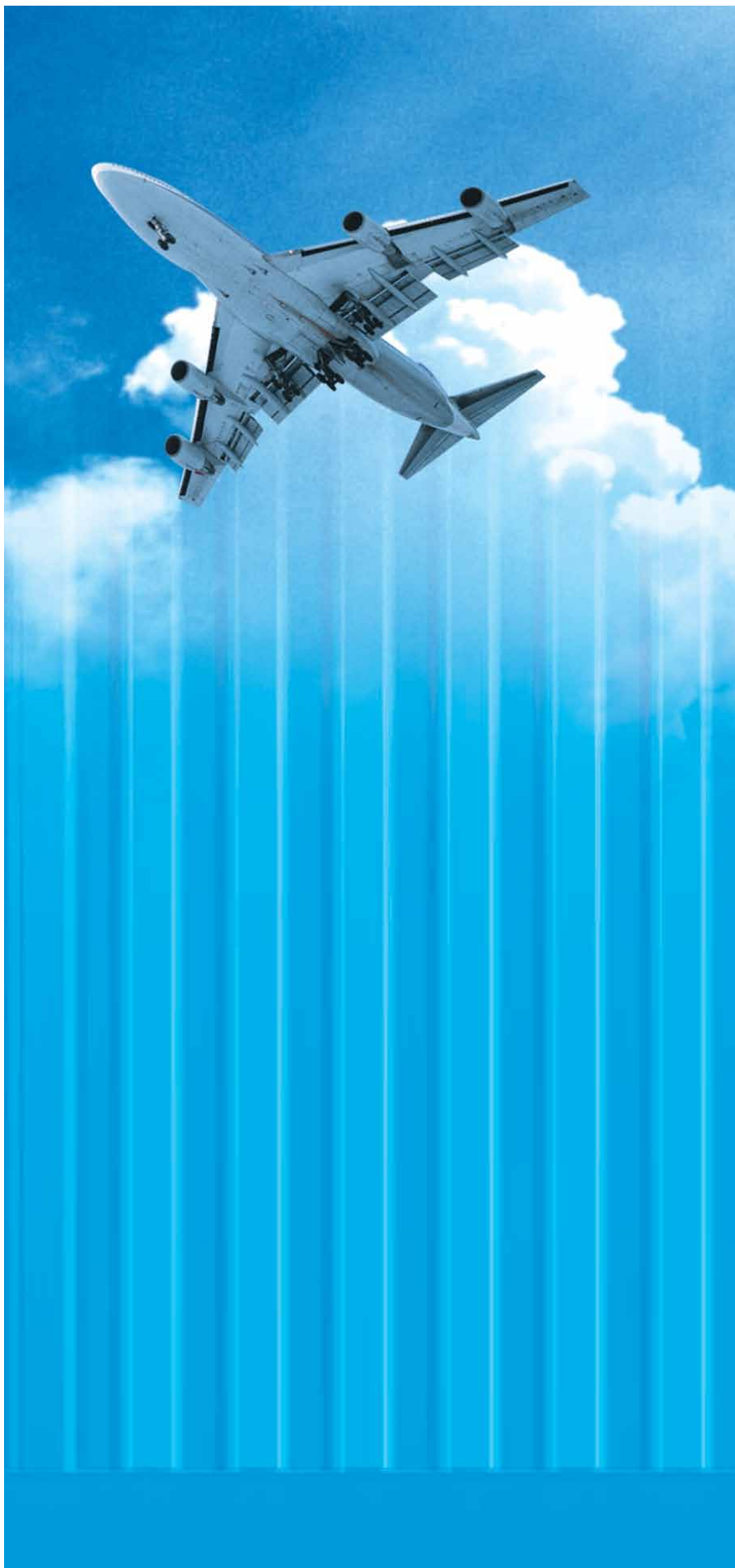
Đạt tỷ lệ tăng tỷ suất lợi nhuận, doanh thu từ 15 - 20%/ năm và nâng cao giá trị cổ phiếu của Công ty.

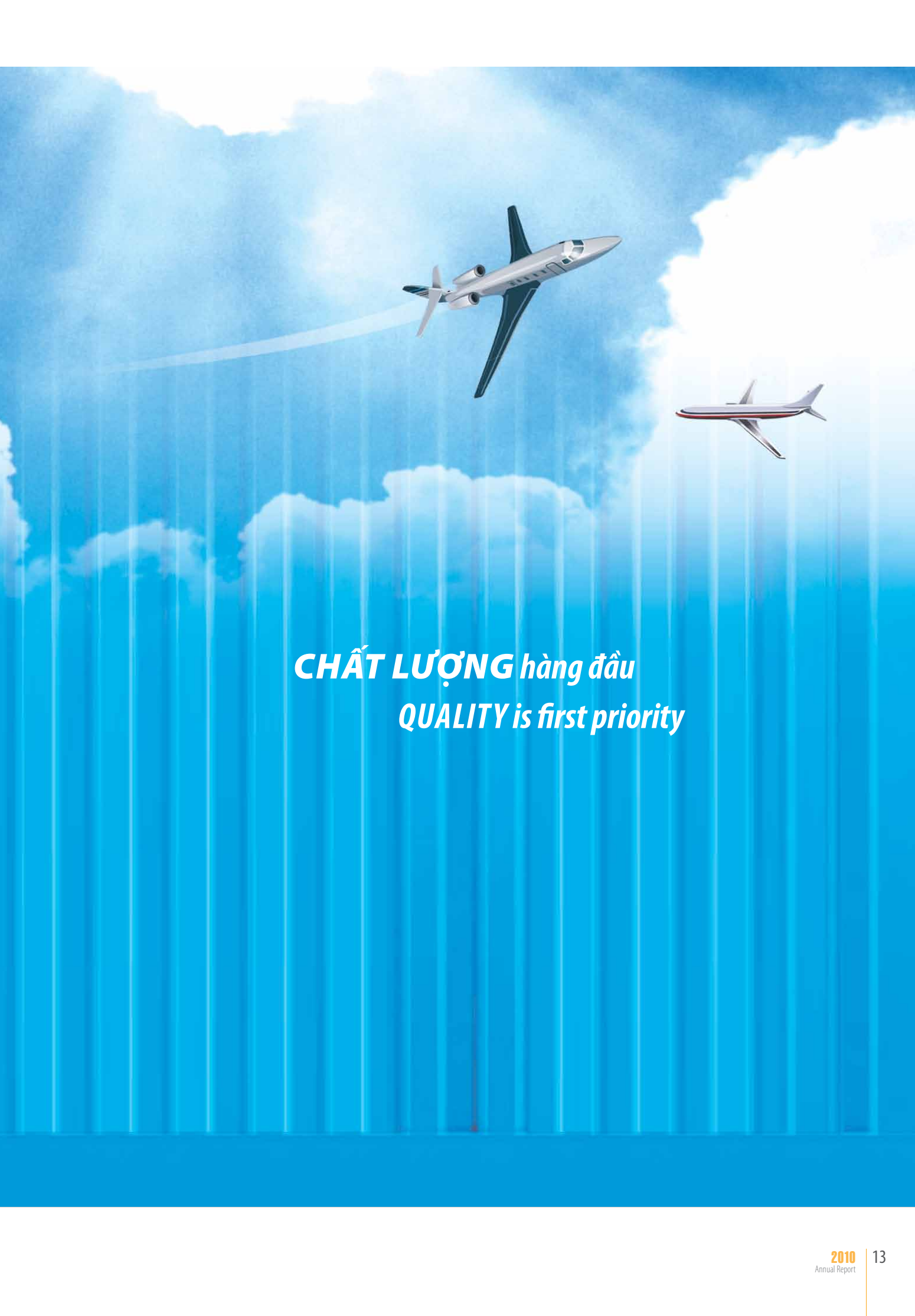


02

GIỚI THIỆU CÔNG TY

- * QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN
- * NHỮNG THÀNH TỰU ĐẠT ĐƯỢC
- * NHỮNG MỐC LỊCH SỬ ĐÁNG NHỚ CỦA TRANSIMEX-SAIGON
- * NHỮNG SỰ KIỆN NỔI BẬT 2010
- * GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
- * GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH
- * GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT
- * NHÂN SỰ TRANSIMEX-SAIGON





CHẤT LƯỢNG hàng đầu
QUALITY is first priority



LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG

Quá trình hình thành

Thành lập

Tiền thân của Công ty Transimex-Saigon là doanh nghiệp Nhà nước, được thành lập từ năm 1983, tại 172 Hai Bà Trưng, Phường Đakao, Quận I, TP. HCM.

Cổ phần hóa

Ngày 01/01/2000, Công ty Cổ phần Kho Vận Giao nhận Ngoại Thương TP. HCM chính thức chuyển thành Công ty cổ phần theo quyết định số 989/QĐ-TTg ngày 26 tháng 10 năm 1999 của Thủ Tướng Chính Phủ, hoạt động với vốn điều lệ ban đầu là 22.000.000.000 đồng.

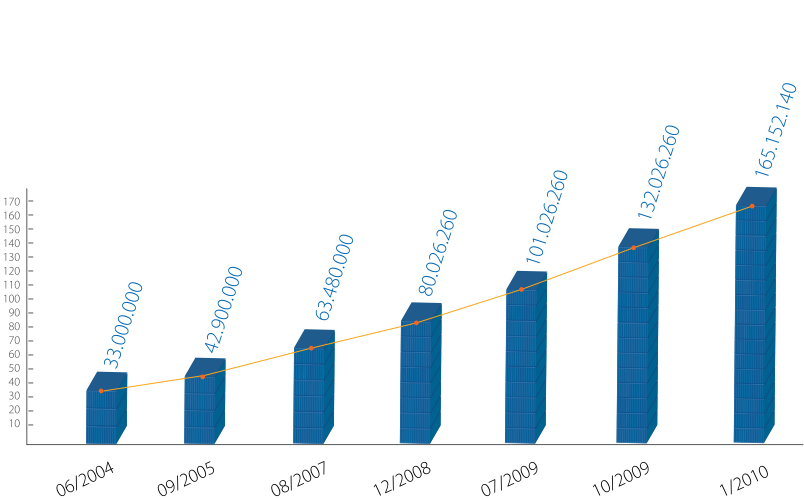
Niêm yết cổ phiếu lần đầu tiên

Ngày 04/08/2000, 2.200.000 Cổ phiếu của Transimex-Saigon chính thức niêm yết tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP. Hồ Chí Minh, với mã chứng khoán TMS, giá chào sàn: 14.000 đồng/ cổ phiếu.

Các đợt tăng vốn điều lệ

Vốn điều lệ hiện tại 165.152.140 đồng, quá trình tăng vốn như sau:

Biểu đồ tăng vốn điều lệ : Năm / Tiền



STT	THÁNG/ NĂM	VỐN ĐIỀU LỆ SAU KHI TĂNG (1.000 ĐỒNG)
Lần 1	Tháng 06/2004	33.000.000
Lần 2	Tháng 09/2005	42.900.000
Lần 3	Tháng 08/2007	63.480.000
Lần 4	Tháng 12/2008	80.026.260
Lần 5	Tháng 07/2009	101.026.260
Lần 6	Tháng 10/2009	132.026.260
Lần 7	Tháng 1/2010	165.152.140

Quá trình phát triển:

Ngành nghề kinh doanh

Từ năm **1983** đến nay, qua hơn **27** năm hình thành và phát triển, hiện nay, Công ty Transimex-Saigon vẫn luôn duy trì hoạt động các ngành chính hiện có và mở rộng phát triển thêm các ngành có thể mạnh khác, cụ thể như sau:

- » Đại lý giao nhận và vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu và công cộng bằng đường biển, đường hàng không và đường bộ.
- » Dịch vụ Cảng ICD, dịch vụ Container, kho ngoại quan, kho CFS, kho lạnh và kho thường. Kinh doanh kho bãi cảng. Dịch vụ giao nhận vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu; làm thủ tục Hải Quan; đại lý tàu biển và môi giới hàng hóa cho tàu biển trong và ngoài nước.
- » Kinh doanh kho bãi, xếp dỡ, lưu giữ hàng hóa xuất nhập khẩu trung chuyển.
- » Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Kinh doanh vận tải đa phương thức.
- » Dịch vụ vận tải đường thủy nội địa.
- » Đầu tư vốn vào các doanh nghiệp cùng ngành nghề trong và ngoài nước.
- » Đầu tư kinh doanh Tài chính - Chứng khoán.
- » Dịch vụ cho thuê văn phòng; đầu tư phát triển các dự án bất động sản.
- » Dịch vụ đóng gói, kê ký mã hiệu hàng hóa. Dịch vụ kinh doanh hàng quá cảnh.
- » Chuyển phát. Đại lý du lịch, kinh doanh tổng hợp.

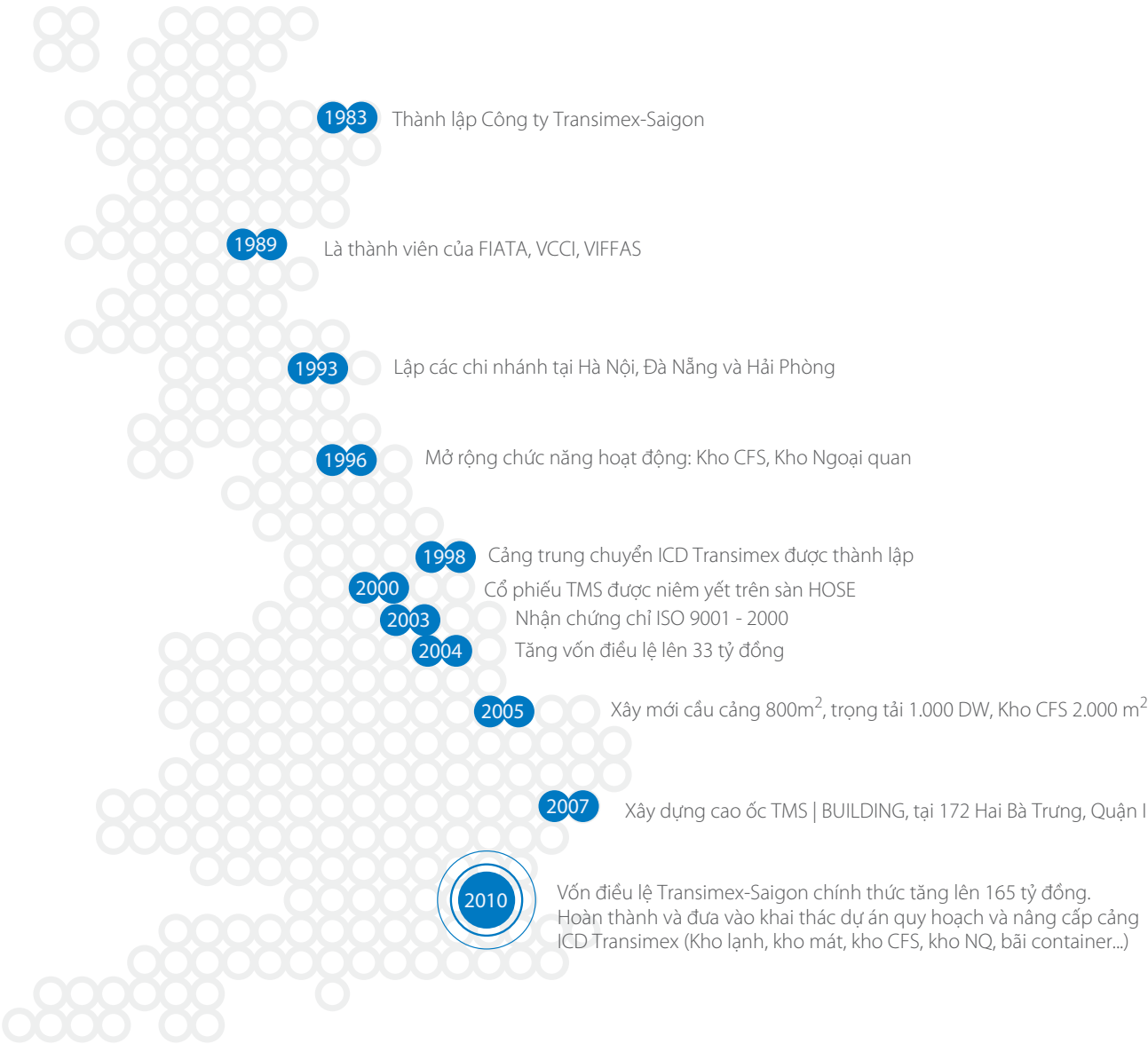
Thành tích đạt được:

STT	THÁNG/NĂM	BẰNG/CHỨNG CHỈ	ĐƠN VỊ CẤP
1	1989	Hội viên của các Hiệp hội FIATA, VIFFAS, VCCI	
2	12/2010	Chứng nhận QT hệ thống chất lượng ISO 9001 -2008, phiên bản :QP-TMS-2010.	Tập đoàn SGS
3	2000	Hiệp hội IATA	
4	2010	Kỷ niệm chương, vì thành tích đóng góp liên tục 10 năm đối với ngành chứng khoán Việt Nam.	Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM.
5	2010	Báo cáo thường niên đoạt giải tốt nhất	Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM.
6	2010	Bằng khen có nhiều thành tích trong công tác sản xuất kinh doanh, tham gia đấu tư thị trường chứng khoán, góp phần tích cực trong hoạt động tài chính, chứng khoán.	Do UBND TP. HCM.



Lễ Công Bố Hoàn Thành Dự Án
Quy Hoạch & Nâng Cấp Cảng
ICD TRANSIMEX

Các mốc son lịch sử đánh dấu sự trưởng thành của Transimex-Saigon



Những sự kiện nổi bật trong năm 2010:

1

Công ty Transimex-Saigon được cấp “Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài” để thực hiện dự án đầu tư tại Campuchia. Tên tổ chức kinh tế được thành lập ở nước ngoài: TRANSIMEX - CAMBODIA COMPANY LIMITED.

2

Thành lập Công ty TNHH MTV TRANSIMEX LOGISTICS, giấy chứng nhận đầu tư do Ban Quản lý Khu Công Nghệ Cao cấp.

3

Đầu tư xây dựng Kho ngoại quan, giai đoạn I tại Khu Công nghệ cao, Quận 9.

4

Ký kết hợp đồng Hợp đồng Hợp tác đầu tư kinh doanh Cảng Hải An - Hải Phòng với Công ty TNHH Vận Tải & Xếp dỡ Hải An.

5

Hoàn thành dự án “Quy hoạch nâng cấp Trung tâm kho cảng ICD TRANSIMEX”

6

Khánh thành văn phòng làm việc Trung Tâm Kho Cảng ICD Transimex, tại 7/1 Ấp Bình Thọ, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức.

7

Khai trương Kho Lạnh - Kho mát tại ICD TRANSIMEX.

8

Đưa 2 cầu RTG vào hoạt động.

9

Đưa 2 Tàu chở container vào vận hành, trọng tải 2.400 tấn/chiếc (128 teus).

GIỚI THIỆU HĐQT, BKS, BAN ĐIỀU HÀNH / BOARD OF MANAGEMENT

Hội Đồng Quản Trị / Member of BOM



Từ trái qua, từ trên xuống

Ông / Mr. **Vũ Chính**
Thành viên Hội Đồng Quản Trị
Member

Ông / Mr. **Huỳnh Minh Thảo**
Thành viên Hội Đồng Quản Trị
Member

Ông / Mr. **Nguyễn Hồng Quang**
Phó chủ tịch Hội Đồng Quản Trị
Vice Chairman

Ông / Mr. **Nguyễn Việt Cường**
Thành viên Hội Đồng Quản Trị
Member

Ông / Mr. **Lê Duy Hiệp**
Thành viên Hội Đồng Quản Trị
Tổng Giám Đốc
Member & General Director

Ông / Mr. **Bùi Tuấn Ngọc**
Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị
Chairman



Từ trái qua

Ban Kiểm Soát / Board of Supervisors

Bà / Ms. **Nguyễn Thị Đầm**
Thành viên Ban Kiểm Soát
Member

Ông / Mr. **Nguyễn Công Hiếu**
Trưởng Ban Kiểm Soát
Chief Supervisor

Ông / Mr. **Hoàng Phong Giao**
Thành viên Ban Kiểm Soát
Member



Từ trái qua

Ban Điều Hành / General Director Board

Ông / Mr. **Nguyễn Trí Hùng**
Phó Tổng Giám Đốc
Vice General Director

Ông / Mr. **Lê Duy Hiệp**
Tổng Giám Đốc
General Director

Ông / Mr. **Nguyễn Chí Đức**
Phó Tổng Giám Đốc
Vice General Director

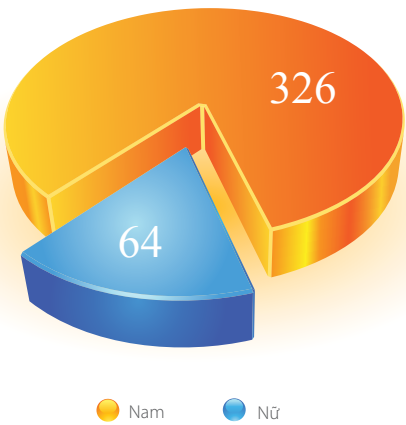
Số lượng lao động

Số lượng nhân sự của Transimex-Saigon phát triển cùng với quy mô và tăng trưởng của Công ty qua các năm. Tổng số lao động của Transimex-Saigon tính đến 31/03/2011: **390** người.

Chế độ chính sách

Với kết quả kinh doanh ổn định và tăng trưởng, Công ty đảm bảo mức thu nhập ổn định cho CB - CNV, thực hiện đầy đủ các chế độ cho CB - CNV theo quy định của nhà nước. Cụ thể như sau:

- » Thực hiện đăng ký đầy đủ các loại hình Bảo hiểm cho người lao động trong Công ty.
- » Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn thể CB - CNV Công ty.
- » Tặng quà Trung thu và tặng quà cho thiếu nhi con của CB - CNV trong Công ty nhân dịp Quốc tế thiếu nhi.
- » Hàng năm tổ chức đi nghỉ mát cho toàn thể CB - CNV, trong đó, cán bộ quản lý, nhân viên xuất sắc đạt thành tích cao được đi tham quan, du lịch ở nước ngoài.
- » Tặng quà cho các chị em nữ nhân dịp ngày phụ nữ Việt Nam (20/10) và ngày Quốc tế phụ nữ (8/3).
- » Đề xuất thưởng cho CB - CNV vào các ngày Lễ lớn trong năm.
- » Kết hợp với Công đoàn Công ty, hàng năm tổ chức hội thao CB-CNV vào các dịp lễ: 30/4 và 01/05, nhằm giao lưu và hợp mặt giữa các bộ phận trong Công ty.
- » Thông qua kế hoạch và chương trình đào tạo hàng năm, Công ty khuyến khích nhân viên học tập và rèn luyện theo định hướng chuyên môn, phù hợp với nghiệp vụ, rèn luyện thêm ngoại ngữ. Mặt khác, nâng cao trình độ quản trị cho đội ngũ cán bộ quản lý cấp cao.



Hoạt động hội thao, phong trào



03

BÁO CÁO BAN LÃNH ĐẠO

*BÁO CÁO CỦA HĐQT

*BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

*BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT





KHÁCH HÀNG là trên hết
CUSTOMER first

BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2010 - 2011

Kính thưa: Quý vị cổ đông

Thực hiện chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm tài chính 2010, Hội đồng quản trị xin báo cáo với quý vị cổ đông về tình hình thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, việc chỉ đạo, giám sát của Hội đồng Quản trị đối với Ban Tổng giám đốc Công ty trong năm 2010 và kế hoạch của Hội đồng Quản trị năm 2011 như sau:

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2010:

Năm 2010, mặc dù hoạt động kinh doanh chủ lực bị ảnh hưởng rất lớn do thực hiện dự án quy hoạch Trung tâm kho cảng ICD Transimex, nhưng Công ty đã tập trung mọi nguồn lực để hoàn thành các chỉ tiêu đã đề ra, cụ thể như sau:

» Năm tài chính: 01/1/2010 - 31/3/2010

- | | |
|---|--|
| » Tổng doanh thu đạt | : 49,9 tỷ đồng, tăng 3,96% so với Kế hoạch |
| » Lợi nhuận trước thuế đạt | : 7,6 tỷ đồng, đạt 97,44% so với Kế hoạch |
| » Tỷ trọng lợi nhuận trước thuế/ Tổng doanh thu | : 15,23%. |

» Năm tài chính: 01/4/2010 - 31/3/2011

- | | |
|--|--|
| » Tổng doanh thu đạt | : 240,2 tỷ đồng, tăng 13,30% so với Kế hoạch |
| » Lợi nhuận trước thuế đạt | : 56,6 tỷ đồng, tăng 4,81% so với Kế hoạch |
| » Tỷ trọng lợi nhuận trước thuế / Tổng doanh thu | : 23,56%. |
| » Cổ tức | : 10% bằng tiền mặt |
| » Cổ phiếu thưởng | : 25% |

Ngoài việc đạt và vượt các chỉ tiêu hoạt động kinh doanh, Ban lãnh đạo công ty đã thực hiện các chương trình hợp tác, đầu tư và phát triển như sau:

- » Thành lập Công ty liên doanh TRANSIMEX - CAMBODIA LIMITED ở Campuchia.
- » Thành lập Công ty TNHH Transimex Logistics tại Khu Công nghệ cao TP. Hồ Chí Minh.
- » Đầu tư vào dự án Cảng Hải An, tỉ lệ sở hữu 20% VDL Công ty TNHH vận tải và xếp dỡ Cảng Hải An.
- » Hoàn thành dự án hệ thống quản trị nguồn nhân lực (ERP).
- » Hoàn thành và đưa vào khai thác sử dụng “Dự án quy hoạch nâng cấp Trung tâm kho cảng ICD Transimex”.

II. CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2010 - 2011:

1) Thành viên Hội đồng Quản trị (“HĐQT”):

Đại hội đồng cổ đông ngày 29/03/2008 đã bầu Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2008 - 2013 gồm có 7 thành viên.

- | | | | |
|---------------------------------|-------------------|---------------------------------|-----------------|
| 1. Ông Bùi Tuấn Ngọc | Chủ tịch HĐQT | 5. Ông Nguyễn Việt Cường | Thành viên HĐQT |
| 2. Ông Nguyễn Hồng Quang | Phó Chủ tịch HĐQT | 6. Ông Vũ Chính | Thành viên HĐQT |
| 3. Ông Lê Duy Hiệp | Thành viên HĐQT | 7. Ông Lê Hùng | Thành viên HĐQT |
| 4. Ông Huỳnh Minh Thảo | Thành viên HĐQT | | |

Hội đồng Quản trị đã thống nhất phân chia các tiểu ban như sau:

Tiểu ban	:	QUẢN TRỊ KINH DOANH, TÀI CHÍNH, NHÂN SỰ VÀ LƯƠNG
Tiểu ban	:	KẾ HOẠCH - ĐẦU TƯ - XÂY DỰNG CƠ BẢN
Tiểu ban	:	NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG, CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN
Tiểu ban	:	LIÊN DOANH LIÊN KẾT

Ngày 08/7/2010, HĐQT đã chấp thuận việc Ông Lê Hùng từ chức thành viên HĐQT kể từ ngày 01/7/2010. Hội đồng quản trị tiếp tục hoạt động với số lượng 6 thành viên HĐQT còn lại.

Để thực hiện các nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông giao, Hội đồng quản trị Công ty đã tiến hành triển khai hoạt động theo các quy định của Điều lệ Công ty.

2) Các Nghị quyết Hội đồng Quản trị trong năm 2010 - 2011:

Kể từ sau Đại hội cổ đông thường niên 2009 - 2010 đến nay, Hội đồng quản trị đã có 11 phiên họp thông qua các vấn đề chính sau:

- » Thông qua chủ trương đầu tư vào Khu Công nghệ cao và Cảng Hải An.
- » Thông qua Quy chế quản trị năm 2010 của Công ty.
- » Thông qua vấn đề bổ nhiệm Kế toán trưởng của Công ty.
- » Thông qua việc triển khai phát hành trái phiếu chuyển đổi của Công ty theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên 2009 - 2010 của Công ty ngày 17/4/2010.
- » Phê duyệt kế hoạch đầu tư vào Công ty TNHH Vận tải và xếp dỡ Hải An.
- » Thông qua Đơn xin từ nhiệm thành viên HĐQT của Ông Lê Hùng.
- » Thông qua Đơn vị kiểm toán của Công ty năm tài chính 2010.
- » Thông qua Kế hoạch sử dụng nguồn vốn phát hành trái phiếu.
- » Thông qua vấn đề tăng hạn mức đầu tư tài chính của Công ty năm 2010.
- » Phê chuẩn kế hoạch kinh doanh ngắn hạn và dài hạn của Công ty.
- » Phê chuẩn vấn đề tăng vốn đầu tư vào Công ty liên doanh Nippon Express Việt nam.
- » Phê chuẩn Tờ trình Điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh năm tài chính 2010 - 2011.
- » Phê chuẩn kế hoạch phát hành cổ phiếu thường năm tài chính 2010 - 2011.
- » Phê chuẩn vấn đề bán thanh lý một số phương tiện vận tải của Công ty TNHH MTV Vận tải Giao nhận Ngoại thương (TMS-Trans).
- » Thông qua dự án thành lập Công ty liên doanh Transimex - Cambodia Limited tại Campuchia.
- » Thông qua vấn đề chuyển nhượng quyền sử dụng đất của Công ty tại Thửa B05, lô D13, Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, TP. Hà nội.
- » Bổ nhiệm Ông Lê Duy Hiệp - Quyền Tổng Giám đốc Công ty, giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty kể từ ngày 16/11/2010.
- » Thông qua vấn đề thành lập Công ty TNHH MTV Transimex Logistics tại Khu Công nghệ cao.
- » Thông qua mục đích sử dụng nguồn vốn cho các dự án đầu tư của Công ty.

BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2010 - 2011 (tiếp theo)

- » Thông qua thời gian và địa điểm tổ chức ĐHCĐ năm tài chính 01/01/2010 ->31/3/2010 và 01/4/2010 ->31/3/2011.
- » Thông qua thời gian chốt Danh sách tham dự ĐHCĐ và chi trả cổ tức 10% bằng tiền mặt của năm 2010.
- » Thông qua Báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty và kế hoạch kinh doanh năm 2011.
- » Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị trình ĐHCĐ thường niên 2010 - 2011.
- » Thông qua chương trình Đại hội cổ đông thường niên 2010 - 2011.
- » Thông qua Báo cáo thực hiện Quỹ lương năm 2010 và kế hoạch Quỹ lương năm 2011.
- » Thông qua chủ trương góp vốn giai đoạn 2 dự án cảng Hải An;
- » Thông qua các Tờ trình Đại hội cổ đông thường niên 2010 - 2011.
- » Thông qua một số vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2009 - 2010:

Năm 2010, HĐQT đã triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên 2009 - 2010:

1. Thực hiện phân phối lợi nhuận, trích lập quỹ năm 2010 theo đúng nghị quyết ĐHCĐ.
2. Duyệt chọn Đơn vị kiểm toán của Công ty năm tài chính 2010.
3. Thực hiện phát hành cổ phiếu thưởng tỷ lệ 25%: 3.302.726 cổ phiếu (làm tròn theo chốt danh sách). Đăng ký niêm yết và giao dịch : Tháng 1/2011
4. Thực hiện phát hành trái phiếu chuyển đổi:
 - » Phát hành thành công trái phiếu chuyển đổi: 100 tỷ đồng (đạt KH 100%)
 - » Sử dụng nguồn vốn phát hành trái phiếu:
 - Đầu tư các Cảng : 75 tỷ đồng (Cảng Hải An và ICD Transimex)
 - Đầu tư phương tiện vận tải : 24,2 tỷ đồng
 - Chi phí phát hành : 0,8 tỷ đồng
5. Năm 2010, do tình hình thị trường chứng khoán không thuận lợi và Công ty chưa có nhu cầu cấp bách về nguồn vốn, vì vậy, trong năm 2010, HĐQT quyết định hoãn việc thực hiện phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tỷ lệ 3:1 và phát hành 660.000 cổ phiếu cho CBCNV theo như nghị quyết ĐHCĐ TN 2009 - 2010. HĐQT sẽ lấy ý kiến biểu quyết của Đại hội cổ đông thường niên 2010-2011 thông qua vấn đề thực hiện hay hủy kế hoạch phát hành nêu trên.

Phần đầu thực hiện kế hoạch kinh doanh
từ 01/4/2011-31/3/2012

Tổng doanh thu: **269,00 tỷ đồng**

Lợi nhuận trước thuế: **69,8 tỷ đồng**

IV. KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH:

Việc cung cấp thông tin, báo cáo cho các thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện thường xuyên và đầy đủ, phục vụ kịp thời cho công việc chỉ đạo, giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban điều hành. Các thành viên đã nỗ lực làm việc và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, góp phần vào những kết quả đạt được của Công ty trong năm 2010.

Qua quá trình giám sát, Hội đồng quản trị nhận thấy Ban điều hành triển khai hiệu quả các nghị quyết của Hội đồng quản trị, kịp thời thông tin báo cáo và điều chỉnh tiến trình thực hiện phù hợp với tình hình thực tế và yêu cầu của Hội đồng quản trị.

V. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2011:

- » Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên 2010 - 2011, đề xuất trình Đại hội các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- » Phấn đấu thực hiện kế hoạch kinh doanh năm tài chính từ 01/4/2011 - 31/3/2012:
 - Tổng doanh thu: 269,00 tỷ đồng, tăng 11,99% so với kết quả năm 2010
 - Lợi nhuận trước thuế: 69,8 tỷ đồng, tăng 23,32% so với kết quả năm 2010

- » Tiếp tục triển khai các dự án đầu tư trong kế hoạch phát triển 5 năm của công ty. Trong đó, tập trung quy hoạch phát triển hệ thống Logistics của Công ty tại khu CNC giai đoạn 2, đầu tư đưa vào hoạt động Kho ngoại quan tại khu CNC giai đoạn I (1 ha).
- » Đầu tư giai đoạn 2 của Dự án Cảng Hải An, gia tăng tỉ lệ sở hữu tại Công ty TNHH Vận tải và xếp dỡ Hải An lên 25% VDL.
- » Tăng cường thực hiện Quy chế quản trị Công ty áp dụng cho các Công ty niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán để hoàn thiện hơn công tác quản trị Công ty.
- » Tổ chức các phiên họp thường kỳ ít nhất mỗi quý một lần để thảo luận, thông qua các báo cáo, kế hoạch, chỉ đạo kịp thời và hiệu quả việc triển khai thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- » Giám sát chặt chẽ và kịp thời chỉ đạo chấn chỉnh các hoạt động của Ban điều hành, đặc biệt trong các công tác triển khai các dự án đầu tư mới.

Trần trọng.

CÔNG TY CP KHO VẬN GIAO NHẬN NGOẠI THƯƠNG TP. HCM

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Bùi Tuấn Ngọc
Chủ tịch HĐQT



BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC



Công ty Transimex-Saigon đã đề ra nhiều giải pháp để điều hành hoạt động, hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu theo kế hoạch đề ra

BÁO CÁO KẾT QUẢ SXKD NĂM 2010 VÀ KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2011

PHẦN I: BÁO CÁO KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2010:

I. TÌNH HÌNH CHUNG:

Năm 2010, nền kinh tế cả nước và Thành phố có phục hồi và tăng trưởng (cả nước: 6,78% và Thành phố đạt 11,8%), tổng kim ngạch XNK đạt xấp xỉ 156 tỷ USD trong đó xuất khẩu đạt 72.19 tỷ (tăng 25% so với năm 2009), tuy nhiên vẫn còn đó những yếu tố bất lợi, như lạm phát ở mức hai con số và lãi suất tăng cao, tỷ giá đồng USD biến động mạnh. Nền kinh tế nước ta vẫn chưa thoát khỏi sự khủng hoảng chung toàn cầu. Trong khi đó, thị trường dịch vụ hàng hải, dịch vụ Logistics của thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng hồi phục chậm, cộng với giá nhiên liệu tăng cao.

Những yếu tố trên đã tác động nhiều mặt thuận lợi, đồng thời cũng gây không ít khó khăn cho hoạt động của Công ty, đòi hỏi sự tập trung chỉ đạo của HĐQT, Ban điều hành và sự nỗ lực của CBCNV toàn Công ty, mới hoàn thành thắng lợi chỉ tiêu, nhiệm vụ đã đề ra năm 2010.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2010:

Hoạt động SXKD dù gặp khó khăn, nhưng với tinh thần vượt khó và ý thức trách nhiệm cao, Công ty đã đề ra nhiều giải pháp để điều hành hoạt động, hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu theo kế hoạch đề ra, cụ thể:

1. Thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu:

a. Về sản lượng:

* Năm tài chính: 01/1/2010 - 31/3/2010

- » Sản lượng giao nhận hàng đường biển đối với hàng nguyên container (FCL): 3.406 TEU, tăng 11,71% so KH
- » Sản lượng giao nhận hàng đường biển đối với hàng gom lẻ (LCL): 3.514 Cbm, đạt 91,14% so KH
- » Sản lượng giao nhận hàng bằng đường hàng không: 527 Tấn, tăng 35,06% so KH
- » Sản lượng Container qua cảng:
 - Container hàng : 32.910 TEU, đạt 95,67% so KH
 - Container rỗng : 31.707 TEU, tăng 26,83% so KH
- » Sản lượng hàng qua kho:
 - Kho CFS : 39.579 Cbm, tăng 23,68% so KH
 - Kho NQ : Hàng XK : 3.058 Tấn, tăng 135,21% so KH
Hàng NK : 4.146 Cbm, đạt 92,13% so KH

* Năm tài chính: 01/4/2010 - 31/3/2011

- » Sản lượng giao nhận hàng đường biển đối với hàng nguyên container (FCL): 16.647 TEU, tăng 9,35% so KH
- » Sản lượng giao nhận hàng đường biển đối với hàng gom lẻ (LCL): 32.144 Cbm, tăng 107,43% so KH
- » Sản lượng giao nhận hàng đường hàng không: 2.019 Tấn, tăng 32,38% so KH
- » Sản lượng Container qua cảng:
 - Container hàng : 144.502 TEU, đạt 98,97% so KH
 - Container rỗng : 94.095 TEU, tăng 10,70% so KH
- » Sản lượng hàng qua kho:
 - Kho CFS : 180.811 Cbm, tăng 18,18% so KH
 - Kho NQ : Hàng XK : 10.900 Tấn, tăng 45,33% so KH
Hàng NK : 19.280 Cbm, đạt 77,12% so KH

b. Về chỉ tiêu tài chính:

* Năm tài chính: 01/1/2010 - 31/3/2010

- » Tổng doanh thu đạt : 49,9 tỷ, tăng 3,96% so KH
- » Lợi nhuận trước thuế đạt : 7,6 tỷ, đạt 97,44% so KH
- » Tỷ trọng LNTT/Tổng doanh thu : 15,23%.

* Năm tài chính: 01/4/2010 - 31/3/2011

- » Tổng doanh thu đạt : 240,2 tỷ, tăng 13,30% so KH
- » Lợi nhuận trước thuế đạt : 56,6 tỷ, tăng 4,81% so KH
- » Tỷ trọng LNTT/Tổng doanh thu : 23,56%
- » Cổ tức : 10% bằng tiền mặt
- » Cổ phiếu thưởng : 25%

2. Hoạt động SXKD dịch vụ:

- » Đẩy mạnh hoạt động tại Trung tâm kho cảng ICD Transimex, đưa vào khai thác sử dụng hệ thống cầu khung RTG, tăng năng suất xếp dỡ và hệ số chất xếp container.
- » Đẩy mạnh kinh doanh dịch vụ Kho ngoại quan, Kho CFS cũng như Kho lạnh, đưa vào khai thác sử dụng hệ thống Kho lạnh, có sức chứa 6.000 pallets và Kho CFS hai tầng gần 8.000 m².
- » Các Phòng nghiệp vụ Logistics, Hợp tác đại lý, các Chi nhánh trực thuộc, phối hợp cùng Bộ phận Sales Marketing

trên cơ sở kế hoạch SXKD được xây dựng từ đầu năm, triển khai các giải pháp phát triển dịch vụ Logistics, tìm kiếm đối tác mới, thị trường dịch vụ mới, đặc biệt tại các khu công nghiệp, khu chế xuất. Bước đầu đi sâu vào dịch vụ 3PL cho khách hàng, hoàn thiện dần dịch vụ này được xem là mô hình dịch vụ Logistics ổn định, bền vững và tiên tiến hiện nay. Ngoài ra, còn đẩy mạnh nghiên cứu, tìm kiếm dịch vụ giao nhận, vận chuyển hàng siêu trường siêu trọng phục vụ cho các dự án lớn bao gồm các dự án nhiệt điện, dự án giao thông công cộng ...

3. Đầu tư phát triển

- » Hoàn thành và đưa vào khai thác "Dự án quy hoạch nâng cấp Trung tâm kho cảng ICD Transimex - Thủ Đức - TP. HCM" (diện tích 45.000 m², diện tích Kho CFS: 7.200 m², Kho lạnh: 3.200 m²).
- » Chuẩn bị đầu tư và khởi công dự án: Xây dựng Kho ngoại quan (giai đoạn I), diện tích 1ha tại khu công nghệ cao TP. HCM.
- » Thành lập Ban quản lý dự án đầu tư phát triển vào khu CNC TP. HCM, phối hợp với Công ty tư vấn hoàn thành quy hoạch phát triển, xây dựng đề án khu Trung tâm Logistics giai đoạn 2, Công ty xem đây là kế hoạch mang tính chiến lược cho việc mở rộng địa bàn phát triển dịch vụ trong những năm tới.

4. Đầu tư tài chính

- » Tăng cường hoạt động quản lý đầu tư. Tập trung vốn để đầu tư cho các Công ty thành viên, các Tổ chức Công ty khác có năng lực hoạt động tốt, phù hợp với định hướng phát triển của Công ty.
- » Đầu tư và trở thành một trong những cổ đông chủ chốt của Cảng Container Hải An - Tp. Hải Phòng, hiện nay Cảng Container Hải An đã đưa vào khai thác một bến (150m - Giai đoạn 1) từ tháng 12/2010 và bước đầu đã có 3 chuyến tàu Container /tuần .
- » Tập trung thu hồi công nợ kinh doanh và xử lý vụ việc còn tồn đọng trong hoạt động kinh doanh các Công ty mẹ và Công ty thành viên.

5. Về Tổ chức bộ máy và nhân sự

- » Tiếp tục tái cấu trúc bộ máy tổ chức hoạt động của Công ty và Công ty thành viên nhằm đáp ứng được yêu cầu mục tiêu chiến lược phát triển giai đoạn 2011 - 2015.

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- » Xây dựng chính sách tiền lương, thu nhập để phân phối theo đúng với năng lực và hiệu quả công việc, có cơ chế đãi ngộ xứng đáng, phù hợp để khuyến khích người lao động đóng góp nhiều hơn, đảm bảo thực hiện đầy đủ mọi quyền lợi hợp pháp cho người lao động.
- » Thành lập Công ty liên doanh Transimex - Cambodia Limited tại Vương Quốc Campuchia nhằm mở rộng, kết nối dịch vụ vận chuyển, logistics... giữa hai nước trong tình hình giao thương đang có chiều hướng phát triển. Công ty hiện đã ký được hợp đồng làm đại lý cho Hãng tàu Quốc Gia Malaysia (MISC) tại lãnh thổ Campuchia.
- » Thành lập Công Ty TNHH MTV Transimex Logistics là pháp nhân đầu tư vào Khu CNC TP. HCM, một mặt tận dụng sự ưu đãi về thuế và các chính sách khác của Ban Quản Lý, mặt khác làm cơ sở để phát triển dịch vụ trong tương lai tại Khu CNC - nơi được xem là có vị trí đặc địa trong khu vực để có thể phát triển dịch vụ Logistics.

6. Công tác khác:

- » Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý và điều hành hoạt động của Công ty, mà cụ thể là chương trình quản lý ERP.
- » Đóng góp ủng hộ công tác xã hội từ thiện với tổng số tiền 142 triệu đồng để giúp đỡ đồng bào bị lũ lụt, cho các hộ nghèo, gia đình chính sách và cho nhân dân Nhật Bản bị sóng thần động đất thông qua hai đối tác lớn của Công ty là Nippon Express và Shibusawa Logistics.

PHẦN II: KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2011.

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH:

Năm 2011, dự báo nền kinh tế nước ta sẽ tiếp tục phục hồi trên tất cả các lĩnh vực, môi trường kinh doanh, đầu tư tiếp tục được cải thiện, thị trường hàng hóa, dịch vụ có nhiều cơ hội để mở rộng, phù hợp với xu thế hội nhập và phát triển. Tuy nhiên, vẫn còn tiềm ẩn rất nhiều yếu tố bất lợi có ảnh

hưởng trực tiếp đến dịch vụ Logistics nói chung như diễn biến tình hình thị trường tiền tệ, giá cả nhiên liệu, nhân công tăng, thị trường dịch vụ Hàng Hải phục hồi chậm.

Trước tình hình đó, Ban điều hành sẽ tập trung để ra những giải pháp hữu hiệu hơn trong hoạt động SXKD, đáp ứng một cách tốt nhất yêu cầu phát triển Công ty trong tình hình mới.

II. NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH NĂM 2011 & CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN:

1. Chỉ tiêu kế hoạch năm 2011:

a. Về sản lượng: Năm tài chính: 01/4/2011-31/3/2012

- » Sản lượng giao nhận hàng đường biển đối với hàng nguyên container (FCL): 18.878 TEU, tăng 13,4% so TH 2010
- » Sản lượng giao nhận hàng đường biển đối với hàng gom lẻ (LCL): 29.921 Cbm, 7.100 Tấn
- » Sản lượng giao nhận bằng đường hàng không: 1.925 Tấn, đạt 95,34% so TH 2010
- » Sản lượng Container qua cảng:
 - Container hàng : 146.000 TEU, tăng 1,04% so TH 2010
 - Container rỗng : 85.000 TEU, đạt 90,33% so TH 2010
- » Sản lượng hàng qua kho:
 - Kho CFS : 207.000 Cbm, tăng 14,48% so TH 2010
 - Kho Lạnh : 51.000 Tấn
 - Kho NQ : Hàng XK : 9.000 Tấn, đạt 82,57% so TH 2010
Hàng NK: 23.500 Cbm, tăng 21,89% so TH 2010

b. Về tài chính: Năm tài chính: 01/4/2011-31/3/2012

- » Tổng doanh thu : 269,00 tỷ, tăng 11,99% so TH 2010
- » Lợi nhuận trước thuế : 69,8 tỷ, tăng 23,32% so TH 2010
- » Cổ tức : 10% bằng tiền mặt.
- » Cổ phiếu thưởng : 5%

Ban điều hành tập trung để ra những giải pháp hữu hiệu trong hoạt động SXKD, đáp ứng yêu cầu phát triển Công ty trong tình hình mới.



Tổng doanh thu
240,2 tỷ

Lợi nhuận trước thuế
56,6 tỷ

Tỷ suất lợi nhuận trước
thuế trên tổng doanh thu
23,56%

2. Các giải pháp & nhiệm vụ trọng tâm:

- » Khẩn trương đẩy mạnh khai thác có hiệu quả những công trình đã đầu tư tại Trung tâm kho cảng ICD Transimex bao gồm bãi cảng, kho CFS, Kho Lạnh, Kho Ngoại Quan. Tiếp tục hoàn thiện bộ máy và đẩy mạnh khai thác có hiệu quả hơn nữa đội xe vận tải Container tại Công ty vận tải TMS - Trans. Đẩy mạnh hoạt động dịch vụ tại Trung tâm kho cảng ICD Transimex, trong đó đặc biệt chú trọng tập trung tìm kiếm khách hàng sử dụng kho Lạnh nhằm tối đa hóa công suất của Kho, tận dụng sự ủng hộ của các khách hàng thuộc Tổng Công ty SATRA có nhu cầu sử dụng Kho lạnh như Vissan, Cầu Tre...
- » củng cố & hoàn thiện Phòng Marketing & Sales của Công ty. Đẩy mạnh công tác bán dịch vụ, hướng đến phát triển dịch vụ 3PL & phân phối, tập trung vào những khách hàng có lượng hàng XNK luân chuyển lớn, tình hình tài chính lành mạnh, tập trung đẩy mạnh dịch vụ vận chuyển giao nhận hàng siêu trường siêu trọng.
- » Tiếp tục tái cơ cấu tổ chức bộ máy và nhân sự gọn nhẹ, có hiệu quả, đặc biệt chú ý đẩy mạnh công tác đào tạo nguồn nhân lực. Củng cố và phát triển hệ thống đại lý trong khu vực và trên thế giới thông qua các đối tác truyền thống và tin cậy lâu nay của Công ty nhằm mở rộng, đa dạng hóa dịch vụ giao nhận vận chuyển Quốc tế.
- » Đẩy mạnh chương trình liên doanh, liên kết, hợp tác đầu tư vào khu Công nghệ cao ("KCNC"), Cảng Container Hải An - Hải phòng và Công ty Nippon Express (VN). Trong đó, tập trung cho dự án đầu tư Kho Ngoại Quan - Kho Hàng Hóa tại Giai Đoạn 1 trên cơ sở rút kinh nghiệm của dự án tại Trung Tâm Kho Cảng ICD Transimex, khẩn trương tiến hành công tác xây dựng bộ máy tổ chức của Công ty TNHH MTV Transimex Logistics, triển khai công tác tiếp thị đối với các nhà đầu tư trong Khu CNC và ngoài Khu CNC bảo đảm có thể có ngay khách hàng khi hoàn thành công trình. Lập ngay dự án khả thi cho Khu trung tâm Logistics tại giai đoạn 2 cùng với việc tìm kiếm đối tác chiến lược cho dự án này. Tập trung phát triển dịch vụ cho Công ty Liên doanh Transimex - Cambodia, tìm kiếm thêm đối tác và khách hàng cho Công ty này.
- » Tập trung đầu tư tài chính, cho việc thực hiện mục tiêu chiến lược phát triển của Công ty, đầu tư đúng luật định, ưu tiên phát triển ngành nghề chính, bảo toàn vốn và có hiệu quả.
- » Tăng cường kiểm tra, tiến hành phân tích, đánh giá tình hình hoạt động của Công ty theo định kỳ, nhằm phát hiện những tồn tại và có giải pháp xử lý kịp thời.
- » Xây dựng phương án sử dụng có hiệu quả nguồn vốn Công ty và kế hoạch luân chuyển nguồn vốn phù hợp với yêu cầu phát triển kinh doanh và đầu tư trong trung hạn và dài hạn.
- » Triển khai công tác đào tạo nghiệp vụ, nâng cao trình độ chuyên môn, trình độ quản lý, nhằm đáp ứng với sự phát triển của Công ty.
- » Thực hiện trách nhiệm với cộng đồng, tích cực thực hiện công tác xã hội từ thiện, góp phần chăm lo đời sống người lao động, người có hoàn cảnh khó khăn.
- » Xây dựng văn hóa doanh nghiệp, chấp hành tốt các qui định của pháp luật, thực hiện đầy đủ các quy định cũng như tăng cường mối quan hệ với Tổng Công ty Thương Mại Saigon.



Lê Duy Hiệp

Tổng Giám Đốc

BAN QUẢN LÝ KCN CAO TP. HCM TRAO GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ CHO CÔNG TY TNHH MTV TRANSIMEX LOGISTICS

Board of management of HCM Saigon Hi-tech Park give Investment Lisence for Transimex Logistics Co., Ltd

Ngày 8/6/2011, Ông Bùi Tuấn Ngọc - Chủ Tịch HĐQT Công ty TNHH MTV Transimex Logistics, đại diện Công ty nhận Giấy chứng nhận đầu tư vào KCNC TP. HCM.

On June 8,2011, Mr. Bui Tuan Ngoc - Chairman of Transimex Logistics Co., Ltd representative Company to receive Investment Lisence from the Board of Managements of Saigon Hi-tech Park



GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ

CỦA CTY TNHH MTV TRANSIMEX LOGISTICS



BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT TRÌNH ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2011

Căn cứ:

- » Nhiệm vụ, Quyền hạn và trách nhiệm của Ban kiểm soát được quy định trong Điều 39 - Điều lệ Hoạt động Công ty Cổ phần Kho vận Giao nhận Ngoại thương TP. HCM.
- » Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2010 ngày 17/04/2010.
- » Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2010 của Công ty CPKVGN Ngoại thương TP. HCM do Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C kiểm toán.

Ban Kiểm soát báo cáo đánh giá tình hình hoạt động SXKD năm 2010 của Công ty CP. Kho vận Giao nhận Ngoại thương TP. HCM trình Đại hội đồng Cổ đông năm 2011 như sau:

I. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT:

- » Đại diện Ban kiểm soát đã tham gia đầy đủ vào các cuộc họp của HĐQT và Ban Điều hành nhằm duy trì thường xuyên việc giám sát các hoạt động của Công ty cũng như tham gia bàn về định hướng phát triển của Công ty trong từng giai đoạn.
- » Đại diện Ban kiểm soát cũng tham gia điều hành hoạt động quản lý thường ngày của đơn vị để có những thông tin chính xác và thường xuyên về hoạt động kinh doanh của Công ty.
- » Ban kiểm soát cũng thường xuyên trao đổi với nhau đánh giá tình hình hoạt động công ty, để có ý kiến đánh giá tổng hợp và toàn diện về mọi hoạt động của Công ty.

II. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÔNG TY:

1. So sánh việc thực hiện chỉ tiêu kế hoạch năm 2010:

- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2010 là: 240.246.363.707 đ đạt 113% so kế hoạch đề ra.
- Tổng lợi nhuận trước thuế là: 56.630.895.194 đ đạt 105% so kế hoạch. Trong đó, Hoạt động SXKD: 14.389.053.121 đ; Hoạt động liên doanh: 30.001.997.203 đ, và hoạt động khác: 12.239.844.870 đ.

2. Tình hình đầu tư đổi mới trang thiết bị:

Để tăng cường và mở rộng hoạt động kinh doanh trong năm 2010. Công ty đã tập trung đầu tư trang thiết bị, TSCĐ để phát triển. Tổng giá trị tài sản đầu tư là 129.062.874.054 đ gồm có:

1/ Đầu tư vào Tăng TSCĐ Trung tâm kho cảng :
75.557.527.308 đ

(Trung tâm kho cảng ICD Transimex: Văn Phòng trung tâm kho cảng, Hệ thống Kho lạnh, Bãi container, Kho CFS...)

2/ Đầu tư TSCĐ Phương tiện vận tải :
36.229.061.542 đ

(Cầu khung RTG, xe nâng, xe đầu kéo, rơ moóc)

3/ Đầu tư TSCĐ thiết bị quản lý :
17.276.285.204 đ

(Hệ thống điện nước TT kho cảng, máy phát điện, máy lạnh, khung kho)

3. Tình hình đầu tư liên doanh:

Năm 2010 Công ty đầu tư vào Công ty TNHH vận tải và xếp dỡ Hải An theo thỏa thuận hợp tác kinh doanh ngày 18 tháng 6 năm 2010 với tổng giá trị góp vốn là 56.250.000.000 VNĐ.



4. Đánh giá kết quả giám sát tình hình hoạt động kinh doanh và tài chính của công ty;

Qua xem xét báo cáo kiểm toán năm 2010 Ban kiểm soát có một số ý kiến như sau:

Năm 2010 doanh số tăng so năm 2009 nhưng do tình hình biến động về giá trong năm 2010 dẫn đến giá vốn và chi phí tài chính tăng cao ảnh hưởng đến hiệu quả SXKD của công ty. Lợi nhuận trong năm tăng so với kế hoạch phần lớn do hoạt động liên doanh mang lại 30.001.997.203 đ

- » Hoạt động của Công ty TNHH Vận tải GNNT - TMS Trans (công ty con) hoạt động chưa hiệu quả gây lỗ trong năm là (7.313.901.312đ) ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của Công ty.
- » Hoạt động Kho lạnh tại Trung tâm kho cảng ICD chưa hiệu quả, chỉ đạt khoảng 20% công suất, ảnh hưởng 1 phần đến hoạt động công ty.

III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ:

Kết luận:

- » Trong năm 2011 Ban kiểm soát không phát hiện trường hợp bất thường nào trong hoạt động của Transimex-Saigon.
- » Công ty đã tuân thủ tốt các quy trình hoạt động theo các yêu cầu của hệ thống quản trị nội bộ. Hệ thống kiểm soát nội bộ tốt, tuân thủ các yêu cầu của chuẩn mực kế toán và các chế độ kế toán hiện hành Công ty đã đề ra phương pháp quản lý các bộ phận theo ngân sách hoạt động đạt kết quả tốt và các quy định về quản lý vốn và điều phối vốn trong tập đoàn.
- » Ban kiểm soát thống nhất với ý kiến của kiểm toán, Báo cáo tài chính của Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình hoạt động của Công ty và Công ty kiểm toán.

Trong năm 2010 là năm hoạt động nhiều khó khăn và đầy biến động, Ban kiểm soát nhận thấy Công ty gặp nhiều khó khăn thách thức hơn thuận lợi. Dù vậy hoạt động kinh doanh chung của Công ty phát triển tốt và có chiều hướng mở rộng. Ban kiểm soát đánh giá đây là sự nỗ lực không ngừng của HĐQT và Ban điều hành của Công ty.

Kiến nghị:

- » Năm 2011 Công ty cần đẩy mạnh hoạt động tìm kiếm khách hàng cho Kho lạnh tại Trung tâm kho Cảng ICD; Tập trung chỉ đạo điều hành tốt tăng doanh thu, giảm chi phí tại Công ty TNHH MTV Vận tải Giao nhận Ngoại thương - TMS Trans để tăng cường hiệu quả cho toàn Công ty.

- » Trong năm 2011 Công ty có nhiều dự án lớn đang triển khai: Công ty cần đánh giá cụ thể và xem xét những tác động của thị trường để xây dựng những quy chế giảm thiểu các rủi ro trong quá trình đầu tư, đặc biệt là chi phí vốn và lạm phát đang tăng cao.

Trên đây là báo cáo thường niên của Ban kiểm soát trình Đại hội Cổ đông thường niên năm 2011. Bên cạnh đó, Ban kiểm soát nêu ra một số kiến nghị với HĐQT và Ban điều hành Công ty trong thời gian tới. Ban kiểm soát cũng cảm ơn HĐQT và Ban điều hành các bộ phận Phòng ban Công ty Cổ phần Kho vận Giao nhận Ngoại thương TP. HCM đã tạo điều kiện tốt để Ban kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ trong thời gian qua.



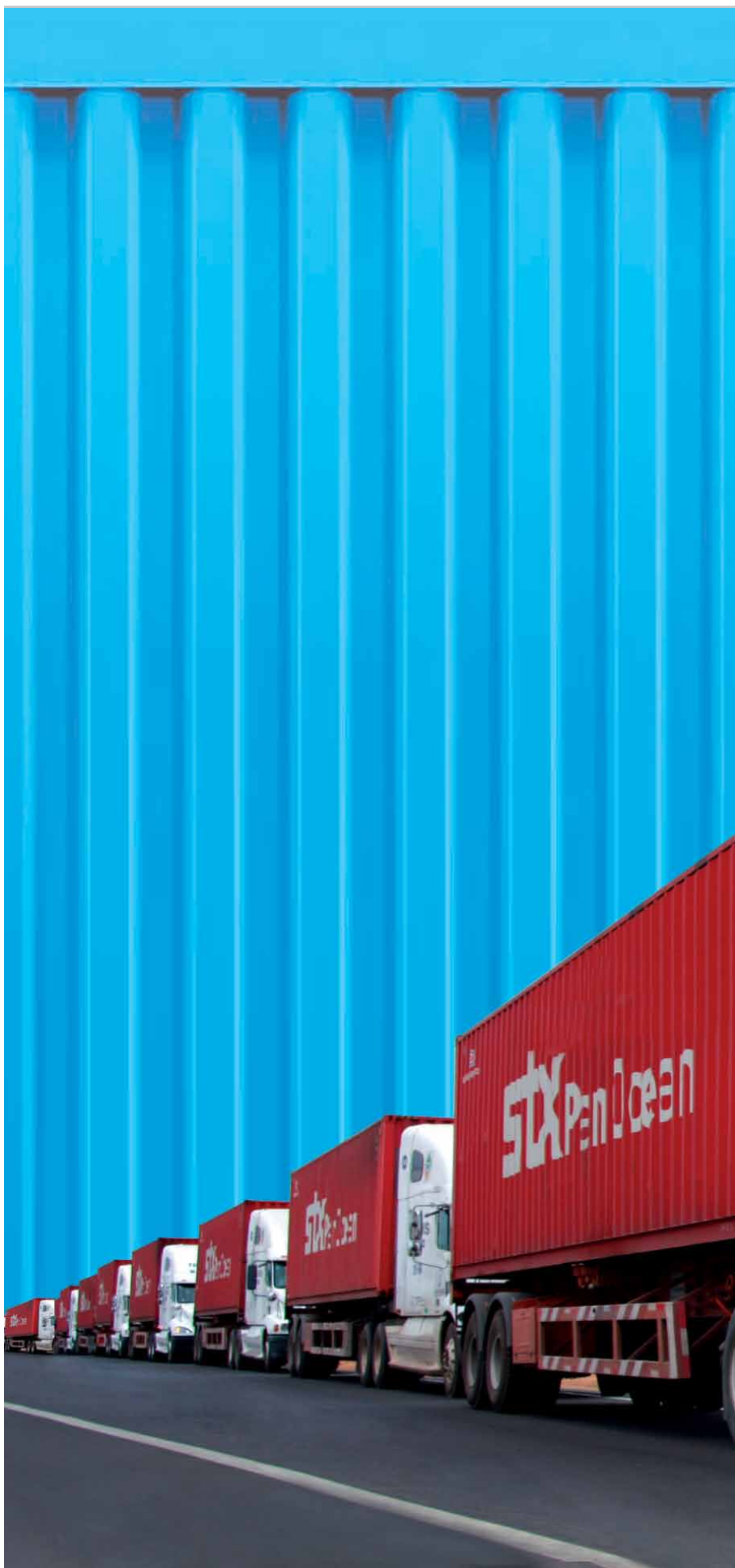
Nguyễn Công Hiếu

Trưởng Ban Kiểm Soát

04

BÁO CÁO QUẢN TRỊ

- * SƠ ĐỒ TỔ CHỨC
- * THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG
- * CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN DOANH

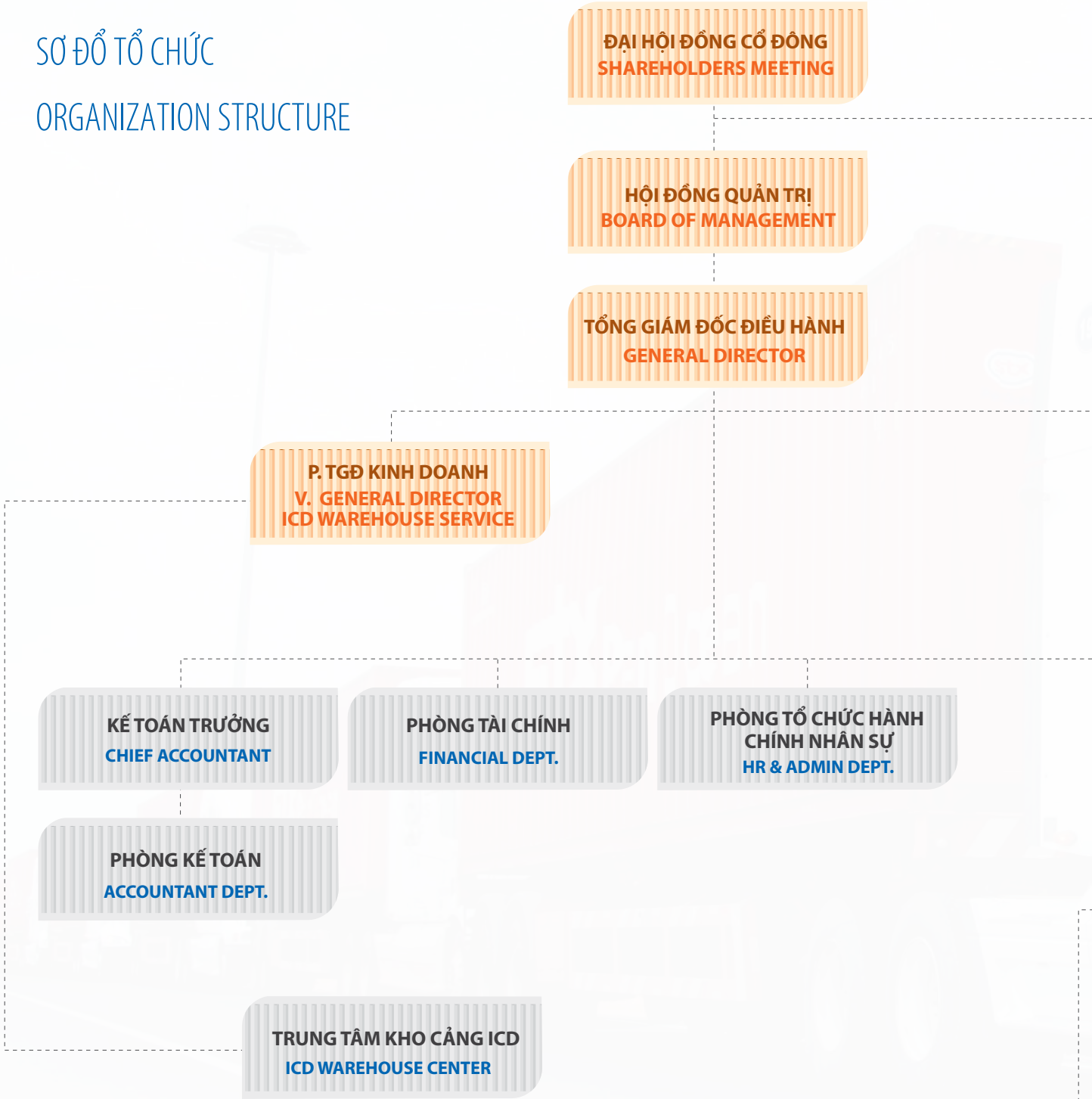


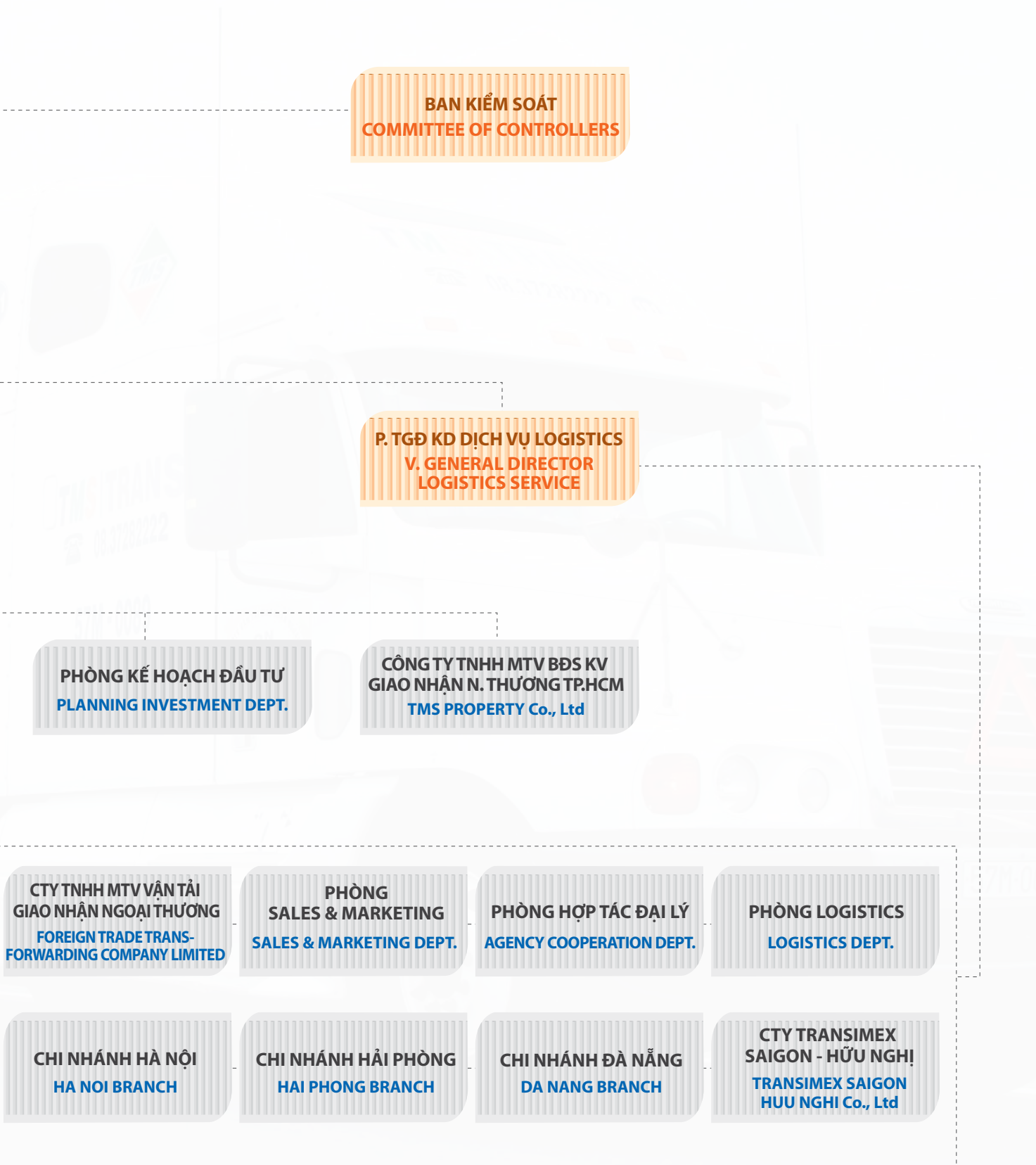
LIÊN KẾT toàn cầu

Global CONNECTION



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC
ORGANIZATION STRUCTURE





THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG

CÁC DỮ LIỆU THỐNG KÊ VỀ CỔ ĐÔNG

* TỶ LỆ SỞ HỮU CỦA CỔ ĐÔNG NHÀ NƯỚC

STT	TÊN CỔ ĐÔNG	ĐỊA CHỈ	SỐ CP SỞ HỮU	TỶ LỆ
1	Tổng Công ty Thương Mại Sài gòn - TNHH MTV	275B Phạm Ngũ Lão, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1.	1.309.655	7,93%

* TỶ LỆ SỞ HỮU CỦA CỔ ĐÔNG LỚN (sở hữu từ 5% trở lên)

STT	TÊN CỔ ĐÔNG	SỐ CP SỞ HỮU	TỶ LỆ
1	VOF Investment Limited	1.932.123	11,70%
2	Bùi Tuấn Ngọc	1.595.288	9,66%
3	Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI	1.410.380	8,54%
4	Tổng Công ty Thương Mại Sài gòn	1.309.655	7,93%
5	PXP Việt Nam Fund Limited	1.118.337	6,77%
6	Quỹ Tầm nhìn SSI	1.070.967	6,48%
7	Công ty CP Đầu tư Vina	1.035.110	6,27%
8	Vietnam Investment Limited	972.073	5,89%
9	Công ty CP Đầu tư Toàn Việt	843.873	5,11%

* CƠ CẤU CỔ ĐÔNG CỦA TRANSIMEX-SAIGON GỒM

STT	TÊN CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN		TỶ LỆ SỞ HỮU	
		Tổ chức	Cá nhân	Tổ chức	Cá nhân
I	Cổ đông Nhà nước	1.309.655		7,93%	
II	Cổ đông trong Công ty		2.407.657		14,58%
III	Cổ đông bên ngoài				
1	Cổ đông trong nước	5.418.749	1.111.796	32,81%	6,73%
2	Cổ đông ngoài nước	5.060.214	1.207.143	30,64%	7,31%

CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN DOANH

1

CÔNG TY TNHH NIPPON EXPRESS (VIỆT NAM)

- » Tên giao dịch : NIPPON EXPRESS VIETNAM LTD.
- » Hình thức liên doanh : Liên doanh giữa Công ty Cổ Phần Kho Vận Giao Nhận Ngoại Thương TP. HCM (Transimex -Saigon) - TMS và Công ty TNHH Nippon Express Việt Nam - NEV. Trong đó Transimex-Saigon chiếm 50%, Công ty Nippon Express chiếm 50%.
- » Chức năng hoạt động : Dịch vụ giao nhận hàng hóa Xuất nhập khẩu; Kho ngoại quan; Kho CFS....
- » Kết quả kinh doanh đạt được trong năm 2010: Tổng doanh thu: 859.032.037.282 đồng;
- » Nguồn doanh thu, lợi nhuận và hoạt động quản lý kinh doanh của Công ty TNHH Nippon Express luôn ổn định và tăng so với năm trước. Tập thể CB - CNV Công ty đã dần tích lũy được kinh nghiệm trong điều hành và nghiệp vụ nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng trong và ngoài nước.
- » Hiện tại Công ty đang làm đại lý cho hơn 211 Thành phố và 37 Quốc gia trên thế giới.

2

CÔNG TY TNHH MTV VẬN TẢI GIAO NHẬN NGOẠI THƯƠNG.

- » Tên Chủ sở hữu : CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN GIAO NHẬN NGOẠI THƯƠNG - TP. HCM.
- » Tên giao dịch : TMS|TRANS
- » Trụ sở : 7/1 Ấp Bình Thọ, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức
- » Hoạt động : Từ 18/03/2009
- » Ngành nghề kinh doanh : Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Bốc xếp hàng hóa; Lưu giữ hàng hóa (trừ kinh doanh kho bãi); Dịch vụ đóng gói.
- » Vốn điều lệ : 16.000.000.000 đồng
- » Kết quả kinh doanh đạt được trong năm 2010
- » Năm TC (1/1/2010 - 31/3/2010) : 6.048.803.797 đồng
- » Năm TC (1/4/2010 - 31/3/2011) : 36.656.984.884 đồng

CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN DOANH (Tiếp theo)

3

CÔNG TY TNHH MTV BẤT ĐỘNG SẢN KHO VẬN GIAO NHẬN NGOẠI THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH.

- » Tên chủ sở hữu : **CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN GIAO NHẬN NGOẠI THƯƠNG - TP. HCM.**
- » Tên giao dịch : **TMS|BUILDING**
- » Trụ sở : 172 Hai Bà Trưng, Phường Đakao, Quận 1, TP. HCM
- » Hoạt động : Từ tháng 03/2009
- » Ngành nghề kinh doanh : Kinh doanh bất động sản; Lưu giữ hàng hóa; Vệ sinh nhà cửa và các công trình; Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan; Cho thuê máy móc; thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính); Chuyển phát.
- » Vốn điều lệ : **80.000.000.000 đồng.**
- » Kết quả kinh doanh đạt được trong năm 2010:
- » Năm TC (1/1/2010-31/3/2010) : 4.736.501.399 đồng
- » Năm TC (1/4/2010-31/3/2011) : 29.610.584.764 đồng
- » Tòa nhà TMS|BUILDING, với tổng diện tích xây dựng 8.500 m² (gồm 14 tầng và 2 tầng hầm), trong đó Công ty Transimex-Saigon đã sử dụng 2 tầng của cao ốc làm trụ sở chính, 100% diện tích còn lại đã được cho thuê. Đây cũng là nguồn thu ổn định, khá lớn cho Công ty.
- » Công ty Bất động TMS|BUILDING cung cấp và quản lý dịch vụ văn phòng theo tiêu chuẩn Quốc tế, thích hợp cho các cơ quan đại diện, thương gia, các tập đoàn nước ngoài muốn có ngay văn phòng làm việc tại Việt Nam mà không phải tốn nhiều chi phí và thời gian thuê mặt bằng, trang trí nội thất,...

4

TRANSIMEX - CAMBODIA COMPANY LIMITED

- » Tên giao dịch : **TRANSIMEX - CAMBODIA COMPANY LIMITED**
- » Trụ sở : 09 -10B/79, Regency Square, Street 205, SK.Tomnoubteok, KH.Chamkamon, Phnompenh, Cambodia.
- » Ngành nghề kinh doanh : Cung cấp dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ giao nhận, logistics, dịch vụ vận chuyển Container bằng sà lan từ Việt Nam sang Campuchia.
- » Tổng vốn đầu tư: **60.000 USD**, tương đương **1.200.000.000 đồng**, Công ty Transimex-Saigon chiếm 50% tổng vốn đầu tư.
- » Hội đồng quản trị quyết định thành lập Công ty liên doanh Transimex - Cambodia nhằm mở rộng, kết nối dịch vụ vận chuyển, Logistics... giữa hai nước trong tình hình giao thương đang có chiều hướng phát triển. Công ty hiện đã ký được hợp đồng làm đại lý cho Hãng tàu Quốc Gia Malaysia (MISC) tại lãnh thổ Campuchia.

5

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX-SÀI GÒN - HỮU NGHỊ

- » Tên tiếng Anh : **TRANSIMEX- SAIGON - HUU NGHİ**
- » Trụ sở chính : Lô số D11, khu công nghiệp Đình Trám, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.
- » Ngành, nghề kinh doanh : Dịch vụ đại lý giao nhận và đại lý vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu và công cộng bằng đường biển, đường hàng không, đường bộ. Dịch vụ kinh doanh kho bãi, bảo quản hàng hóa, đóng gói, kê ký hiệu hàng hóa xuất nhập khẩu và các loại hình: Kho ngoại quan, kho thu gom đóng gói và phát hàng bán lẻ ECS, điểm thông quan nội địa kinh doanh. Đại lý tàu biển và môi giới hàng hóa, dịch vụ khai thuế hải quan. Dịch vụ kinh doanh hàng quá cảnh và chuyển tải hàng hóa qua Campuchia, Lào, Trung Quốc. Cho thuê văn phòng. Kinh doanh vận tải đa phương thức. Mua bán đồ gỗ gia dụng, gốm, sứ, hàng mỹ nghệ sản phẩm cao su, mây tre lá, công nghệ phẩm, dệt da may, nông lâm thủy sản, thực phẩm chế biến.
- » Vốn điều lệ : **3.000.000.000 đồng.**
- » Hiện tại, Công ty đang trong giai đoạn đầu tư "khu vực kiểm tra hàng hóa xuất nhập khẩu và kho ngoại quan". Tổng vốn đầu tư: 6.800.000.000 đồng.

6

CÔNG TY TNHH MTV TRANSIMEX LOGISTICS.

- » Tên tiếng việt : **CÔNG TY TNHH MTV TRANSIMEX LOGISTICS**
- » Tên tiếng anh : **TRANSIMEX LOGISTICS CO., LTD**
- » Tên viết tắt : **TMS-LOGISTICS**
- » Trụ sở : Lô I - 4 -1.3, Đường N3, Khu Công nghệ cao, Quận 9, TP. HCM.
- » Ngành nghề kinh doanh : Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; đường thủy nội địa; đường hàng không; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Hoạt động hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ; đường thủy; hàng không; Bốc xếp hàng hóa; Dịch vụ khai thuế hải quan; Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu.
- » Vốn đầu tư : **50.000.000.000 VND**
- » Hiện tại Công ty đã nhận được giấy phép đầu tư kho ngoại quan (10.090m²), giai đoạn 1 vào khu công nghệ cao TP. HCM. Dự án sẽ được hoàn thành và đưa vào hoạt động cuối Quý 4 năm 2011.

05

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- * BÁO CÁO KIỂM TOÁN (1/1/2010 - 31/3/2010)
- * BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (1/1/2010 - 31/3/2010)
- * BÁO CÁO KẾT QUẢ HĐKD (1/1/2010 - 31/3/2010)
- * BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (1/1/2010 - 31/3/2010)
- * PHỤ LỤC BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU (1/1/2010 - 31/3/2010)
- * BÁO CÁO KIỂM TOÁN (2010 - 2011)
- * BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (2010 - 2011)
- * BÁO CÁO KẾT QUẢ HĐKD (2010 - 2011)
- * BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (2010 - 2011)
- * PHỤ LỤC BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU (2010 - 2011)



DỊCH VỤ chuyên nghiệp
Professional SERVICE



Headquarters

: 229 Dong Khoi St., Dist. 1, Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 38 272 295 - Fax: (84.8) 38 272 300
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0895/2010/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2010 ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 3 NĂM 2010 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN GIAO NHẬN NGOẠI THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH VÀ CÁC CÔNG TY CON

Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN GIAO NHẬN NGOẠI THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 31 tháng 3 năm 2010 của Công ty Cổ phần Kho vận Giao nhận Ngoại thương TP. Hồ Chí Minh (Công ty mẹ) và các Công ty con (bao gồm Công ty TNHH một thành viên vận tải giao nhận ngoại thương và Công ty TNHH một thành viên bất động sản kho vận giao nhận ngoại thương - TP. Hồ Chí Minh) (gọi chung là Tập đoàn) gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 3 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 31 tháng 3 năm 2010, được lập ngày 20 tháng 8 năm 2010, từ trang 07 đến trang 33 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần kho vận ngoại thương - TP. Hồ Chí Minh. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 3 năm 2010, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 31 tháng 3 năm 2010, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)



Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0099/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 09 năm 2010

Trần Hoàng Anh - Kiểm toán viên

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1161/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2010

Đơn vị tính: VND

	TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		133.559.242.870	129.931.654.616
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		55.584.047.785	53.270.222.425
1.	Tiền	111	V.1	14.384.047.785	16.909.122.425
2.	Các khoản tương đương tiền	112		41.200.000.000	36.361.100.000
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		6.429.369.894	4.091.890.067
1.	Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	8.346.477.310	5.422.808.115
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(1.917.107.416)	(1.330.918.048)
III.	Các khoản phải thu	130		51.479.040.605	57.701.980.896
1.	Phải thu của khách hàng	131	V.4	17.137.380.228	11.765.005.238
2.	Trả trước cho người bán	132	V.5	30.675.829.257	38.642.201.776
3.	Phải thu nội bộ	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Các khoản phải thu khác	138	V.6	3.665.831.120	7.294.773.882
6.	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140		7.935.559.888	5.420.991.521
1.	Hàng tồn kho	141	V.7	7.935.559.888	5.420.991.521
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		12.131.224.698	9.446.569.707
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	1.841.792.539	3.228.098.049
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		5.996.573.261	1.180.643.921
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	2.494.430.764
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ			-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	4.292.858.898	2.543.396.973
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		355.051.687.206	329.293.904.529
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc			-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	212		-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	213		-	-
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2010

Đơn vị tính: VND

	TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
II.	Tài sản cố định	220		198.311.850.544	175.257.183.534
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	150.998.406.880	127.438.620.111
	Nguyên giá	222		240.127.563.426	211.640.453.790
	Giá trị hao mòn lũy kế	223		(89.129.156.546)	(84.201.833.679)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	Nguyên giá	225		-	-
	Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.11	2.752.433.757	2.756.574.381
	Nguyên giá	228		2.957.818.000	2.957.818.000
	Giá trị hao mòn lũy kế	229		(205.384.243)	(201.243.619)
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.12	44.561.009.907	45.061.989.042
III.	Bất động sản đầu tư	240	V.13	80.638.843.345	81.926.051.184
	Nguyên giá	241		84.033.448.910	84.635.063.351
	Giá trị hao mòn lũy kế	242		(3.394.605.565)	(2.709.012.167)
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		68.246.329.111	68.246.329.111
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.14	55.600.737.038	55.600.737.038
3.	Đầu tư dài hạn khác	258	V.15	12.645.592.073	12.645.592.073
4.	Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
V.	Tài sản dài hạn khác	260		7.854.664.206	3.864.340.700
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.16	4.464.299.156	589.712.098
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.17	1.320.376.310	1.204.639.862
3.	Tài sản dài hạn khác	268	V.18	2.069.988.740	2.069.988.740
VI.	Lợi thế thương mại	269		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		488.610.930.076	459.225.559.145

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2010

Đơn vị tính: VND

	NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
A	NỢ PHẢI TRẢ	300		125.202.169.707	121.505.274.416
I.	Nợ ngắn hạn	310		44.300.913.993	40.282.719.211
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.19	15.785.243.939	2.067.289.687
2.	Phải trả cho người bán	312	V.20	11.098.963.853	3.462.600.467
3.	Người mua trả tiền trước	313		38.155.000	2.666.765.336
4.	Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	314	V.21	3.174.308.865	2.201.963.572
5.	Phải trả công nhân viên	315	V.22	1.365.781.698	4.465.150.727
6.	Chi phí phải trả	316	V.23	5.281.505.240	4.675.136.439
7.	Phải trả nội bộ	317		-	-
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9.	Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.24	4.763.763.101	17.253.404.341
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.25	2.793.192.297	3.490.408.642
12.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II.	Nợ dài hạn	320		80.901.255.714	81.222.555.205
1.	Phải trả dài hạn người bán	321		-	-
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	322		-	-
3.	Phải trả dài hạn khác	323	V.26	6.258.713.655	6.098.953.650
4.	Vay và nợ dài hạn	324	V.27	71.722.444.254	75.123.601.555
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	325		-	-
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7.	Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện	338	V.28	2.920.097.805	-
9.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		363.408.760.369	337.720.284.729
I.	Vốn chủ sở hữu	410		363.408.760.369	337.720.284.729
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.29	132.124.880.000	101.026.260.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412	V.29	126.607.227.853	116.370.057.853
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4.	Cổ phiếu quỹ	413		-	-
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	414		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2010

				Đơn vị tính: VND	
NGUỒN VỐN		MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	415	V.29	885.625.869	636.551.750
7.	Quỹ đầu tư phát triển	416	V.29	26.496.359.162	25.779.432.873
8.	Quỹ dự phòng tài chính	417	V.29	7.093.278.950	6.854.303.520
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	418		-	-
10.	Lợi nhuận chưa phân phối	419	V.29	70.201.388.535	87.053.678.733
11.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp			-	-
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1.	Nguồn kinh phí	432		-	-
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C	LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		488.610.930.076	459.225.559.145

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
1.	Tài sản thuê ngoài	-	-
2.	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	-	-
3.	Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi	-	-
4.	Nợ khó đòi đã xử lý	-	-
5.	Ngoại tệ các loại:		
	Dollar Mỹ (USD)	271.449.86	236.480.60
	Dollar Singapore (SGD)	4.970.00	-
	Dollar Hongkong (HKD)	2.500.00	-
6.	Dự toán chi phí hoạt động	-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 8 năm 2010

Lê Ngọc Hồng
Người lập biểu

Lê Văn Hùng
Kế toán trưởng



Lê Duy Hiệp
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 31 tháng 03 năm 2010

Đơn vị tính: VND

				LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI KỲ NÀY	
CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	49.867.578.583	34.140.831.424	
2. Các khoản giảm trừ	03		-	-	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	49.867.578.583	34.140.831.424	
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	37.958.637.109	27.654.776.600	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		11.908.941.474	6.486.054.824	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	472.067.686	803.582.900	
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1.740.077.681	634.074.329	
Trong đó: chi phí lãi vay	23		999.938.605	605.181.754	
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	176.956.070	140.223.158	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	2.769.614.471	2.068.312.281	
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7.694.360.938	4.447.027.956	
11. Thu nhập khác	31	VI.7	202.457.988	101.787.192	
12. Chi phí khác	32	VI.8	325.037.033	3.500.414	
13. Lợi nhuận khác	40		(122.579.045)	98.286.778	
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		-	-	
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7.571.781.893	4.545.314.734	
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		2.661.728.530	1.625.350.319	
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.17	(115.736.448)	(450.831.973)	
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5.025.789.811	3.370.796.388	
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		-	-	
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		5.025.789.811	3.370.796.388	
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		385	458	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 8 năm 2010

Lê Ngọc Hồng
Người lập biểu

Lê Văn Hùng
Kế toán trưởng



Lê Duy Hiệp
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 31 tháng 03 năm 2010
(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI KỲ NÀY	
			NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		7.571.781.893	4.545.314.734
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.10, V.11, V.13	5.623.491.041	4.399.052.806
- Các khoản dự phòng	03	V.3	586.189.368	(396.334.055)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.4	(89.760.005)	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, VI.7, VI.8	(389.762.432)	-
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	999.938.605	605.181.754
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		14.301.878.470	9.153.215.239
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(1.449.847.337)	(275.887.544)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(3.099.324.866)	211.730.089
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(4.729.522.375)	45.702.423.015
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		10.581.208	(169.490.548)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(999.938.605)	(605.181.754)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.21	(1.955.126.049)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		82.272.727	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(1.414.142.634)	(726.710.831)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		746.830.539	53.290.097.666
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.10, V.12	(30.512.553.201)	(17.435.886.873)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	91.314.392	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.15	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 31 tháng 03 năm 2010
(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: VND

		LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI KỲ NÀY		
CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(697.646.508)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	319.573.830	-
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	30		(30.101.664.979)	(18.133.533.381)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	V.29	31.237.170.000	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.27	11.468.122.851	8.353.986.710
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.27	(1.151.325.900)	(2.572.342.254)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.29	(10.106.632.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		31.447.334.951	5.781.644.456
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		2.092.500.511	40.938.208.741
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	VI.1	53.270.222.425	22.550.894.201
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		221.324.849	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	VI.1	55.584.047.785	63.489.102.942

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 8 năm 2010

Lê Ngọc Hồng
Người lập biểu

Lê Văn Hùng
Kế toán trưởng



Lê Duy Hiệp
Tổng Giám đốc

PHỤ LỤC: BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 31 tháng 03 năm 2010

Đơn vị tính: VND

	VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU	THĂNG DUY VỐN CỔ PHẦN	CHÉNH LỆCH TỶ GIÁ HỐI ĐOÁI	QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	QUỸ DỰ PHÒNG TÀI CHÍNH	LỢI NHUẬN SAU THUẾ CHƯA PHÂN PHỐI	CỘNG
Số dư đầu năm trước	63.480.000.000	73.135.477.853	-	22.277.999.640	5.687.159.109	57.986.671.031	222.567.307.633
Tăng vốn trong năm	37.546.260.000	43.234.580.000	-	-	-	-	80.780.840.000
Cổ phiếu quỹ mua lại	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	37.465.018.578	37.465.018.578
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	-	-
Phân phối các quỹ trong năm	-	-	-	3.501.433.233	1.167.144.411	(8.398.010.876)	(3.729.433.232)
Đánh giá chênh lệch tỷ giá	-	-	636.551.750	-	-	-	636.551.750
Số dư cuối năm trước	101.026.260.000	116.370.057.853	636.551.750	25.779.432.873	6.854.303.520	87.053.678.733	337.720.284.729
Số dư đầu năm nay	101.026.260.000	116.370.057.853	636.551.750	25.779.432.873	6.854.303.520	87.053.678.733	337.720.284.729
Tăng vốn trong kỳ	31.098.620.000	10.237.170.000	-	-	-	(10.098.620.000)	31.237.170.000
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	5.025.789.810	5.025.789.810
Chia cổ tức trong kỳ	-	-	-	-	-	(10.106.632.000)	(10.106.632.000)
Phân phối các quỹ trong kỳ	-	-	-	716.926.289	238.975.430	(1.672.828.008)	(716.926.289)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá	-	-	(636.551.750)	-	-	-	(636.551.750)
Đánh giá chênh lệch tỷ giá	-	-	885.625.869	-	-	-	885.625.869
Số dư cuối kỳ	132.124.880.000	126.607.227.853	885.625.869	26.496.359.162	7.093.278.950	70.201.388.535	363.408.760.369

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 08 năm 2010



Le Ngoc Hong

Lê Ngọc Hồng
Người lập biểu

Le Van Hung

Lê Văn Hùng
Kế toán trưởng



Lê Duy Hiệp
Tổng Giám đốc

**Headquarters**

: 229 Dong Khoi St., Dist. 1, Ho Chi Minh City

Tel: (84.8) 38 272 295 - Fax: (84.8) 38 272 300

Branch in Ha Noi

: 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City

Branch in Nha Trang

: 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City

Branch in Can Tho

: 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City

www.a-c.com.vn

Số: 0574/2011/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 03 NĂM 2011 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN GIAO NHẬN NGOẠI THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH

Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN GIAO NHẬN NGOẠI THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2011 của Công ty Cổ phần Kho vận Giao nhận Ngoại thương TP. Hồ Chí Minh bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Kho vận Giao nhận Ngoại thương TP. Hồ Chí Minh (Công ty mẹ) và các công ty con (danh sách Công ty con được trình bày ở thuyết minh số I.5) (gọi chung là Tập đoàn) gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 3 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 05 tháng 5 năm 2011, từ trang 07 đến trang 35 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần kho vận giao nhận ngoại thương - TP. Hồ Chí Minh. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần kho vận giao nhận ngoại thương TP. Hồ Chí Minh cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất để cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 3 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)



Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0099/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 05 năm 2011

Trần Hoàng Anh - Kiểm toán viên

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1161/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		"MÃ SỐ"	"THUYẾT MINH"	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
A -	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		121.145.932.161	133.559.242.870
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	46.473.620.747	55.584.047.785
1.	Tiền	111		36.473.620.747	14.384.047.785
2.	Các khoản tương đương tiền	112		10.000.000.000	41.200.000.000
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		7.469.660.771	6.429.369.894
1.	Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	9.664.753.371	8.346.477.310
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(2.195.092.600)	(1.917.107.416)
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		40.295.633.250	51.479.040.605
1.	Phải thu khách hàng	131	V.4	18.912.496.456	17.137.380.228
2.	Trả trước cho người bán	132	V.5	12.203.078.365	30.675.829.257
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Các khoản phải thu khác	135	V.6	9.180.058.429	3.665.831.120
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140		10.783.734.970	7.935.559.888
1.	Hàng tồn kho	141	V.7	10.783.734.970	7.935.559.888
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		16.123.282.423	12.131.224.698
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	2.705.781.049	1.841.792.539
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		7.023.234.724	5.996.573.261
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.9	532.695.630	-
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10	5.861.571.020	4.292.858.898
B -	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		480.189.171.900	355.051.687.206
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		"MÃ SỐ"	"THUYẾT MINH"	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
II.	Tài sản cố định	220		252.257.856.625	198.311.850.544
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	244.353.620.795	150.998.406.880
	Nguyên giá	222		347.609.777.080	240.127.563.426
	Giá trị hao mòn lũy kế	223		(103.256.156.285)	(89.129.156.546)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	Nguyên giá	225		-	-
	Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.12	2.735.871.261	2.752.433.757
	Nguyên giá	228		2.957.818.000	2.957.818.000
	Giá trị hao mòn lũy kế	229		(221.946.739)	(205.384.243)
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.13	5.168.364.569	44.561.009.907
III.	Bất động sản đầu tư	240	V.14	78.382.520.345	80.638.843.345
	Nguyên giá	241		84.498.175.910	84.033.448.910
	Giá trị hao mòn lũy kế	242		(6.115.655.565)	(3.394.605.565)
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		123.810.470.428	68.246.329.111
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	420.000.000
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.15	120.774.920.713	55.600.737.038
3.	Đầu tư dài hạn khác	258	V.16	12.225.592.073	12.225.592.073
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.17	(9.190.042.358)	-
V.	Tài sản dài hạn khác	260		6.988.324.501	7.854.664.206
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.18	2.349.145.821	4.464.299.156
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.19	2.507.189.940	1.320.376.310
3.	Tài sản dài hạn khác	268	V.20	2.131.988.740	2.069.988.740
VI.	Lợi thế thương mại	269		18.750.000.000	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		601.335.104.060	488.610.930.076

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2011

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN		"MÃ SỐ"	"THUYẾT MINH"	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
A -	NỢ PHẢI TRẢ	300		191.047.560.566	125.202.169.707
I.	Nợ ngắn hạn	310		31.848.747.762	44.300.913.993
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.21	10.078.939.307	15.785.243.939
2.	Phải trả người bán	312	V.22	3.435.637.640	11.098.963.853
3.	Người mua trả tiền trước	313		100.000.000	38.155.000
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.23	518.188.622	3.174.308.865
5.	Phải trả người lao động	315		1.050.987.764	1.365.781.698
6.	Chi phí phải trả	316	V.24	10.201.250.760	5.281.505.240
7.	Phải trả nội bộ	317		-	-
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.25	5.332.367.966	4.763.763.101
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.26	1.131.375.703	2.793.192.297
12.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II.	Nợ dài hạn	330		159.198.812.804	80.901.255.714
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3.	Phải trả dài hạn khác	333	V.27	6.469.019.444	6.258.713.655
4.	Vay và nợ dài hạn	334	V.28	149.599.716.139	71.722.444.254
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		31.263.999	-
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7.	Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện	338	V.29	3.098.813.222	2.920.097.805
9.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B -	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		409.391.675.406	363.408.760.369
I.	Vốn chủ sở hữu	410		409.391.675.406	363.408.760.369
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.30	165.152.140.000	132.124.880.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412	V.30	126.607.227.853	126.607.227.853
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4.	Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	"MÃ SỐ"	"THUYẾT MINH"	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	V.30	1.393.446.620	885.625.869
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.30	29.638.347.505	26.496.359.162
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.30	8.140.608.398	7.093.278.950
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.30	78.459.905.030	70.201.388.535
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C - LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐỒNG THIỂU SỐ	439	V.31	895.868.088	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		601.335.104.060	488.610.930.076

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	"THUYẾT MINH"	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		255.712,28	271.449,86
Dollar Singapore (SGD)		4.970,00	4.970,00
Dollar Hongkong (HKD)		6.327,69	2.500,00
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 5 năm 2011

Lê Ngọc Hồng
Người lập biểu

Lê Văn Hùng
Kế toán trưởng



Lê Duy Hiệp
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	"MÃ SỐ"	"THUYẾT MINH"	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	240.246.363.707	185.881.675.083
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	240.246.363.707	185.881.675.083
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	194.163.987.115	143.545.947.878
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		46.082.376.592	42.335.727.205
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	9.018.967.003	8.228.249.555
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	17.812.007.481	4.186.148.920
Trong đó: chi phí lãi vay	23		6.766.049.531	1.474.128.659
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	4.269.295.398	764.822.137
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	18.630.987.596	12.057.912.318
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		14.389.053.121	33.555.093.385
11. Thu nhập khác	31	VI.7	28.929.791.534	5.826.595.467
12. Chi phí khác	32	VI.8	16.689.946.664	6.396.228.993
13. Lợi nhuận khác	40		12.239.844.870	(569.633.526)
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		30.001.997.203	21.119.146.269
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		56.630.895.194	54.104.606.128
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.23	9.169.804.108	8.413.984.735
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	(1.155.549.631)	(502.050.544)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		48.616.640.717	46.192.671.937
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		(4.131.912)	-
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		48.620.772.629	46.192.671.937
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	2.944	2.891

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 5 năm 2011

Lê Ngọc Hồng
Người lập biểu

Lê Văn Hùng
Kế toán trưởng



Lê Duy Hiệp
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2011
(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	"MÃ SỐ"	"THUYẾT MINH"	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		56.630.895.194	54.104.606.128
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.11; V.12; V.14	24.992.981.113	21.017.348.072
- Các khoản dự phòng	03	V.3; V.17	9.468.027.542	2.313.441.471
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.4	119.195.970	89.760.005
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(50.707.364.349)	(27.682.618.283)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	6.766.049.531	1.474.128.659
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		47.269.785.000	51.316.666.052
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(5.244.535.901)	(96.590.988.964)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(2.848.175.082)	(5.573.281.787)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(18.041.278.993)	(40.958.860.893)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.251.164.825	(2.418.207.920)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(6.766.049.531)	(1.474.128.659)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.23	(12.520.631.493)	(9.805.801.557)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	632.200.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(5.304.252.599)	(5.426.119.348)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(2.203.973.774)	(110.298.523.076)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(57.709.321.007)	(106.806.363.762)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	27.787.651.159	31.786.272.492
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2	(1.500.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	V.15	(56.250.000.000)	(7.384.183.125)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	8.135.849.993	7.164.258.422
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(79.535.819.855)	(75.240.015.973)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2011
(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	"MÃ SỐ "	"THUYẾT MINH"	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	112.018.010.000
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.28	107.566.491.590	105.733.026.203
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.21; V.28	(35.395.524.337)	(30.232.245.160)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.30	(3.690.000)	(10.106.632.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		72.167.277.253	177.412.159.043
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(9.572.516.376)	(8.126.380.006)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	55.584.047.785	63.489.102.942
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		462.089.338	221.324.849
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	46.473.620.747	55.584.047.785

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 5 năm 2011

Lê Ngọc Hồng
Người lập biểu

Lê Văn Hùng
Kế toán trưởng



Lê Duy Hiệp
Tổng Giám đốc

PHỤ LỤC: BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2011

Đơn vị tính: VND									
VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỐ HỮU	THĂNG DƯ VỐN CỔ PHẦN	CHÉNH LỆCH TỶ GIÁ HỐI ĐOẠI	QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	QUỸ DỰ PHÒNG TÀI CHÍNH	LỢI NHUẬN SAU THUẾ CHƯA PHÂN PHỐI	CỘNG			
Số dư đầu năm trước	63.480.000.000	73.135.477.853	-	22.782.785.827	5.855.421.171	48.187.530.637	213.441.215.488		
Tăng vốn trong năm	68.644.880.000	53.471.750.000	-	-	-	(10.098.620.000)	112.018.010.000		
...ợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	46.192.671.937	46.192.671.937		
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	-	3.713.573.335	1.237.857.779	(12.407.366.031)	(7.455.934.917)		
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(1.672.828.008)	(1.672.828.008)		
Chênh lệch tỷ giá	-	-	885.625.869	-	-	-	885.625.869		
Số dư cuối năm trước	132.124.880.000	126.607.227.853	885.625.869	26.496.359.162	7.093.278.950	70.201.388.535	363.408.760.369		
Số dư đầu năm nay	132.124.880.000	126.607.227.853	885.625.869	26.496.359.162	7.093.278.950	70.201.388.535	363.408.760.369		
...ợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	48.620.772.629	48.620.772.629		
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	-	3.141.988.343	1.047.329.448	(7.331.306.134)	(3.141.988.343)		
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	33.027.260.000	-	-	-	-	(33.027.260.000)	-		
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(3.690.000)	(3.690.000)		
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá	-	-	(885.625.869)	-	-	-	(885.625.869)		
Chênh lệch tỷ giá	-	-	1.393.446.620	-	-	-	1.393.446.620		
Số dư cuối năm nay	165.152.140.000	126.607.227.853	1.393.446.620	29.638.347.505	8.140.608.398	78.459.905.030	409.391.675.406		

TP. Hồ Chí Minh, ngày ~~05 tháng 5~~ năm 2011

[Signature]

Lê Ngọc Hồng
Người lập biểu



Lê Văn Hùng
Kế toán trưởng

Minh, ngày 02 tháng 5 năm 2011

Lê Duy Hiệp
Tổng Giám đốc



Mr. **BUI TUAN NGOC**
Chairman of the Board - Transforwarding
Warehousing Corporation - HCM City
(**Transimex-Saigon**)

Chairman's message

Dear valued customers, partners and shareholders !

On behalf of the Transforwarding Warehousing Corporation - HCM City (Transimex-Saigon), I would like to send greetings to all of you.

Ladies and Gentlemen !

The year 2010 has passed with lots of happenings different from predictions. Vietnam's economy grew approximately 6.8% and its export turnover amounting to level VND 157 billion, in which total export value reaching VND 72.2 billion (up 25.5 % from 2009). However, inflation increased to a two-digit rate; bank interest rates ran high; and the VND/USD exchange rate fluctuated worryingly. Such a situation remarkably affected businesses, including those in the fields of shipping and logistics services.

According to incomplete statistics, the country's logistics service industry grew about 10% in 2010. However, the growth was hard to sustain since the ocean shipping services markets in the world recovered slowly and there are increasingly fierce competitions between businesses to survive. In such a general context, Transimex-Saigon tried to achieve encouraging operating results, including a growth rate of 13.3% in total revenues and an expansion of 4.8% in pre-tax profit compared to the year's plan. This result may not meet the expectations of the Board as well as the shareholders, but it was the outcome of the great efforts of the Board of Management, the Board of Directors, and all of the company's staffs.



With a successful operational tradition having built up and developed by many predecessors in the past 30 years, and with joint efforts of all employees of the Company, we are determined to fulfill the 2011 operation plan and will continue striving to develop Transimex-Saigon into one of the leading logistics groups in Vietnam by 2015..



Along with boosting investment in infrastructure, the Board of Management and the Board of Directors strengthened training, stepped up human resource development, develop the transport fleet, and expanded its agent network in the world, for example the establishment of joint venture Transimex-Cambodia Company in Cambodia in early 2011. Together with the investment project of upgrading Port Warehousing Centre ICD Transimex, developing truck team, and in order to expanse and diversify service chains, the company also invested in the HAIANTS CO.,LTD. Container Port in Hai Phong City, becoming one of the major shareholders of the port. The port has initially achieved good operating results since it began operational on May 3, 2011. Besides, joint venture Nippon Express (Vietnam) has also operated very well, with its revenue increasing twice and profits rising by about 50% compared to 2009.

In general, the country's economy in the first months of 2011 is still faced with difficulty and the logistics and shipping services markets are recovering slowly, but with a determination to make the best use of the invested infrastructure, the company has targeted a revenue growth of 12% and a profit growth of 24% compared to 2010. The company will continue to invest in the logistics infrastructure in the Ho Chi Minh City Saigon Hi-tech Park . By the end of May 2011, the Company will be granted an investment license and will build warehouses, including a bonded warehouse, in an area of 10,000 square meters at the Saigon Hi-tech Park .

With an aim to diversify the company's service chain, the Board of Management has decided to continue investing in other companies in the same business lines, including the HaiAnTS Co., Ltd, and will cooperate with companies that can support Transimex-Saigon's services, especially in the field of super-long and super-heavy cargo.

With a successful operational tradition having built up and developed by many predecessors in the past 30 years, and with joint efforts of all employees of the Company, we are determined to fulfill the 2011 operation plan and will continue striving to develop Transimex-Saigon into one of the leading logistics groups in Vietnam by 2015.

On this occasion, on behalf of the Board of Management, the Board of Directors and all employees of the Company, we would like to express our sincere thanks to all the shareholders, customers and partners who have put trust on and cooperated with Transimex-Saigon. We also thank all agencies, organizations and individuals that have given support to our company during the past years and we wish will receive the same in the coming time. Our thanks also go to all the company's employees who have devoted their best efforts to the company's development.

We wish you health, happiness and success.

Sincerely yours.

Bui Tuan Ngoc
Chairman of the Board

Objectives

To provide clients with high quality, secure and efficient services; To team up with partners to make the best use of resources in order to create services that are of high quality, distinctive and highly competitive; To ensure a growth rate of 15-20 percent per year; and To expand market shares and customer sources; and to improve employees' income.

Vision

To become a leading company in the field of logistics by investing resources in developing goods transportation, warehousing, ICD services, customs tax services, transportation and installation of super long cargoes and super heavy cargoes, etc.

To become a strong economic group;

Internationalization of capital, partners and investment locations.

Development strategies

Short-term strategies

To complete the project "Planning Port Warehousing Center" by late the fourth quarter of 2010 to meet clients' increasing demand for warehouses and ports;

To put in operation the Enterprise Resource Planning (ERP) software application;

To upgrade the 180m wharf to 2,400 DWT and build a 80 m wharf capable of 2,400 DWT to accommodate 2,400 ton container barge at the ICD;

To start the construction of a bonded warehouse (phase 1), a tax-suspension warehouse, and a

logistics center at the HCM City Saigon Hi-tech Park ; to become a main logistics services provider at the Zone;

To develop Transimex-Saigon into a highly competitive brand that competes effectively with local and foreign players; to expand the operation scale and increase the charter capital; to improve the competitive capability in the course of international economic integration;

To step up research and development of existing and new services to meet the need of stable and sustainable growth.



Long - term strategies (2011 - 2015)

To continue making long - term investments in the field of logistics and create other high-quality services that are sustainable, professional and diverse to ensure a stable development of sales and profit in current difficult market conditions;

To apply modern management and control models in marketing, human resources management, and financial administration; and at the same time to recruit new employees to meet the need of maintaining the company's development indexes;

To expand the company's scale of operation and scope of activities at home and abroad to become one of the leading freight forwarders in Vietnam;

To invest in expanding the inland waterway ports, logistics facilities, warehousing services, freight transport and forwarding at industrial parks, export processing zones, and key economic regions;

To cooperate, joint venture, and associate with partners to develop trade and services in economic centers at home and abroad;

To boost financial and property investments;

To maintain traditional markets such as Japan, Europe and Asia; and to continue expand markets in such countries as Russia, the US and Australia;

To develop technologies, management, satellite system, and branch networks; and provide goods and services to large projects and works;

To build and trade offices for lease, high-class apartments.

To increase the budget for training to improve professional ability, foreign language skills and management capability of the company's staff;

To ensure capital for and quality of investment projects and trading activities of the holding and subsidiary companies; and

To achieve profit and sales rates of 15% - 20% per year and enhance the value of the company's shares.





COMPANY’S HISTORY

Formation Process

Establishment

Transimex-Saigon used to be a State - owned business was established in 1983 with its headquarter located at 172 Hai Ba Trung St. Da Kao Ward, District 1, Ho Chi Minh City.

Equitization

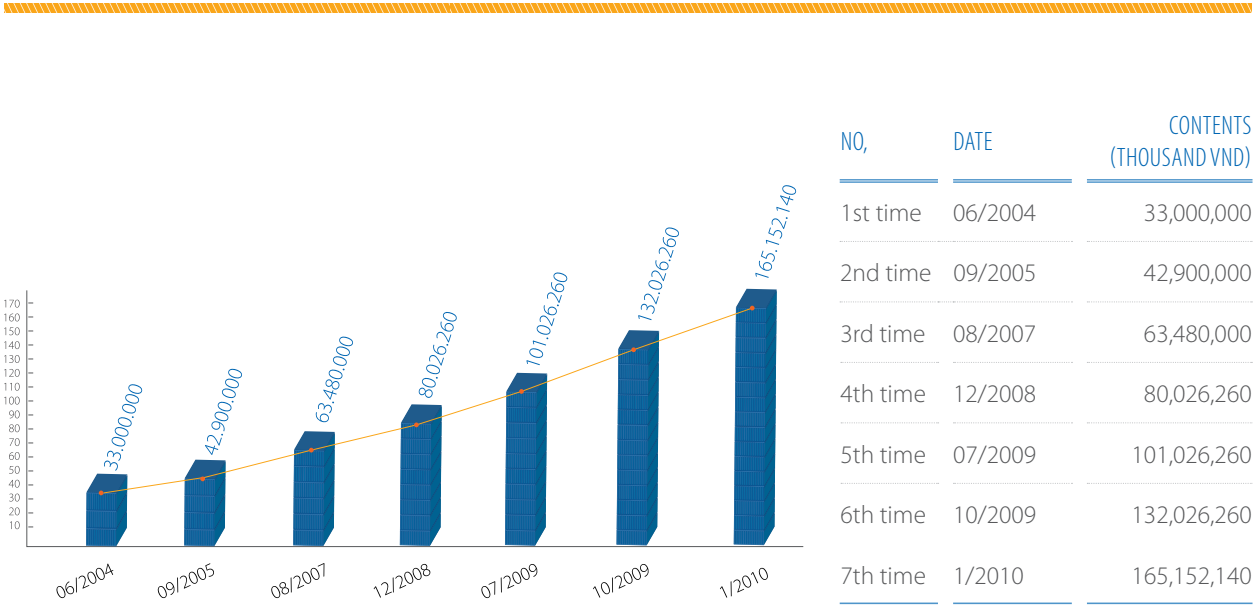
On January 01, 2000, Transimex-Saigon was officially transformed into a joint stock company with an initial charter capital of VND 22,000,000,000 under Decision No 989/QĐ-TTg dated October 26, 1999 by the Prime Minister.

Initial public offering

On August 04, 2000, 2,200,000 shares of Transimex-Saigon was officially listed on the Ho Chi Minh City Stock Exchange (HOSE) with an initial value of VND 14,000 each. The company's stock code is TMS.

Process for increasing chartered capital

The existing chartered capital is VND 165,152,140,000 with the process for capital increase as follows:



Development Process:

Lines of business

Through **27** years of development since its establishment in **1983**, Transimex-Saigon has maintained its main lines of business and set up some new lines over which the company has an advantage. The current lines of business are as follows:

- » Agent for import export freight forwarding and transportation by sea, air and land;
- » Bonded warehouse services; container freight station (CFS) services; Warehousing and port services; customs formalities services, shipping agent, and cargo brokerage for international and domestic ships;
- » Warehousing, loading and unloading, transit freight services;
- » Transit goods trade; packaging services;
- » Land cargo transportation; multimodal transportation;
- » Inland waterway transportation;
- » Financial and stock trade.
- » Office leasing; real estate project investment and development;
- » Making investments in local and foreign companies in the same lines of business; Cargo marking.
- » Express delivery; tourism agent; general trade;

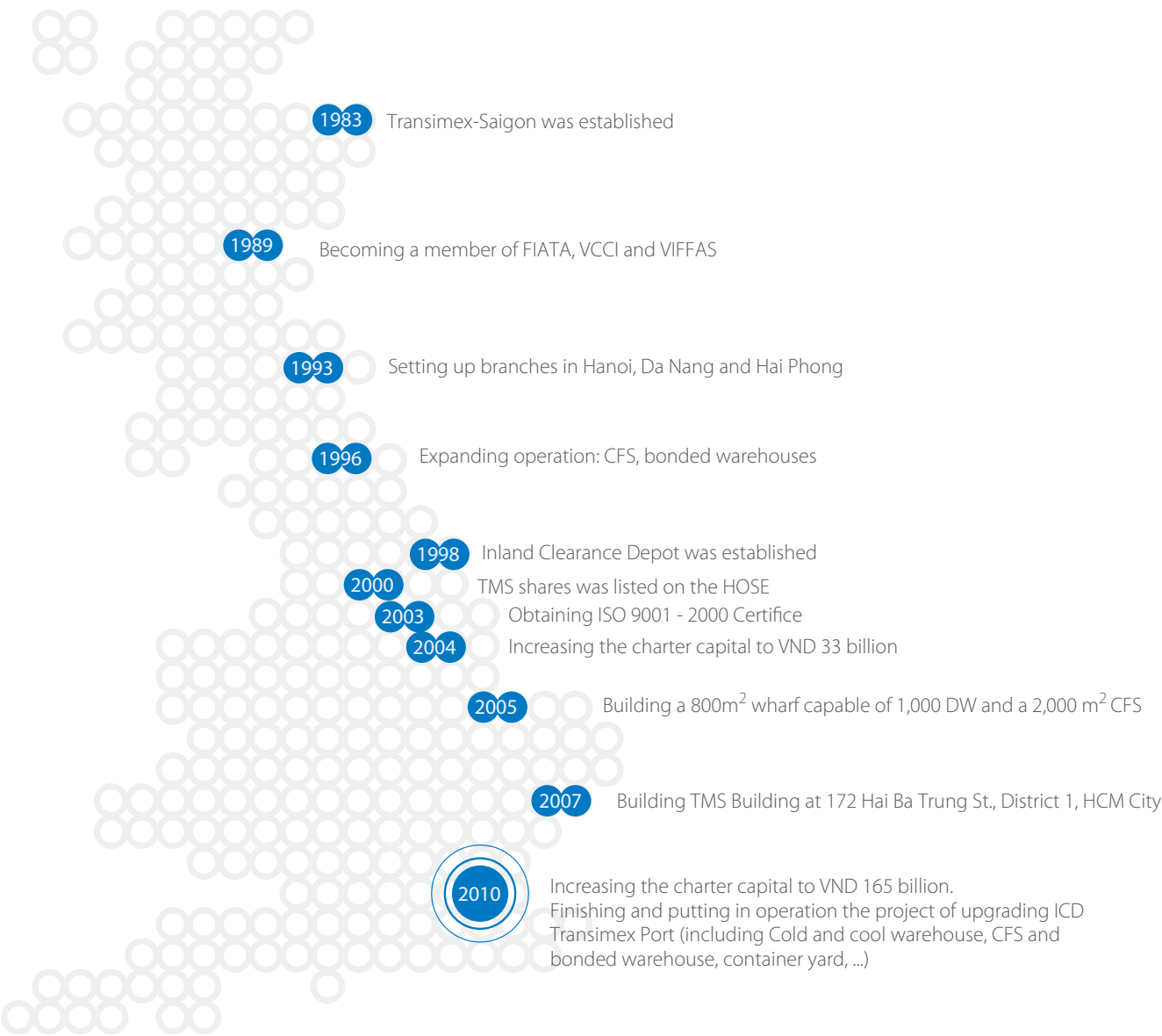
Obtained Certificates:

NO.	DATE	CERTIFICATIE	ISSUER
1	1989	Membership of FIATA, VIFFAS and VCCI	
2	12/2010	ISO 9001 - 2008 Certificate, version: QP - TMS - 2010.	SGS Group
3	2000	Membership of IATA	
4	2010	Insignia for 10 - year contribution to the development of Vietnam's stock market	HOSE
5	2010	First prize for annual reports	HOSE
6	2010	Certificates of Merit for business achievements, investment in the stock exchange, and contribution to financial and stock operations	HCM City People's Committee



ICD TRANSIMEX
Remodelling & Upgrading
Project Completion Ceremony

Milestones of Transimex-Saigon



Outstanding events in 2010:

- 1 Transimex-Saigon was granted "Certificate of Overseas Investment" to develop an investment project in Cambodia. The name of the economic entity established by the company in Cambodia: TRANSIMEX - CAMBODIA COMPANY LIMITED.
- 2 Establishing TRANSIMEX LOGISTICS., LTD under a investment certificate granted by the Hi - tech Park Management Board;
- 3 Building a bonded warehouse (phase 1) in the Hi-tech Park, District 9;
- 4 Signing with the HAIAN a contract to cooperate in investment in and exploitation of the HAIANTS CO.,LTD - Hai Phong Port;
- 5 Completing the project "Planning for upgrading the warehouse center at the ICD TRANSIMEX";
- 6 Inaugurating the office area in the ICD Transimex at 7/1 Binh Tho Hamlet, Truong Tho Ward, Thu Duc District;
- 7 Inaugurating a cold warehouse and a cool warehouse at the ICD TRANSIMEX;
- 8 Setting two RTG cranes into operation
- 9 Setting two container barges, with a load of 2,400 ton (128 teus) each, into operation;

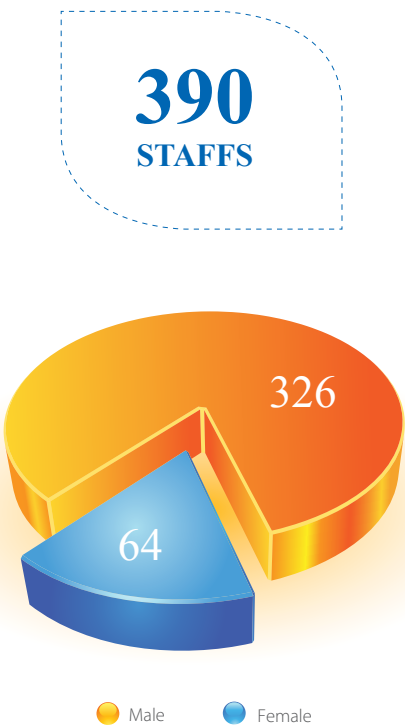
Workforce

The workforce of the Transimex-Saigon has developed along with the size and growth of the company over time. As of 03/31/2011, the company had **390** staffs.

Labor policies

With stable business results and growth, the company ensures stable income for its staff and fully implements the State’s regulations on rights and interests of Staffs, as follows:

- » Ensuring all insurance regulated for Staffs
- » Regularly conducting medical check-up for all Staffs
- » Giving Mid-Autumn and Children’s Day gifts to the children of Staffs
- » Organizing annual vacation tours for Staffs, and foreign tours to those who achieve outstanding performances
- » Giving gifts to female Staffs on the Vietnam Women’s Day (October 20) and International Women’s Day (March 8)
- » Giving bonus to Staffs on annual major holidays
- » Coordinating with the Trade Union to organize festivals and exchange sessions for Staffs on April 30 Holiday and May Day every year.
- » Organizing annual training courses to improve professional ability and foreign language skills of Staffs and to enhance administration ability of managers.



Sport & Society Activities



BOARD OF MANAGEMENT'S ANNUAL REPORT TO THE 2010 - 2011 GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS

Dear shareholders

As part of the agenda of the annual General Meeting of Shareholders for the fiscal year 2010, the Board would like to report to shareholders about the company's operating results in 2010, about the Board of Management's direction and supervision over the company's activities in 2010, and about the action plan to the Board of Management in 2011 as follows:

I. THE OPERATING RESULTS OF THE COMPANY IN 2010:

The company's main operations in 2010 have been affected remarkably due to the implementation of the ICD Warehouse Center project, but the Company has used all possible resources to fulfill the targets set for the year, as follows:

» Fiscal year: 01/1/2010 - 31/3/2010

- » Total revenue : VND 49.9 billion, up 3.96% from the plan
- » Pre-tax profit : VND 7.6 billion, or 97.44% of the plan
- » Ratio of the pre-tax profit on total revenue : 15.23%.

» Fiscal year: 01/4/2010 - 31/3/2011

- » Total revenue : VND 240.2 billion, up 13.30% from the plan
- » Pre-tax profit : VND 56.6 billion, up 4,81% from the plan
- » Ratio of the pre-tax profit on total revenue : 23,56%
- » Dividend : 10% was in cash
- » Bonus share : 25%

In addition to fulfilling and surpassing the above targets, the Board of Management have carried out the following cooperation, investment and development programs as follows:

- » Establishing the TRANSIMEX-CAMBODIA JOINT VENTURE COMPANY LIMITED in Cambodia;
- » Establishing Transimex Logistics Co., Ltd. at the HCM City Saigon Hi-tech Park ;
- » Investing in the HAI AN Port and holding 20% of the charter capital of the HAIANTS Co., Ltd
- » Completing the human resource administration system project (ERP); and
- » Completing and putting in operation the project for planning and upgrading the ICD Transimex Warehouse Center.

II. BOARD OF MANAGEMENT'S ACTIVITIES IN 2010-2011:

1) Members of Board of Management:

The General Meeting of Shareholders on March 29, 2008 elected the Board of Management for the 2008 -1013 term comprising 7 members.

1. Mr. Bui Tuan Ngoc	Chairman of the Board	4. Mr. Huynh Minh Thao	Member
2. Mr. Nguyen Hong Quang	Vice Chairman of the Board	5. Mr. Nguyen Viet Cuong	Member
3. Mr. Le Duy Hiep	Member	6. Mr. Vu Chinh	Member
		7. Mr. Le Hung	Member

The Board has set up the following committees:

- Committee for Administration of Trade, Finance, Personnel and Wage
- Committee for Planning, Investment and Basic Construction
- Committee for Market Research and Development and Development Policies
- Committee for Joint Venture and Association

On July 8, 2010, the Board approved Mr. Le Hung's resignation from the post of Member of the Board starting July 1, 2010. The Board continued its operation with the remaining six members.

In order to carry out duties entrusted by the General Meeting of Shareholders, the Board has conducted its activities in accordance with the Company's Charter.

2) The Board's resolutions in 2010 - 2011:

Since the 2009 - 2010 General Meeting of Shareholders, the Board has convened 11 meetings to pass the following main issues:

- » Passing the policy on investing in the Saigon Hi-tech Park and the HAI AN;
- » Passing the administration statute for 2010;
- » Passing the appointment for the chief accountant of the company;
- » Passing the issue of convertible bond under the resolution of the 2009 - 2010 annual General Meeting of Shareholders held on April 17, 2010;
- » Approving the plan of investment in the HAIANTS Co., Ltd;
- » Passing Mr. Le Hung's resignation from the member of the Board;
- » Passing the audit unit of the Company for the fiscal year 2010;
- » Passing the plan for using capital of issuing bond.
- » Passing the increase of financial investment limits of the Company for 2010;
- » Approving the plan for short-term and long-term business of the Company;
- » Approving the increase of investment in the Nippon Express Vietnam joint venture company.
- » Approving the Statement on adjustment to the business plan for the fiscal year 2010 - 2011.
- » Approving the plan of issuing bonus share for the fiscal year 2010 - 2011.
- » Approving the liquidation of several means of transport of the Foreign Trade Trans Forwarding Company Limited (TMS - Trans).
- » Passing the plan for setting up the Transimex - Cambodia Company Limited in Cambodia;
- » Passing the transfer of land use right of the Company for the lot B05, quarter D13, the Cau Giay New Urban Area, Cau Giay District, Hanoi;
- » Promoting Mr. Le Duy Hiep from acting General Director to the General Director starting November 16, 2010.
- » Passing the establishment of the Transimex Logistics Co., Ltd. at the Saigon Hi-tech Park ;
- » Passing the purposes of using capital for the Company's investment projects.

BOARD OF MANAGEMENT’S ANNUAL REPORT TO THE 2010 – 2011 GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS (cont.)

- » Passing the timing and venue for the General Meeting of Shareholders for the fiscal years 01/01/2010 -> 31/3/2010 and 01/4/2010 -> 31/3/2011.
- » Passing the timing for finalizing the list of attendants of the General Meeting of Shareholders and paying the dividend of 10% in cash for 2010;
- » Passing the 2010 Financial Statement and the 2011 Business Plan;
- » Passing the Board’s Report to the 2010 - 2011 annual General Meeting of Shareholders;
- » Passing the programs of the 2010 - 2011 annual General Meeting of Shareholders;
- » Passing the report on the implementation of the 2010 Wage Fund and the plan of 2011 Wage Fund.
- » Passing the policy on capital contribution for the second phase of the HAIANTS Co., Ltd project;
- » Passing the Statements to the 2010 - 2011 annual General Meeting of Shareholders; and
- » Passing some other issues within the authority of the Board.

III. THE RESULTS OF IMPLEMENTATION OF THE 2009 - 2010 ANNUAL GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS:

In 2010 the Board carried out the resolution of the 2009 - 2010 annual General Meeting of Shareholders as follows:

1. Carrying out the profit distribution and setting up funds for 2010.
2. Approving the selection of the audit unit for the Company for the fiscal year 2010;
3. Issuing bonus shares at a rate of 25%: 3,302,726 shares, which would be listed and traded in January 2011
4. Issuing convertible bond:
 - » Issuing convertible bond worth VND 100 billion (fulfilling 100% the plan)
 - » Using the bond capital:
 - Investments in ports : VND 75 billion (HAIANTS Co., Ltd and ICD Transimex)
 - Investments in means of transport : VND 24.2 billion
 - Issuance expense : VND 0.8 billion
5. In 2010, since unfavorable conditions of the stock exchange and since the Company did not have an urgent demand for capital, the Company decided to postpone the issue of shares for shareholders at the ratio 3 :1 and the issue of 660,000 shares for the company’s staff under the resolution of the 2009 - 2010 annual General Meeting of Shareholders.

Strive for achieving trading plan
from 1/4/2011 to 31/3/2012

Total Revenue: **VND 269.00 billion**

Pre-tax profit: **VND 69.8 billion**

IV. THE RESULTS OF SUPERVISION BY THE BOARD OVER THE COMPANY'S OPERATIONS:

The provision of information and reports to the Board's members were carried out regularly and fully, facilitating the direction and supervision of the Board over the Company's activities. The Board's members fulfilled their duties and contributed to the operating results of the Company in 2010.

During its supervision, the Board realized that the Board of Directors carried out the resolutions of the Board of Management, provided information in time, and adjusted the business schedule in accordance with the Company's actual conditions and the request of the Board of Management.

V. ACTION PLAN OF THE BOARD IN 2011:

- » Continuing developing the investment projects included in the 5 - year development plan of the Company, including the planning for the second phase of the building of the Company's logistics system at the Saigon Hi-tech Park and the putting into operation the bonded warehouse at the Saigon Hi-tech Park ;
- » Investing in phase II of the HAI AN project and raising the stake at the HAIANTS Co., Ltd to 25% of the charter capital;
- » Strengthening the implementation of the Company's Management Statue for companies listed on the Stock Exchange to perfect the Company's management system ;
- » Organizing regular meetings at least once every quarter to discuss and pass reports, plans and instructions in order to effectively implement resolutions of the General Meeting of Shareholders; and
- » Closely supervising the Board of Directors' activities, especially in launching new investment projects.

Sincerely yours.

FOR BOARD OF MANAGEMENT



Bui Tuan Ngoc
Chairman



BOARD OF DIRECTORS' REPORT



The company has adopted necessary measures to fulfill the targets set for the year.

2010 ANNUAL OPERATING REPORT AND ANNUAL OPERATING PLAN FOR 2011

SECTION I : 2010 ANNUAL OPERATING REPORT:

I. OVERVIEW:

The national economy and the city's economy in 2010 have recovered and grown, with the country gaining a growth of 6.78% and the city registering an expansion of 11.8 percent. The country's total: Important export turnover amounted to US\$156 billion, of which total export turnover was \$72.19 billion, up 25% from 2009. However, the inflation increased to a two-digit rate, interest rates ran high and the exchange rate between VND and USD sharply fluctuated. The country's economy remained under the impacts of the global economic recession. The shipping and logistics markets of the world in general and Viet Nam in particular recovered slowly while fuels prices increased sharply.

In general, the above situation has created some favorable conditions but also posed not few difficulties to the company's operations. However, with great efforts of the Board of Directors and all the staff, the company has successfully fulfilled the targets set for the year 2010.

II. OPERATING RESULTS IN 2010:

Despite difficulties in operation, the Company, with a high sense of responsibility and great moral strength, the company has adopted necessary measures to fulfill the targets set for the year as follows:

1. Main targets:

a. / Output:

* Fiscal year: 01/1/2010 - 31/3/2010

- » Full container load (FCL) sea freight forwarding volume: 3,406 TEU, up 11,71% from the plan
- » Less container load (LCL) sea freight forwarding volume: 3,514 Cbm, or 91,14% of the plan
- » Air freight forwarding volume: 527 tons, up 35.06% from the plan
- » Container traffic through port:
 - Containers of cargo : 32,910 TEU, or 95,67% of the plan
 - Empty containers : 31,707 TEU, up 26.83% from the plan
- » Cargo traffic through warehouses:
 - CFS warehouses : 39,579 Cbm, up 23.68% from the plan
 - Bonded warehouses : Exported goods: 3,058 tons, up 135.21% from the plan; Imported goods: 4,146 Cbm, up 92.13% from the plan

* Fiscal year: 01/4/2010 - 31/3/2011

- » Full container load (FCL) sea freight forwarding volume: 16,647 TEU, up 9.35% from the plan
- » Less container load (FCL) sea freight forwarding volume (LCL): 32,144 Cbm, up 107.43% from the plan
- » Air freight forwarding volume: 2,019 tons, up 32.38% from the plan
- » Container traffic through port:
 - Containers of cargo : 144,502 TEU, or 98.97% from the plan
 - Empty containers : 94,095 TEU, up 10.70% from the plan
- » Cargo traffic through warehouses:
 - CFS warehouses : 180,811 Cbm, up 18.18% from the plan
 - Bonded warehouses : Exported goods: 10,900 tons, up 45.33% from the plan;
Imported goods: 19,280 Cbm, or 77.12% from the plan

b. Financial targets:

* Fiscal year: 01/1/2010 - 31/3/2010

- » Total sales : VND 49.9 billion, up 3.96% from the plan
- » Pre-tax profit : VND 7.6 billion, or 97.44% of the plan
- » Ratio of the pre-tax profit on total sales: 15.23%

* Fiscal year: 01/4/2010 - 31/3/2011

- » Total sales : VND 240.2 billion, up 13.30% from the plan
- » Pre-tax profit : VND 56.6 billion, up 4.81% from the plan
- » Ratio of the pre-tax profit on total sales: 23.56%
- » Dividend : 10% was in cash
- » Bonus share : 25%

2. Services:

- » Stepping up operations at the ICD Transimex; putting into operation the RTG crane system; increase loading and unloading productivity; and container stowage factor;
- » Promote bonded warehouses services, CFS, as well as cold storage, put into cold storage system capable of 6,000 pallets and 8,000 m² two - story CFS warehouses;
- » Based on the approved business plan, the logistics department, agency cooperation department, and

- » branches coordinate with the Sales Marketing Department to carry out solutions to develop logistics services, search new partners and service markets, , particularly in industrial parks and export processing zones; initially providing 3PL services to customers and gradually improving them, as they are a stable, sustainable and innovative model at present; and Strengthening the seeking of new customers in the field of transportation of super long and super heavy cargoes for large projects, including thermal power and public transportation project.

3. Development investment

- » Completing and putting in operation the project "Planning to upgrade "the ICD Transimex - Thu Duc - Ho Chi Minh City Storage Center" (total area: 45,000 m², including 7,200 m² for CFS warehouse and 3,200 m² for cold storage).
- » Launching the project to building the bonded warehouse (phase I) on an area of 1 ha in the HCM City Saigon Hi-tech Park .
- » Establishing the management board of the development investment project in the HCM City Saigon Hi-tech Park; coordinating with the consulting company to set up a plan for the building of the Logistics Center in its 2nd phase. The Company considers the building as a strategic plan for the expansion of service supply facilities in the coming years.

4. Financial investment

- » Strengthening investment management activities; giving priority to investments in member companies and other companies that operate well and in line with the company's development orientation;
- » Become one of the key shareholders of the Customs Container HAI AN in Hai Phong Container Port, which has put a wharf into operation (150 meters - phase 1) since December 2010 and has initially served three container ships per week; and
- » Boosting the collection of trade debts and resolving outstanding issues in the operation of the holding company and its subsidiaries.

5. The organizational structure and personnel

- » Continuing to restructure the organization and operation of the company and its subsidiaries to meet the development targets in the 2011 - 2015 period.

BOARD OF DIRECTORS' REPORT (cont.)

- » Building proper policies on wages and income based on ability and performance to ensure a reasonable distribution of wage and income among workers, applying appropriate preferential treatment to encourage workers to contribute more to the company; ensuring all legitimate rights and interests of workers;
- » Establishing the Transimex-Cambodia Company Limited in Cambodia to expand and connect transport services, logistics, etc. between the two countries. The company has signed a contract to act as agent for the Malaysia International Shipping Corporation (MISC) in Cambodia; and
- » Establishing Transimex Logistics Company Limited as a legal person to invest in the HCM City Saigon Hi-tech Park, to take advantage of tax incentives and develop services in the Zone, which is considered a prime location in the region to develop logistics services.

6. Other tasks:

- » Promoting the application of information technology, specifically the ERP software, in management and operation of the Company; and
- » Taking part in charitable social activities by giving VND142 million to flood-stricken people, poor families, people benefiting from the Government's special welfare policy, and the Japanese victims of the recent tsunami and earthquake, through the company's two major partners: Nippon Express and Shibusawa Logistics.

PART II: BUSINESS PLAN FOR YEAR 2011.

I. GENERAL ECONOMIC SITUATION:

The country's economy in 2011 is forecast to continue recovering in all economic fields. The business and investment environments will be improved and the goods and service markets will have more opportunities to expand in the trend

of integration and development. However, logistics services will be affected directly by many potential negative factors, such as changes in the currency markets, increased fuel prices and labor cost, slow recovery of the marine services market.

Under those circumstances, the Board of Directors will adopt effective solutions to boost business operations and meet the needs of the company's development.

II. TARGETS FOR 2011 & SOLUTIONS:

1. Targets:

a. Output (for the fiscal year: 01/4/2011- 31/3/2012)

- » Full container load (FCL) sea freight forwarding volume: 18,878 TEU, 13.4% higher than the results in 2010
- » Less container load (FCL) sea freight forwarding volume: 29,921 Cbm, 7,100 tons
- » Air freight forwarding volume: 1,925 tons, or 95,34% of the results of 2010
- » Container traffic through port:
 - Containers of cargo: 146,000 TEU, up 1,04% from the results of 2010
 - Empty container : 85,000 TEU, or 90.33% of the results of 2010
- » Cargo traffic through warehouse:
 - CFS : 207,000 Cbm, up 14,48% from the results of 2010
 - Cold storage : 51,000 tons
 - Bonded warehouse: Exports: 9,000 tons, or 82.57% of the results of 2010;
Imports: 23,500 Cbm, up 21.89% from the results of 2010

The Board of Directors will adopt effective solutions to boost business operations and meet the needs of the company's development



Total Revenue
VND 240.2
Billion

Pre-tax profit
VND 56.6
Billion

Ratio of the Pre-tax
profit on Total revenue
23.56%

b. Finance (for the fiscal year: 01/4/2011 - 31/3/2012)

- » Total revenue: VND 269 billion, up 11.99% from the results of 2010
- » Pre-tax profit : VND 69.8 billion, up 23.32% from the results of 2010
- » Dividend : 10% was in cash
- » Bonus share : 5%

2. Solutions & key tasks:

- » Stepping up the effective exploitation of the works already built in the ICD Warehouse Center, including the yard, CFS warehouse, cold storage, and bonded warehouse; continuing to effectively improve and operate the container truck fleet at the transport company TMS-Trans; strengthening service activities at the ICD Warehouse Center by paying special attention to be paid on seeking customers who use cold storage to maximize storage capacity, and making the best use of support of SATRA-affiliated companies that use cold storage like Vissan, Cau Tre, etc.;
- » Consolidating and perfecting the company's Marketing & Sales Department; promoting the sale of services; targeting the development and distribution of 3PL services, with focus put on clients with large volume of imports and exports and a healthy financial situation; boosting the development of super long cargoes and super heavy cargoes;
- » Further restructuring the apparatus organization and personnel system to make them simple but effective; paying special attention to human resources training; consolidating and development the agency system in the region and the world through the company's traditional and reliable partners to expand and diversify international transport and forwarding services;
- » Promoting programs for joint ventures, association, and investment cooperation in the Saigon Hi-tech Park, the HAIANTS Co., Ltd in Hai Phong City and Nippon Express Company (Vietnam); developing the project to build the bonded warehouse and the cargo warehouse (phase 1) on the basis of experiences from the building of the

ICD Warehouse Center, stepping up the apparatus organization of the Transimex Logistics Co., Ltd., developing marketing activities inside and outside the Saigon Toán-Park to create a customer source for the company when construction works are complete; preparing a feasible study for the Logistics Center (phase 2) and seeking strategic partners for this project; developing services and seeking more partners and customers for the company;

- » Strengthening financial investment to achieve the goals in the company's development strategy, giving development priority to the main fields of operation; on the basis of ensuring capital preservation and investment efficiency;
- » Strengthening regular inspection, analysis and evaluation of the Company's operation to find obstacles, if any, and seek solutions to remove them;
- » Building plans for efficient use of capital and for proper capital turnover to meet the needs of trade and investment development in both medium and long terms;
- » Strengthening training to improve qualifications and management efficiency to meet the needs of the company's development;
- » Contributing to the community development, taking part in social and charitable activities, contributing to the care of workers and people with disadvantaged conditions; and
- » Build corporate culture, complying with law and regulations; fully implementing the regulations of the Saigon Trading Corporation as well as strengthening the relationship with the Corporation.



Le Duy Hiep
General Director

INSPECTION COMMITTEE’S REPORT TO THE 2011 ANNUAL GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS

Based on:

- » Duties, powers and responsibilities of the Inspection Committee stipulated in Article 39 of the Charter of the HCM City Transforwarding Warehousing Corporation - HCM City;
- » Resolution of the annual Shareholders’ General Meeting in 2010 on April 17, 2010;
- » Results of business operations and the consolidated financial statements of the HCM City Transforwarding Warehousing Corporation - HCM City audited by the Auditing and Consultancy Co., Ltd. (A&C).

The Inspection Committee submits to the Shareholders’ General Meeting the report about the operating results of the HCM City Transforwarding Warehousing Corporation - HCM City in 2010 as follows:

I. INSPECTION COMMITTEE’S OPERATION:

- » Representatives of the Inspection Committee have attended all the meetings of the Board of Management and the Board of Directors to maintain regular supervision over the Company and take part in discussing the Company’s development orientation in each period;
- » Representatives of the Inspection Committee also participated in daily management activities of the Company to obtain correct and regular information about the Company’s business activities;
- » Members of the Inspection Committee also regularly consult each other to assess the Company’s activities to have a comprehensive assessment on all activities of the Company.

II. EVALUATION OF THE COMPANY’S OPERATING RESULTS:

1. Results of the implementation of the 2010 targets:

- Total revenue of goods and services: VND 240,246,363,707 or 113% of the plan.
- Total pre-tax profit: VND 56,630,895,194, or 105% of the plan, in which: Operating activities: VND 14,389,053,121; joint - venture operation: VND 30,001,997,203; and other operations: VND 12,239,844,870.

2. Investment in equipment renovation:

In order to strengthen and expand operations in 2010, the Company invested in equipment and fixed assets. Total investment value: VND 129,062,874,054, in which:

1/ Investment in fixed assets at the ICD Transimex center : VND 75,557,527,308

(ICD Transimex center: office, cold storage, container terminal, CFS warehouse, etc.)

2/ Investment in means of transport : VND 36,229,061,542

(RTG, forklifts, trailers, etc.)

3/ Investment in management equipment : VND 17,276,285,204

(Electricity and water systems, ICD center, generators, air-conditioners, warehouse frames, etc.)

3. Investment in joint ventures:

The Company invested in the HAIANTS Co, Ltd under a business cooperation agreement dated June 18, 2010 with a capital contribution of VND 56,250,000,000.



4. Evaluation of the operating results and financial position:

After examining the audit report for 2010, the Inspection Committee has the following opinions:

- » Revenue in 2010 was higher than in 2009 but due to price fluctuations in the year, the cost and financial expenses were increased highly, affecting the company's business efficiency. The profit in the year was higher than the plan and mainly came from joint ventures: VND 30,001,997,203.
- » The Trans TMS (a subsidiary) operated inefficiently, causing a loss of VND 7,313,901,312 and thereby affecting the company's operation;
- » Activities of cold storage at the ICD Center was not efficiently, only using 20% of its capacity, partly affecting the company's operation.

III. CONCLUSION AND PROPOSALS:

Conclusion:

The Inspection Committee did not detect any abnormality in TMS's activities in 2011.

- » The company has complied with the operating processes under the requirements of the internal management system. The internal control system operates well and in compliance with the requirements of current accounting standards and principles. The Company has applied a management method for its units based on operating budgets and regulations on capital management and allocation within the group.
- » The Inspection Committee agreed with the audit unit's opinion that the Company's financial statements truly and fairly reflect the operating situation of the company.

The company experienced more difficulty than advantage in 2010, the year that contained a lot of fluctuations and difficulties. However, the company's operation thrived and trended to expand. The Inspection Committee attributed such good performance to the great efforts of the Company's Board of Management and the Board of Directors.

Proposal:

- » In 2011 the Company should step up the seeking clients for the cold storage at the ICD Center; taking necessary management measures to raise revenue and reduce expenses at the TMS Trans to enhance the economic efficiency of the whole company.

- » The company has major projects underway in 2011. Therefore, the company should evaluate and consider the specific impact of the market to build regulations that help minimize risks in the investment process, particularly when capital costs and inflation rise high.

The above is the Inspection Committee's annual report to the annual General Meeting of Shareholders in 2011. In this report, the Inspection Committee has provided some proposals to the Board of Management and the Board of Directors. The Inspection Committee thanks the Company's Board of Management, Board of Directors, and departments have created favorable conditions for the Committee to fulfill its duties.



Nguyen Cong Hieu

Chief Supervisor

SHAREHOLDER INFORMATION

STATISTIC DATA OF SHAREHOLDERS

* RATE OF SHARES OF STATE SHAREHOLDER

NO.	NAME OF SHAREHOLDER	ADDRESS	OWNED SHARES AT	% RATIO
1	Satra	275B Pham Ngu Lao Street, Pham Ngu Lao Ward, District 1	1,309,655	7.93%

* RATIO OF SHARES OF BIG SHAREHOLDERS (owned over 5% shares)

NO.	NAME OF SHAREHOLDER	OWNED SHARES AT	% RATIO
1	VOF Investment Limited	1,932,123	11.70%
2	Bui Tuan Ngoc	1,595,288	9.66%
3	SSI Fund Management Co., Ltd.	1,410,380	8.54%
4	Satra	1,309,655	7.93%
5	PXP Vietnam Fund Limited	1,118,337	6.77%
6	SSI Vision Fund	1,070,967	6.48%
7	Vina Investment Join Stock Company	1,035,110	6.27%
8	Vietnam Investment Limited	972,073	5.89%
9	Toan Viet Investment Joint Stock Company	843,873	5.11%

* SHAREHOLDER STRUCTURE OF TRANSIMEX-SAIGON

NO.	NAME OF SHAREHOLDER	NUMBER OF SHARES		RATIO OF OWNING	
		Organize	Individual	Organize	Individual
I	State Shareholder	1,309,655		7.93%	
II	Inside Shareholder		2,407,657		14.58%
III	Outside Shareholder				
1	Domestic Shareholder	5,418,749	1,111,796	32.81%	6.73%
2	Foreign Shareholder	5,060,214	1,207,143	30.64%	7.31%

ACTIVITIES OF THE SUBSIDIARIES AND THE JOINT VENTURE COMPANIES

1

NIPPON EXPRESS (VIETNAM) CO., LTD

- » Name : **NIPPON EXPRESS VIETNAM CO., LTD**
- » Form of Joint Venture : The Joint Venture between TRANSFORWARDING WAREHOUSING CORPORATION - HOCHIMINH CITY (Transimex-Saigon) - TMS and Nippon Express (Vietnam) Co., LTD - NEV, in which, Transimex-Saigon occupies 50%, Nippon Express Co. 50%.
- » Operation Functions : Forwarding, Import and Export Goods; Bonded warehouses; CFS Warehouse....
- » Business Results achieved in 2010: Total revenue: 859,032,037,282 VND;
- » Sources of revenue, profits and business management activities of Nippon Express Co. Ltd, are always stable and in increase as compared to the previous year. The collective of staff and employees of the company has gradually accumulated experience in management and professional activities to meet the increasing needs of customers at home and abroad.
- » Currently the company is acting as the agent for more than 211 cities and 37 nations around the world.

2

FOREIGN TRADE TRANS FORWARDING COMPANY LIMITED.

- » Name of owner : **TRANSFORWARDING WAREHOUSING CORPORATION - HOCHIMINH CITY**
- » Name in transaction : TMS | TRANS
- » Head office : 7/1 Binh Tho Hamlet, Truong Tho Ward, Thu Duc District.
- » Operation : From March 18, 2009
- » Lines of business : Cargo transport by road; Coastal and ocean transport of cargoes; Inland Waterway Cargo Transport; Cargo Loading and Unloading; Goods storages (except for business operation in warehouses and yards); packaging service.
- » Chartered capital : 16 billion VND.
- » Business Results achieved in 2010:
- » Fiscal year: 01/1/2010-31/3/2010: 6,048,803,797 VND
- » Fiscal year: 01/4/2010-31/3/2011: 36,656,984,884 VND

ACTIVITIES OF THE SUBSIDIARIES AND THE JOINT VENTURE COMPANIES (cont.)



TMS PROPERTY CO., LTD.

- » Name of owner : **TRANSFORWARDING WAREHOUSING CORPORATION - HOCHIMINH CITY**
- » Name in transaction : TMS | BUILDING
- » Head office : 172 Hai Ba Trung, Dakao Ward, District 1, HCMC
- » Operation : Since March 2009
- » Lines of business : Operating the Business of real estates; Storage of goods; Sanitation to housing and construction works; Service in care and maintenance of landscapes; lease of machines; office equipment (including computers); courier services.
- » Chartered capital : **80 billion VND.**
- » Business Results achieved in 2010:
 - » + Fiscal year : 01/1/2010-31/3/2010: VND 4,736,501,399.
 - » + Fiscal year : 01/4/2010-31/3/2011: VND 29,610,584,764.
- » TMS Building, has a total construction area of 8500 m² (including 14 floors and 2 basements), in which, Transimex-Saigon has already used 2 storeys of the buildings as its head office, 100% of the remaining area has been leased. This is also a stable source of revenue, rather large for the company in 2009 and the years to come.
- » The Real Estates Company TMS | BUILDING is currently providing and managing the office services in accordance with international standards, suitable for representative offices, businessmen, foreign groups intending to acquire immediately the working offices in Vietnam without wasting much time and expense for the lease of space floors, interior decoration....



TRANSIMEX - CAMBODIA COMPANY LIMITED

- » Business name : **TRANSIMEX - CAMBODIA COMPANY LIMITED**
- » Head office : 09 - 10B/79, Regency Square, Street 205, SKTomnoubteok, KH.Chamkamom, Phnom Penh, Cambodia.
- » Line of business : Shipping agency services, forwarding services, logistics, and container transportation by barge from Vietnam to Cambodia.
- » Total investment : **US\$60,000**, equivalent to VND1.2 billion, of 50% is hold by Transimex-Saigon
- » The Board of Management decided to establish the joint venture expand and connect transport services, logistics, etc. between the two countries. The company has signed an Agency Agreement for the Malaysia International Shipping Corporation (MISC) in Cambodia.

5

TRANSIMEX-SAIGON - HUU NGHI CORPORATION

- » English Name : **TRANSIMEX-SAIGON - HUU NGHI CORPORATION**
- » Head office : Lot No.D11, Dinh Tram Industrial Zone, Viet Yen district, Bac Giang province.
- » Lines of business: Services in forwarding and shipping agents of import and export goods, public goods by seaways, airways and roadways. Services in operating business in warehouses, maintenance of goods, packaging, marking for import and export goods and other types: Bonded warehouse, warehouse for collecting, Container Freight Station (CFS), Inland Clearance Depot. Shipping Agents and goods brokerage, services in customs declaration. Services for goods in transit and transshipment of goods to Cambodia, Laos, China. Leasing office. Business in multimodal transportation. Purchase and sale of household furniture, pottery, porcelain, fine art wares, rubber products, rattan products, industrial products, textile and leather garments, agro-forestry and aquatic products, processed foods.
- » Chartered capital: **VND 3,000,000,000.**
- » Transimex-Saigon - Huu Nghi Joint Stock Company was issued license on January 13, 2009 by the Department of Planning and Investment of Bac Giang.
- » At present, the Company is investing in the "area for controlling import and export goods and bonded warehouses". Total investment: 6.8 billion dong.

6

TRANSIMEX LOGISTICS CO., LTD.

- » Name in Vietnamese : **CÔNG TY TNHH MTV TRANSIMEX LOGISTICS**
- » Name in English : **TRANSIMEX LOGISTICS CO., LTD.**
- » Shortened name : **TMS-LOGISTICS.**
- » Head office : I - 4b - 1.3, Rod N3, the Saigon Hi-tech Park, District 9, HCM City
- » Line of business : Goods transportation by land, inland waterway and air, goods storage and warehousing services; direct support for goods transportation by railway, land, waterway and air; goods loading and unloading services; customs declaration services; import - export freight services.
- » Investment capital : **VND 50,000,000,000.**
- » At present, Company has received investment license in bonded warehouse, in an area of 10.090 m2 of Ho Chi Minh Hi-tech Park. This project will be finished and put in operation at the end of the fourth quarter of 2011.



Headquarters : 229 Dong Khoi St., Dist.1, Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 38 272 295 - Fax: (84.8) 38 272 300
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

No. 0895/2010/BCTC-KTTV

AUDITOR’S REPORT

ON THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS FOR THE PERIOD FROM 01 JANUARY 2010 TO 31 MARCH 2010 OF TRANSFORWARDING WAREHOUSING JOINT STOCK CORPORATION AND ITS SUBSIDIARIES

SHAREHOLDERS: THE BOARD OF MANAGEMENT AND THE DIRECTORS OF TRANSFORWARDING WAREHOUSING JOINT STOCK CORPORATION

We have audited the accompanying financial statements for the period from 01 January 2010 to 31 March 2010 of Transforwarding Warehousing Joint Stock Corporation (parent company) and its subsidiaries (including Foreign Trade Transforwarding Co., Ltd. and TMS Property Co., Ltd. - Ho Chi Minh City) (hereinafter referred to as “the Group”), including the consolidated balance sheet as of 31 March 2010, the consolidated income statement, the consolidated cash flow statement and the notes to the consolidated financial statements for the period from 01 January 2010 to 31 March 2010, which were prepared on 20 August 2010 (from page 07 to page 32).

The preparation and the presentation of these consolidated financial statements are the responsibility of the Directors of Transforwarding Warehousing Joint Stock Corporation. Our responsibility is to express an opinion on these financial statements based on our review.

Audit background

We have conducted our audit in accordance with the Vietnamese Auditing Standards. These standards require that we plan and perform the audit procedures to obtain a reasonable assurance that the consolidated financial statements are free from material mistakes. The audit is developed on the basis of our performing the sampling method as well as applying the necessary examinations and tests of evidences supporting the amounts and the disclosures in the consolidated financial statements. The audit also includes our assessing the company’s compliance with the prevailing accounting standards and system, the accounting principles and methods applied, the material estimates and judgments of the Directors as well as our evaluating the overall presentation of the consolidated financial statements. We believe that our audit has provided reasonable bases for our opinion.

Auditor’s opinion

In our opinion, the consolidated financial statements referred to above give a true and fair view, in all material respects, of the financial position as of 31 March 2010, the business results and the cash flows for the period from 01 January 2010 to 31 March 2010 of the Group in conformity with the prevailing Vietnamese accounting standards and system as well as other related regulations. This report is made in two languages (Vietnamese and English), both of equal validity. The Vietnamese version is the original for reference when needed.

For and on behalf of AUDITING AND CONSULTING COMPANY LIMITED (A&C)



Ly Quoc Trung – Deputy General Director
Audit Certificate No. Đ.0099/KTV
Ho Chi Minh City, 08 September 2010

Tran Hoang Anh – Auditor
Audit Certificate No. 1161/KTV

CONSOLIDATED BALANCE SHEET

As of 31 March 2010

Unit: VND

	ASSETS	CODE	NOTE	ENDING BALANCE	BEGINNING BALANCE
A	CURRENT ASSETS	100		133,559,242,870	129,931,654,616
I.	Cash and cash equivalents	110		55,584,047,785	53,270,222,425
1.	Cash	111	V.1	14,384,047,785	16,909,122,425
2.	Cash equivalents	112		41,200,000,000	36,361,100,000
II.	Short-term investments	120		6,429,369,894	4,091,890,067
1.	Short-term investments	121	V.2	8,346,477,310	5,422,808,115
2.	Provisions for devaluation of short-term investments in securities	129	V.3	(1,917,107,416)	(1,330,918,048)
III.	Short-term accounts receivable	130		51,479,040,605	57,701,980,896
1.	Receivable from customers	131	V.4	17,137,380,228	11,765,005,238
2.	Prepayments to suppliers	132	V.5	30,675,829,257	38,642,201,776
3.	Short-term inter-company receivable	133		-	-
4.	Receivable according to the progress of construction contracts	134		-	-
5.	Other receivable	138	V.6	3,665,831,120	7,294,773,882
6.	Provisions for bad debts	139		-	-
IV.	Inventories	140		7,935,559,888	5,420,991,521
1.	Inventories	141	V.7	7,935,559,888	5,420,991,521
2.	Provisions for devaluation of inventories	149		-	-
V.	Other current assets	150		12,131,224,698	9,446,569,707
1.	Short-term prepaid expenses	151	V.8	1,841,792,539	3,228,098,049
2.	VAT to be deducted	152		5,996,573,261	1,180,643,921
3.	Taxes and other accounts receivable from the State	154		-	2,494,430,764
4.	Trading Government bonds			-	-
5.	Other current assets	158	V.9	4,292,858,898	2,543,396,973
B	LONG-TERM ASSETS	200		355,051,687,206	329,293,904,529
I.	Long-term accounts receivable	210		-	-
1.	Long-term accounts receivable from customers	211		-	-
2.	Working capital in affiliates			-	-
3.	Long-term inter-company receivable	212		-	-
4.	Other long-term receivable	213		-	-
5.	Provisions for bad debts	219		-	-

CONSOLIDATED BALANCE SHEET (CONT.)

As of 31 March 2010

Unit: VND

	ASSETS	CODE	NOTE	ENDING BALANCE	BEGINING BALANCE
II.	Fixed assets	220		198,311,850,544	175,257,183,534
1.	Tangible assets	221	V.10	150,998,406,880	127,438,620,111
	Historical costs	222		240,127,563,426	211,640,453,790
	Accumulated depreciation	223		(89,129,156,546)	(84,201,833,679)
2.	Financial leasehold assets	224		-	-
	Historical costs	225		-	-
	Accumulated depreciation	226		-	-
3.	Intangible assets	227	V.11	2,752,433,757	2,756,574,381
	Initial costs	228		2,957,818,000	2,957,818,000
	Accumulated amortization	229		(205,384,243)	(201,243,619)
4.	Construction-in-progress	230	V.12	44,561,009,907	45,061,989,042
III.	Investment property	240	V.13	80,638,843,345	81,926,051,184
	Historical costs	241		84,033,448,910	84,635,063,351
	Accumulated depreciation	242		(3,394,605,565)	(2,709,012,167)
IV.	Long-term investments	250		68,246,329,111	68,246,329,111
1.	Investments in affiliates	251		-	-
2.	Investments in business concerns and joint ventures	252	V.14	55,600,737,038	55,600,737,038
3.	Other long-term investments	258	V.15	12,645,592,073	12,645,592,073
4.	Provisions for devaluation of long-term investments in securities	259		-	-
V.	Other long-term assets	260		7,854,664,206	3,864,340,700
1.	Long-term prepaid expenses	261	V.16	4,464,299,156	589,712,098
2.	Deferred income tax assets	262	V.17	1,320,376,310	1,204,639,862
3.	Other long-term assets	268	V.18	2,069,988,740	2,069,988,740
VI.	Goodwill	269		-	-
	TOTAL ASSETS	270		488,610,930,076	459,225,559,145

CONSOLIDATED BALANCE SHEET (CONT.)

As of 31 March 2010

Unit: VND

	LIABILITIES AND OWNER'S EQUITY	CODE	NOTE	ENDING BALANCE	BEGINNING BALANCE
A	LIABILITIES	300		125,202,169,707	121,505,274,416
I.	Current liabilities	310		44,300,913,993	40,282,719,211
1.	Short-term debts and loans	311	V.19	15,785,243,939	2,067,289,687
2.	Payable to suppliers	312	V.20	11,098,963,853	3,462,600,467
3.	Advances from customers	313		38,155,000	2,666,765,336
4.	Taxes and other obligations to the State Budget	314	V.21	3,174,308,865	2,201,963,572
5.	Payable to employees	315	V.22	1,365,781,698	4,465,150,727
6.	Accrued expenses	316	V.23	5,281,505,240	4,675,136,439
7.	Inter-company payable	317		-	-
8.	Payable according to the progress of construction	318		-	-
9.	Other payable	319	V.24	4,763,763,101	17,253,404,341
10.	Provisions for short-term accounts payable	320		-	-
11.	Bonus and welfare funds	323	V.25	2,793,192,297	3,490,408,642
12.	Trading Government bonds	327		-	-
II.	Long-term liabilities	320		80,901,255,714	81,222,555,205
1.	Long-term accounts payable to suppliers	321		-	-
2.	Long-term inter-company payable	322		-	-
3.	Other long-term payable	323	V.26	6,258,713,655	6,098,953,650
4.	Long-term debts and loans	324	V.27	71,722,444,254	75,123,601,555
5.	Deferred income tax payable	325		-	-
6.	Deferred income tax payable	336		-	-
7.	Provisions for long-term accounts payable	337		-	-
8.	Unearned revenues	338	V.28	2,920,097,805	-
9.	Science and technology development fund	339		-	-
B	OWNER'S EQUITY	400		363,408,760,369	337,720,284,729
I.	Owner's equity	410		363,408,760,369	337,720,284,729
1.	Capital	411	V.29	132,124,880,000	101,026,260,000
2.	Share premiums	412	V.29	126,607,227,853	116,370,057,853
3.	Other sources of capital	413		-	-
4.	Treasury stocks	413		-	-
5.	Differences on asset revaluation	414		-	-

CONSOLIDATED BALANCE SHEET (CONT.)

As of 31 March 2010

Unit: VND					
	LIABILITIES AND OWNER'S EQUITY	CODE	NOTE	ENDING BALANCE	BEGINNING BALANCE
6.	Foreign exchange differences	415	V.29	885,625,869	636,551,750
7.	Business promotion fund	416	V.29	26,496,359,162	25,779,432,873
8.	Financial reserved fund	417	V.29	7,093,278,950	6,854,303,520
9.	Other funds	418		-	-
10.	Retained earnings	419	V.29	70,201,388,535	87,053,678,733
11.	Construction investment fund	421		-	-
12.	Business arrangement supporting fund			-	-
II.	Other sources and funds	430		-	-
1.	Sources of expenditure	432		-	-
2.	Fund to form fixed assets	433		-	-
C	INTEREST OF MINORITY SHAREHOLDERS	439		-	-
	TOTAL LIABILITIES AND OWNER'S EQUITY	440		488,610,930,076	459,225,559,145

OFF - BALANCE SHEET ITEMS

Unit: VND				
	ITEMS	NOTE	ENDING BALANCE	BEGINNING BALANCE
1.	Leasehold assets		-	-
2.	Materials and goods kept or processed for others		-	-
3.	Goods deposited by others		-	-
4.	Bad debts already treated		-	-
5.	Foreign currencies:			
	USD		271,449.86	236,480.60
	SGD		4,970.00	-
	HKD		2,500.00	-
6.	Estimates for non-business and project expenditure		-	-

Ho Chi Minh City, 20 August 2010

Le Ngoc Hong
Preparer

Le Van Hung
Chief Accountant



Le Duy Hiep
General Director

CONSOLIDATED INCOME STATEMENT

For the period from 01 January 2010 to 31 March 2010

Unit: VND

ITEMS	CODE	NOTE	ACCUMULATED FROM THE BEGINNING OF THE YEAR	
			CURRENT YEAR	PREVIOUS YEAR
1. Sales	01	VI.1	49,867,578,583	34,140,831,424
2. Deductions	03		-	-
3. Net sales	10	VI.1	49,867,578,583	34,140,831,424
4. Costs of goods sold	11	VI.2	37,958,637,109	27,654,776,600
5. Gross profit	20		11,908,941,474	6,486,054,824
6. Financial income	21	VI.3	472,067,686	803,582,900
7. Financial expenses	22	VI.4	1,740,077,681	634,074,329
In which: Loan interest expenses	23		999,938,605	605,181,754
8. Selling expenses	24	VI.5	176,956,070	140,223,158
9. Administrative overheads	25	VI.6	2,769,614,471	2,068,312,281
10. Net operating profit	30		7,694,360,938	4,447,027,956
11. Other income	31	VI.7	202,457,988	101,787,192
12. Other expenses	32	VI.8	325,037,033	3,500,414
13. Other profit/(loss)	40		(122,579,045)	98,286,778
14. Profit or loss of business associates and joint ventures	45		-	-
15. Total accounting profit before tax	50		7,571,781,893	4,545,314,734
16. Current corporate income tax	51		2,661,728,530	1,625,350,319
17. Deferred corporate income tax	52	V.17	(115,736,448)	(450,831,973)
18. Profit after tax	60		5,025,789,811	3,370,796,388
18.1. Profit after tax of minority shareholders	61		-	-
18.2. Profit after tax of shareholders of the parent company	62		5,025,789,811	3,370,796,388
19. Earning per share	70		385	458

Hồ Chí Minh City, 20 August 2010

Le Ngoc Hong
Preparer

Le Van Hung
Chief Accountant



Le Duy Hiep
General Director

CONSOLIDATED CASH FLOW STATEMENT

For the period from 01 January 2010 to 31 March 2010
(Indirect method)

Unit: VND

ITEMS	CODE	NOTE	ACCUMULATED FROM THE BEGINNING OF THE YEAR	
			CURRENT YEAR	PREVIOUS YEAR
I. Cash flows from operating activities				
1. Profit before tax	01		7,571,781,893	4,545,314,734
2. Adjustments:				
- Depreciation of fixed assets	02	V.10, V.11, V.13	5,623,491,041	4,399,052,806
- Provisions	03	V.3	586,189,368	(396,334,055)
- Gain/ (loss) from foreign exchange differences	04	VI.4	(89,760,005)	-
- Gain/ (loss) from investing activities	05	VI.3, VI.7, VI.8	(389,762,432)	-
- Loan interest expenses	06	VI.4	999,938,605	605,181,754
3. Operating profit before changes of working capital	08		14,301,878,470	9,153,215,239
- Increase/ (decrease) of accounts receivable	09		(1,449,847,337)	(275,887,544)
- Increase/ (decrease) of inventories	10		(3,099,324,866)	211,730,089
- Increase/ (decrease) of accounts payable	11		(4,729,522,375)	45,702,423,015
- Increase/ (decrease) of prepaid expenses	12		10,581,208	(169,490,548)
- Loan interests already paid	13		(999,938,605)	(605,181,754)
- Corporate income tax already paid	14	V.21	(1,955,126,049)	-
- Other gains	15		82,272,727	-
- Other disbursements	16		(1,414,142,634)	(726,710,831)
Net cash flows from operating activities	20		746,830,539	53,290,097,666
II. Cash flows from investing activities				
1. Purchases and construction of fixed assets and other long-term assets	21	V.10, V.12	(30,512,553,201)	(17,435,886,873)
2. Gains from disposals and liquidation of fixed assets and other long-term assets	22	VI.7	91,314,392	-
3. Loans given and purchases of debt instruments of other entities	23	V.15	-	-
4. Recovery of loans given and disposals of debt instruments of other entities	24		-	-

CONSOLIDATED CASH FLOW STATEMENT(CONT.)

For the period from 01 January 2010 to 31 March 2010
(Indirect method)

Unit: VND

				ACCUMULATED FROM THE BEGINNING OF THE YEAR	
	ITEMS	CODE	NOTE	CURRENT YEAR	PREVIOUS YEAR
5.	Investments into other entities	25		-	(697,646,508)
6.	Withdrawals of investments in other entities	26		-	-
7.	Receipts of loan interests, dividends and profit shared	27	VI.3	319,573,830	-
	<i>Net cash flows from investing activities</i>	<i>30</i>		<i>(30,101,664,979)</i>	<i>(18,133,533,381)</i>
III.	Cash flows from financing activities				
1.	Gains from stock issuance and capital contributions from shareholders	31	V.29	31,237,170,000	-
2.	Repayment for capital contributions and re-purchases of stocks already issued	32		-	-
3.	Short-term and long-term loans received	33	V.27	11,468,122,851	8,353,986,710
4.	Loan principal amounts repaid	34	V.27	(1,151,325,900)	(2,572,342,254)
5.	Payments for financial leasehold assets	35		-	-
6.	Dividends and profit already paid to the owners	36	V.29	(10,106,632,000)	-
	<i>Net cash flows from financing activities</i>	<i>40</i>		<i>31,447,334,951</i>	<i>5,781,644,456</i>
	<i>Net cash flows during the period</i>	<i>50</i>		<i>2,092,500,511</i>	<i>40,938,208,741</i>
	<i>Beginning cash and cash equivalents</i>	<i>60</i>	<i>VI.1</i>	<i>53,270,222,425</i>	<i>22,550,894,201</i>
	Effects of fluctuations in foreign exchange rates	61		221,324,849	-
	<i>Ending cash and cash equivalents</i>	<i>70</i>	<i>VI.1</i>	<i>55,584,047,785</i>	<i>63,489,102,942</i>

Ho Chi Minh City, 20 August 2010

Le Ngoc Hong
Preparer

Le Van Hung
Chief Accountant



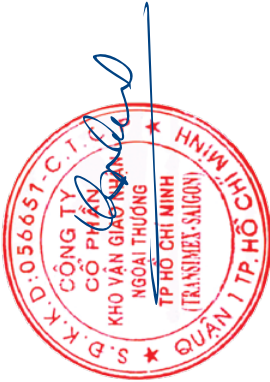
Le Duy Hiep
General Director

APPENDIX: STATEMENT OF FLUCTUATIONS IN OWNER'S EQUITY

For the period from 01 January 2010 to 31 March 2010

	CAPITAL	SHARE PREMIUMS	FOREIGN EXCHANGE DIFFERENCES	BUSINESS PROMOTION FUND	FINANCIAL RESERVED FUND	RETAINED EARNINGS	TOTAL
Beginning balance of the previous year	63,480,000,000	73,135,477,853	-	22,277,999,640	5,687,159,109	57,986,671,031	222,567,307,633
Capital increased in the previous year	37,546,260,000	43,234,580,000	-	-	-	-	80,780,840,000
Repurchase of treasury stocks	-	-	-	-	-	-	-
Profit in the previous year	-	-	-	-	-	37,465,018,578	37,465,018,578
Dividend distribution in the previous year	-	-	-	-	-	-	-
Distribution of funds in the previous year	-	-	-	3,501,433,233	1,167,144,411	(8,398,010,876)	(3,729,433,232)
Revaluation of exchange differences	-	-	636,551,750	-	-	-	636,551,750
Ending balance of the previous year	101,026,260,000	116,370,057,853	636,551,750	25,779,432,873	6,854,303,520	87,053,678,733	337,720,284,729
Beginning balance of the current year	101,026,260,000	116,370,057,853	636,551,750	25,779,432,873	6,854,303,520	87,053,678,733	337,720,284,729
Capital increased during the period	31,098,620,000	10,237,170,000	-	-	-	(10,098,620,000)	31,237,170,000
Profit during the period	-	-	-	-	-	5,025,789,810	5,025,789,810
Dividend distribution during the period	-	-	-	-	-	(10,106,632,000)	(10,106,632,000)
Distribution of funds during the period	-	-	-	716,926,289	238,975,430	(1,672,828,008)	(716,926,289)
Reversal of exchange differences	-	-	(636,551,750)	-	-	-	(636,551,750)
Revaluation of exchange differences	-	-	885,625,869	-	-	-	885,625,869
Ending balance	132,124,880,000	126,607,227,853	885,625,869	26,496,359,162	7,093,278,950	70,201,388,535	363,408,760,369

Ho Chi Minh City, 20 August 2010



Le Duy hiep
General Director

Le Van Hung
Chief Accountant

Le Ngoc Hong
Preparer



Headquarters : 229 Dong Khoi St., Dist.1, Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 38 272 295 - Fax: (84.8) 38 272 300

Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City

Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City

Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

No 0574/2011/BCTC-KTTV

AUDITOR'S REPORT

ON THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS FOR THE YEAR ENDED 31 MARCH 2011 OF TRANSFORWARDING WAREHOUSING JOINT STOCK CORPORATION

Kính gửi: THE SHAREHOLDERS, THE BOARD OF MANAGEMENT AND THE DIRECTORS
OF TRANSFORWARDING WAREHOUSING JOINT STOCK CORPORATION

We have audited the accompanying consolidated financial statements for the fiscal year ended 31 March 2011 of Transforwarding Warehousing Joint Stock Corporation, including the financial statements of Transforwarding Warehousing Joint Stock Corporation (parent company) and its subsidiaries (list of subsidiaries is presented in Note I.5) (hereinafter referred to as "the Group"), including the consolidated balance sheet as of 31 March 2011, the consolidated income statement, the consolidated cash flow statement and the notes to the consolidated financial statements for the fiscal year then ended, which were prepared on 05 May 2011 (from page 07 to page 35).

The preparation and the presentation of these consolidated financial statements are the responsibility of the management of Transforwarding Warehousing Joint Stock Corporation. Our responsibility is to express an opinion on these financial statements based on our audit.

Audit background

We have conducted our audit in accordance with the Vietnamese Auditing Standards. These standards require that we plan and perform the audit procedures to obtain a reasonable assurance that the consolidated financial statements are free from material mistakes. We have developed the audit on the basis of our performing the sampling method as well as applying the necessary examinations and tests of evidences supporting the amounts and the disclosures in the consolidated financial statements. The audit also includes our assessing the Group's compliance with the prevailing accounting standards and system, the accounting principles and methods applied, the material estimates and judgment of the management of Transforwarding Warehousing Joint Stock Corporation as well as our evaluating the overall presentation of the consolidated financial statements. We believe that our audit has provided reasonable bases for our opinion.

Auditor's opinion

In our opinion, the consolidated financial statements referred to above give a true and fair view, in all material respects, of the financial position as of 31 March 2011, the consolidated business results and the consolidated cash flows for the fiscal year then ended of the Group in conformity with the prevailing Vietnamese accounting standards and system as well as other related regulations.

This report is made in two languages (Vietnamese and English), both of equal validity. The Vietnamese version is the original for reference when needed.

For and on behalf of

Auditing and Consulting Company Limited (A&C)



Ly Quoc Trung - Deputy General Director

Audit Certificate No. Đ.0099/KTV

Ho Chi Minh City, 20 May 2011

Tran Hoang Anh - Auditor

Audit Certificate No. 1161/KTV

CONSOLIDATED BALANCE SHEET

As of 31 March 2011

Unit: VND

ASSETS	CODE	NOTE	ENDING BALANCE	BEGINNING BALANCE
A - CURRENT ASSETS	100		121,145,932,161	133,559,242,870
I. Cash and cash equivalents	110	V.1	46,473,620,747	55,584,047,785
1. Cash	111		36,473,620,747	14,384,047,785
2. Cash equivalents	112		10,000,000,000	41,200,000,000
II. Short-term investments	120		7,469,660,771	6,429,369,894
1. Short-term investments	121	V.2	9,664,753,371	8,346,477,310
2. Provisions for devaluation of short-term investments	129	V.3	(2,195,092,600)	(1,917,107,416)
III. Accounts receivable	130		40,295,633,250	51,479,040,605
1. Receivable from customers	131	V.4	18,912,496,456	17,137,380,228
2. Prepayments to suppliers	132	V.5	12,203,078,365	30,675,829,257
3. Short-term inter-company receivable	133		-	-
4. Receivable according to the progress of construction contracts	134		-	-
5. Other receivable	135	V.6	9,180,058,429	3,665,831,120
6. Provisions for bad debts	139		-	-
IV. Inventories	140		10,783,734,970	7,935,559,888
1. Inventories	141	V.7	10,783,734,970	7,935,559,888
2. Provisions for devaluation of inventories	149		-	-
V. Other current assets	150		16,123,282,423	12,131,224,698
1. Short-term prepaid expenses	151	V.8	2,705,781,049	1,841,792,539
2. VAT to be deducted	152		7,023,234,724	5,996,573,261
3. Taxes and other accounts receivable from the State	154	V.9	532,695,630	-
4. Trading Government bonds	157		-	-
5. Other current assets	158	V.10	5,861,571,020	4,292,858,898
B - LONG-TERM ASSETS	200		480,189,171,900	355,051,687,206
I. Long-term accounts receivable	210		-	-
1. Long-term accounts receivable	211		-	-
2. Working capital in affiliates	212		-	-
3. Long-term inter-company receivable	213		-	-
4. Other long-term receivable	218		-	-
5. Provisions for bad debts	219		-	-

CONSOLIDATED BALANCE SHEET (CONT.)

For the fiscal year ended 31 March 2011

Unit: VND

ASSETS		CODE	NOTE	ENDING BALANCE	BEGINNING BALANCE
II.	Fixed assets	220		252,257,856,625	198,311,850,544
1.	Tangible assets	221	V.11	244,353,620,795	150,998,406,880
	Historical costs	222		347,609,777,080	240,127,563,426
	Accumulated depreciation	223		(103,256,156,285)	(89,129,156,546)
2.	Financial leasehold assets	224		-	-
	Historical costs	225		-	-
	Accumulated depreciation	226		-	-
3.	Intangible assets	227	V.12	2,735,871,261	2,752,433,757
	Initial costs	228		2,957,818,000	2,957,818,000
	Accumulated amortization	229		(221,946,739)	(205,384,243)
4.	Construction-in-progress	230	V.13	5,168,364,569	44,561,009,907
III.	Investment property	240	V.14	78,382,520,345	80,638,843,345
	Historical costs	241		84,498,175,910	84,033,448,910
	Accumulated depreciation	242		(6,115,655,565)	(3,394,605,565)
IV.	Long-term investments	250		123,810,470,428	68,246,329,111
1.	Investments in affiliates	251		-	420,000,000
2.	Investments in business concerns and joint ventures	252	V.15	120,774,920,713	55,600,737,038
3.	Other long-term investments	258	V.16	12,225,592,073	12,225,592,073
4.	Provisions for devaluation of long-term investments	259	V.17	(9,190,042,358)	-
V.	Other long-term assets	260		6,988,324,501	7,854,664,206
1.	Long-term prepaid expenses	261	V.18	2,349,145,821	4,464,299,156
2.	Deferred income tax assets	262	V.19	2,507,189,940	1,320,376,310
3.	Other long-term assets	268	V.20	2,131,988,740	2,069,988,740
VI.	Goodwill	269		18,750,000,000	-
	TOTAL ASSETS	270		601,335,104,060	488,610,930,076

CONSOLIDATED BALANCE SHEET (CONT.)

For the fiscal year ended 31 March 2011

Unit: VND

LIABILITIES AND OWNER'S EQUITY		CODE	NOTE	ENDING BALANCE	BEGINNING BALANCE
A -	LIABILITIES	300		191,047,560,566	125,202,169,707
I.	Current liabilities	310		31,848,747,762	44,300,913,993
1.	Short-term debts and loans	311	V.21	10,078,939,307	15,785,243,939
2.	Payable to suppliers	312	V.22	3,435,637,640	11,098,963,853
3.	Advances from customers	313		100,000,000	38,155,000
4.	Taxes and other obligations to the State Budget	314	V.23	518,188,622	3,174,308,865
5.	Payable to employees	315		1,050,987,764	1,365,781,698
6.	Accrued expenses	316	V.24	10,201,250,760	5,281,505,240
7.	Inter-company payable	317		-	-
8.	"Payable according to the progress of construction contracts"	318		-	-
9.	Other payable	319	V.25	5,332,367,966	4,763,763,101
10.	Provisions for short-term accounts payable	320		-	-
11.	Bonus and welfare funds	323	V.26	1,131,375,703	2,793,192,297
12.	Trading Government bonds	327		-	-
II.	Long-term liabilities	330		159,198,812,804	80,901,255,714
1.	Long-term accounts payable to suppliers	331		-	-
2.	Long-term inter-company payable	332		-	-
3.	Other long-term payable	333	V.27	6,469,019,444	6,258,713,655
4.	Long-term debts and loans	334	V.28	149,599,716,139	71,722,444,254
5.	Deferred income tax payable	335		31,263,999	-
6.	Provisions for unemployment allowances	336		-	-
7.	Provisions for long-term accounts payable	337		-	-
8.	Unearned revenues	338	V.29	3,098,813,222	2,920,097,805
9.	Science and technology development fund	339		-	-
B -	OWNER'S EQUITY	400		409,391,675,406	363,408,760,369
I.	Owner's equity	410		409,391,675,406	363,408,760,369
1.	Capital	411	V.30	165,152,140,000	132,124,880,000
2.	Share premiums	412	V.30	126,607,227,853	126,607,227,853
3.	Other sources of capital	413		-	-
4.	Treasury stocks	414		-	-
5.	Differences on asset revaluation	415		-	-

Unit: VND

LIABILITIES AND OWNER'S EQUITY		CODE	NOTE	ENDING BALANCE	BEGINNING BALANCE
6.	Foreign exchange differences	416	V.30	1,393,446,620	885,625,869
7.	Business promotion fund	417	V.30	29,638,347,505	26,496,359,162
8.	Financial reserved fund	418	V.30	8,140,608,398	7,093,278,950
9.	Other funds	419		-	-
10.	Retained earnings	420	V.30	78,459,905,030	70,201,388,535
11.	Construction investment fund	421		-	-
12.	Business arrangement supporting fund	422		-	-
II.	Other sources and funds	430		-	-
1.	Sources of expenditure	432		-	-
2.	Fund to form fixed assets	433		-	-
C -	INTEREST OF MINORITY SHAREHOLDERS	439	V.31	895,868,088	-
TOTAL LIABILITIES AND OWNER'S EQUITY		440		601,335,104,060	488,610,930,076

OFF - BALANCE SHEET ITEMS

ITEMS	NOTE	ENDING BALANCE	BEGINNING BALANCE
1. Leasehold assets		-	-
2. Materials and goods kept or processed for others		-	-
3. Goods deposited by others		-	-
4. Bad debts already treated		-	-
5. Foreign currencies:			
USD		255,712.28	271,449.86
SGD		4,970.00	4,970.00
HKD		6,327.69	2,500.00
6. Estimates for non-business and project expenditure		-	-

Ho Chi Minh City, 05 May 2011

Le Ngoc Hong
Preparer

Le Van Hung
Chief Accountant



Le Duy Hiep
General Director

CONSOLIDATED INCOME STATEMENT

For the fiscal year ended 31 March 2011

Unit: VND

ITEMS	CODE	NOTE	CURRENT YEAR	PREVIOUS YEAR
1. Sales	01	VI.1	240,246,363,707	185,881,675,083
2. Deductions	02		-	-
3. Net sales	10	VI.1	240,246,363,707	185,881,675,083
4. Costs of goods sold	11	VI.2	194,163,987,115	143,545,947,878
5. Gross profit	20		46,082,376,592	42,335,727,205
6. Financial income	21	VI.3	9,018,967,003	8,228,249,555
7. Financial expenses	22	VI.4	17,812,007,481	4,186,148,920
In which: Loan interest expenses	23		6,766,049,531	1,474,128,659
8. Selling expenses	24	VI.5	4,269,295,398	764,822,137
9. Administrative overheads	25	VI.6	18,630,987,596	12,057,912,318
10. Net operating profit	30		14,389,053,121	33,555,093,385
11. Other income	31	VI.7	28,929,791,534	5,826,595,467
12. Other expenses	32	VI.8	16,689,946,664	6,396,228,993
13. Other profit/ (loss)	40		12,239,844,870	(569,633,526)
14. Profit /(loss) in business concerns and joint ventures	45		30,001,997,203	21,119,146,269
15. Total accounting profit before tax	50		56,630,895,194	54,104,606,128
16. Current corporate income tax	51	V.23	9,169,804,108	8,413,984,735
17. Deferred corporate income tax	52	VI.9	(1,155,549,631)	(502,050,544)
18. Profit after tax	60		48,616,640,717	46,192,671,937
18.1. Profit after tax of minority shareholders	61		(4,131,912)	-
18.2. Profit after tax of shareholders of the parent company	62		48,620,772,629	46,192,671,937
19. Earning per share	70	VI.10	2,944	2,891

Ho Chi Minh City, 05 May 2011

Le Ngoc Hong
Preparer

Le Van Hung
Chief Accountant



Le Duy Hiep
General Director

CONSOLIDATED INCOME STATEMENT

For the fiscal year ended 31 March 2011
(Indirect method)

Unit: VND

ITEMS	CODE	NOTE	CURRENT YEAR	PREVIOUS YEAR
I. Cash flows from operating activities				
1. Profit before tax	01		56,630,895,194	54,104,606,128
2. Adjustments				
- Depreciation of fixed assets	02	V.11; V.12; V.14	24,992,981,113	21,017,348,072
- Provisions	03	V.3; V.17	9,468,027,542	2,313,441,471
- Gain/ (loss) from foreign exchange differences	04	VI.4	119,195,970	89,760,005
- Gain/ (loss) from investing activities	05		(50,707,364,349)	(27,682,618,283)
- Loan interest expenses	06	VI.4	6,766,049,531	1,474,128,659
3. Operating profit before changes of working capital	08		47,269,785,000	51,316,666,052
- Increase/ (decrease) of accounts receivable	09		(5,244,535,901)	(96,590,988,964)
- Increase/ (decrease) of inventories	10		(2,848,175,082)	(5,573,281,787)
- Increase/ (decrease) of accounts payable	11		(18,041,278,993)	(40,958,860,893)
- Increase/ (decrease) of prepaid expenses	12		1,251,164,825	(2,418,207,920)
- Loan interests already paid	13		(6,766,049,531)	(1,474,128,659)
- Corporate income tax already paid	14	V.23	(12,520,631,493)	(9,805,801,557)
- Other gains	15		-	632,200,000
- Other disbursements	16		(5,304,252,599)	(5,426,119,348)
Net cash flows from operating activities	20		(2,203,973,774)	(110,298,523,076)
II. Cash flows from investing activities				
1. Purchases and construction of fixed assets and other long-term assets	21		(57,709,321,007)	(106,806,363,762)
2. Gains from disposals and liquidation of fixed assets and other long-term assets	22	VI.7	27,787,651,159	31,786,272,492
3. Loans given and purchases of debt instruments of other entities	23	V.2	(1,500,000,000)	
4. Recovery of loans given and disposals of debt instruments of other entities	24		-	-
5. Investments into other entities	25	V.15	(56,250,000,000)	(7,384,183,125)
6. Withdrawals of investments in other entities	26		-	-
7. Receipts of loan interests, dividends and profit shared	27	VI.3	8,135,849,993	7,164,258,422
Net cash flows from investing activities	30		(79,535,819,855)	(75,240,015,973)

CONSOLIDATED INCOME STATEMENT

For the fiscal year ended 31 March 2011 (Indirect method)

Unit: VND

ITEMS	CODE	NOTE	CURRENT YEAR	PREVIOUS YEAR
III. Cash flows from financing activities				
1. Gains from stock issuance and capital contributions from shareholders	31		-	112,018,010,000
2. Repayment for capital contributions and re-purchases of stocks already issued	32		-	-
3. Short-term and long-term loans received	33	V.28	107,566,491,590	105,733,026,203
4. Loan principal amounts repaid	34	V.21; V.28	(35,395,524,337)	(30,232,245,160)
5. Payments for financial leasehold assets	35		-	-
6. Dividends and profit already paid to the owners	36	V.30	(3,690,000)	(10,106,632,000)
Net cash flows from financing activities	40		72,167,277,253	177,412,159,043
Net cash flows during the year	50		(9,572,516,376)	(8,126,380,006)
Beginning cash and cash equivalents	60	V.1	55,584,047,785	63,489,102,942
Effects of fluctuations in foreign exchange rates	61		462,089,338	221,324,849
Ending cash and cash equivalents	70	V.1	46,473,620,747	55,584,047,785

Ho Chi Minh City, 05 May 2011

Le Ngoc Hong
Preparer

Le Van Hung
Chief Accountant



Le Duy Hiep
General Director

APPENDIX: STATEMENT OF FLUCTUATIONS IN OWNER'S EQUITY

For the fiscal year ended 31 March 2011

Unit: VND

	CAPITAL	SHARE PREMIUMS	FOREIGN EXCHANGE DIFFERENCES	BUSINESS PROMOTION FUND	FINANCIAL RESERVED FUND	RETAINED EARNINGS	TOTAL
Beginning balance of the previous year	63,480,000,000	73,135,477,853	-	22,782,785,827	5,855,421,171	48,187,530,637	213,441,215,488
Capital increased in the previous year	68,644,880,000	53,471,750,000	-	-	-	(10,098,620,000)	112,018,010,000
Profit in the previous year	-	-	-	-	-	46,192,671,937	46,192,671,937
Extraction for funds in the previous year	-	-	-	3,713,573,335	1,237,857,779	(12,407,366,031)	(7,455,934,917)
Dividend distribution	-	-	-	-	-	(1,672,828,008)	(1,672,828,008)
Foreign exchange differences	-	-	885,625,869	-	-	-	885,625,869
Ending balance of the previous year	132,124,880,000	126,607,227,853	885,625,869	26,496,359,162	7,093,278,950	70,201,388,535	363,408,760,369
Beginning balance of the current year	132,124,880,000	126,607,227,853	885,625,869	26,496,359,162	7,093,278,950	70,201,388,535	363,408,760,369
Profit in the current year	-	-	-	-	-	48,620,772,629	48,620,772,629
Extraction for funds in the current year	-	-	-	3,141,988,343	1,047,329,448	(7,331,306,134)	(3,141,988,343)
Sharing dividends in form of shares	33,027,260,000	-	-	-	-	(33,027,260,000)	-
Dividend distribution	-	-	-	-	-	(3,690,000)	(3,690,000)
Reversal of exchange differences	-	-	(885,625,869)	-	-	-	(885,625,869)
Foreign exchange differences	-	-	1,393,446,620	-	-	-	1,393,446,620
Ending balance of the current year	165,152,140,000	126,607,227,853	1,393,446,620	29,638,347,505	8,140,608,398	78,459,905,030	409,391,675,406

Ho Chi Minh City, 05 May 2011



Le Duy hiệp
General Director

Le Van Hung
Chief Accountant

Le Ngoc Hong
Preparer



THÔNG TIN LIÊN HỆ

TRANSIMEX - SAIGON

Lầu 9 - 10, TMS[Building, 172 Hai Bà Trưng, P. Đakao, Q. 1, TP. HCM.
Tel: (84-8) 2220 2888
Fax: (84-8) 2220 2889
Email: info@transimexsaigon.com

ICD TRANSIMEX

Km 7/1, Ấp Bình Thọ, P. Trường Thọ, Q. Thủ Đức, TP. HCM, Việt Nam.
Tel: (84-8) 3731 3302 - 3731 1528
Fax: (84-8) 3731 3079 - 3897 8335
Email: idc.info@transimexsaigon.com

CÔNG TY KIỂM TOÁN

Công Ty Kiểm Toán & Tư Vấn (A & C)
229 Đồng Khởi, Q. 1, TP. HCM, Việt Nam.
Tel: (84-4) 3827 2295/96
Fax: (84-4) 3827 2300

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN

Đồng Nai

Khu Công Nghiệp Argtex, P. Long Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Điện Thoại: (84-4) 629 3458
Fax: (84-61) 629 3485
Email: dno.info@transimexsaigon.com

Bình Dương

Số 02-03 tại Khu dịch vụ VSIP Số 2, đường số 3, KCN Việt Nam - Singapore, H. Thuận An, T. Bình Dương, Việt Nam.
Tel: (84-650) 376 9122
Fax: (84-650) 376 9121
Email: bdo.info@transimexsaigon.com

CHI NHÁNH

Hà Nội

Phòng 1401, Tầng 14, 17 T4 Building, Hoàng Đạo Thúy, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội, Việt Nam.
Tel: (84-4) 6251 1222
Fax: (84-4) 6251 1380
Email: tmsnh.info@transimexsaigon.com

Hải Phòng

03 Lê Thánh Tông, Tòa nhà Thành Đạt, Tầng 7, Phòng 8, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam.
ĐT: (84-313) 355 2735/36/37/38
Fax: (84-313) 355 2739
Email: tmsph.info@transimexsaigon.com

Đà Nẵng

25-27 Hoàng Văn Thụ, Q. Hải Châu, Đà Nẵng, Việt Nam.
Tel: (84-511) 356 1587/88
Fax: (84-511) 356 1589
Email: tmsdn.info@transimexsaigon.com

CONTACT DETAILS

TRANSIMEX - SAIGON

Lầu 9 - 10, TMS]Building, 172 Hai Bà Trưng, P. Đakao, Q. 1, TP. HCM.
Tel: (84-8) 2220 2888
Fax: (84-8) 2220 2889
Email: info@transimexsaigon.com

ICD TRANSIMEX

Km 7/1, Binh Tho, Truong Tho Ward, Thu Duc Dist., HCMC, Viet Nam.
Tel: (84-8) 3731 3302 - 3731 1528
Fax: (84-8) 3731 3079 - 3897 8335
Email: idc.info@transimexsaigon.com

AUDITING COMPANY

Auditing & Consulting Co.,Ltd (A & C)
229 Dong Khoi, Dist. 1, TP. HCM, Việt Nam.
Tel: (84-4) 3827 2295/96
Fax: (84-4) 3827 2300

REPRESENTATIVE OFFICE

Dong Nai

Argtex Industrial Park, Long Binh Ward, Bien Hoa City, Dong Nai Province, Viet Nam.
Tel: (84-4) 629 3458
Fax: (84-61) 629 3485
Email: dno.info@transimexsaigon.com

Binh Duong

02- 03 VSIP Service No.2, Viet Nam - Singapore Industrial Park, Thuan An Dist., Binh Duong Province, Viet Nam.
Tel: (84-650) 376 9122
Fax: (84-650) 376 9121
Email: bdo.info@transimexsaigon.com

BRANCH

Ha Noi

Room 1401, Floor 14, 17 T4 Building, Hoang Dao Thuy Street, Thanh Xuan Dist., Ha Noi City, Viet Nam.
Tel: (84-4) 6251 1222
Fax: (84-4) 6251 1380
Email: tmshn.info@transimexsaigon.com

Hai Phong

03 Le Thanh Tong Street, Thanh Dat Building, Floor 7, Room 8, Ngo Quyen Dist., Hai Phong City, Viet Nam.
Tel: (84-313) 355 2735/36/37/38
Fax: (84-313) 355 2739
Email: tmshp.info@transimexsaigon.com

Da Nang

25-27 Hoang Van Thu Street, Hai Chau Dist, Da Nang City, Viet Nam.
Tel: (84-511) 356 1587/88
Fax: (84-511) 356 1589
Email: tmsdn.info@transimexsaigon.com



A TOTAL LOGISTICS PROVIDER

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN GIAO NHẬN NGOẠI THƯƠNG TP. HCM
TRANSIMEX-SAIGON**

Trụ sở chính: Lầu 9 - 10, TMS|BUILDING,
172 Hai Bà Trưng, Phường Đakao, Quận I, TP. Hồ Chí Minh.
T: + 84 - 8-2220 2888 (16 lines) - F: + 84-8-2220 2889
E: info@transimexsaigon.com - www.transimexsaigon.com